



Báo cáo

Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Xã Tam Anh Bắc, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

MỤC LỤC

A. Giới thiệu chung	4
1. Vị trí địa lý.....	4
2. Đặc điểm địa hình.....	4
3. Đặc điểm thời tiết khí hậu.....	4
4. Xu hướng thiên tai, khí hậu.....	5
5. Phân bố dân cư, dân số.....	5
6. Hiện trạng sử dụng đất đai.....	5
7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế.....	6
B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã	7
1. Lịch sử thiên tai.....	7
2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH.....	8
3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH.....	9
4. Đối tượng dễ bị tổn thương.....	10
5. Hạ tầng công cộng.....	10
a) Điện	10
b) Đường và cầu cống	11
c) Trường	12
d) Cơ sở Y tế	12
e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa	12
f) Chợ	13
6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè).....	13
7. Nhà ở.....	14
8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường	14
9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến.....	15
10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý.....	15
11. Hoạt động sản xuất kinh doanh.....	16
12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm.....	20
13. Phòng chống thiên tai/TUBĐKH.....	20
14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác.....	22
15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TUBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ).....	25
C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã	26
1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng.....	26
2. Hạ tầng công cộng.....	30
3. Công trình thủy lợi.....	35
4. Nhà ở.....	38
5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường.....	40

6.	Y tế và quản lý dịch bệnh.....	43
7.	Giáo dục.....	46
8.	Rừng.....	49
9.	Trồng trọt.....	54
10.	Chăn nuôi.....	58
11.	Thủy Sản.....	62
12.	Du lịch.....	66
13.	Buôn bán và dịch vụ khác.....	66
14.	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm.....	69
15.	Phòng chống thiên tai/TUBĐKH.....	72
16.	Giới trong PCTT và BĐKH.....	76
17.	Các lĩnh vực/ngành then chốt khác.....	79
D.	Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp.....	83
1.	Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH.....	83
2.	Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH.....	87
3.	Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã.....	91
4.	Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã.....	91
E.	Phụ lục.....	92
1.	Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá.....	92
2.	Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn.....	93
3.	Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá.....	97
	Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai.....	98

A. Giới thiệu chung

Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần củng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.

Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).

Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và Long ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)

1. Vị trí địa lý

Xã Tam Anh Bắc được tách ra từ xã Tam Anh vào năm 2005, là một xã đồng bằng của huyện Núi Thành nằm cách trung tâm huyện 15 km về hướng Nam, cách Thành phố Tam Kỳ 10 km về hướng Bắc, có đường sắt Bắc - Nam và Quốc lộ 1A đi ngang qua xã dài 4 km.

- + Phía Đông giáp sông Trường Giang;
- + Phía Tây giáp xã Tam Thạnh và xã Tam Xuân 2;
- + Phía Bắc giáp xã Tam Xuân 2;
- + Phía Nam giáp xã Tam Anh Nam.

2. Đặc điểm địa hình

- **Địa hình:** Địa hình tương đối bằng phẳng, có khoảng 25% diện tích đồi núi thấp, còn lại là vùng đồng bằng. Địa hình thấp từ Tây sang Đông.

Tổng diện tích tự nhiên của xã là 2100 ha, gồm có 6 thôn: Đức Bó 1, Đức Bó 2, Thuận An, Đông Hải, Lý Trà, An Lương

- **Khí hậu:** Mang đặc điểm chung của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, các chỉ số khí hậu thời tiết rất phù hợp cho sinh trưởng và phát triển các loại cây trồng, con vật nuôi; tuy nhiên lượng mưa, lượng nhiệt phân bố không đồng đều theo mùa gây ảnh hưởng rất lớn đến việc bố trí mùa vụ và sinh hoạt đời sống nhân dân. Cụ thể:

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

T T	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của Quảng Nam năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C	25,4-27,5	9-10	Tăng 1,4 ⁰ C
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	38	4-7	Tăng 1,6 ⁰ C-2,4 ⁰ C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	20	12	Giảm khoảng 1,6 ⁰ C -1,8 ⁰ C
4	Lượng mưa Trung bình	Mm	1,392-2,388		Tăng 25 ^{mm}

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của Quảng Nam năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	
2	Xu hướng bão			X	
3	Xu hướng lũ			X	
4	Số ngày rét đậm		X		
5	Mức nước biển tại các trạm hải văn			X	
6	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	

5. Phân bố dân cư, dân số

TT	Thôn	Số hộ	Số hộ phụ nữ làm chủ hộ	Số khẩu			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo
				Tổng	Nữ	Nam		
1	Đức Bó 1	405	76	1.177	537	640	15	9
2	Đức Bó 2	299	46	1.108	589	519	13	11
3	Thuận An	462	112	1.760	821	939	18	18
4	Đông Hải	290	39	1.055	505	550	12	11
5	Lý Trà	318	55	1.098	467	631	10	14
6	An Lương	252	48	1.043	486	557	12	11
Tổng số		2.026	376	7.241	3.405	3.836	80	74

6. Hiện trạng sử dụng đất đai

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	2.102,51
1	Nhóm đất Nông nghiệp	1.358,12
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	817,82
1.1.1	Đất lúa nước	533,16

1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	193,01
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	5,1
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	86,55
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	326,12
1.2.1	Đất rừng sản xuất	326,12
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	0
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	0
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	212,08
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	2
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	210,08
1.4	Đất làm muối	0
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	2,1
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	605,98
3	Diện tích Đất chưa Sử dụng	138,41
	Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng	
	- Đất nông nghiệp	95
	- Đất ở	95

7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ	Tỷ lệ phụ nữ tham gia chính
1	Trồng trọt	52,59	1.318	15,2 triệu/năm	45%
2	Chăn nuôi	12,3	80	13,8 triệu/năm	60%
3	Nuôi trồng thủy sản	5,4	115	470 triệu/ha	20%
4	Đánh bắt hải sản	0	0	(tấn)	
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp)	11,80	105	90 triệu VND/năm	75%
6	Buôn bán	10,46	121	71,5 triệu VND/năm	80%

7	Du lịch	0		(triệu VND/năm)	
8	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v	7,45	287	85,1 triệu VND/năm	10%

B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã

1. Lịch sử thiên tai

Tháng/năm xảy ra	Loại thiên tai	Số thôn bị ảnh hưởng	Tên thôn	Thiệt hại chính		Số lượng	
9/2009	Bão	06 thôn	Đức Bó 1 Đức Bó 2 Thuận An Đông Hải Lý Trà An Lương	1. Số người chết/mất tích:	1 Nam	1 Nữ	
				2. Số người bị thương:	0		
				3. Số nhà bị thiệt hại:	122		
				4. Số trường học bị thiệt hại:	0		
				5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0		
				6. Số km đường bị thiệt hại:	4,5 đường bê tông 1,7 km đường đất bị sạt		
				7. Số ha rừng bị thiệt hại:	70		
				8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	2		
				9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0		
				10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	50		
				11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0		
				12. Các thiệt hại khác: Hoa màu, gia súc, gia cầm	2,5 ha 431 con		
				13. Ước tính thiệt hại kinh tế:			
2016	Lũ	06 thôn	Đức Bó 1 Đức Bó 2 Thuận An Đông Hải Lý Trà An Lương	1. Số người chết/mất tích:	0 Nam	1 Nữ	
				2. Số người bị thương:	0		
				3. Số nhà bị thiệt hại:	0		
				4. Số trường học bị thiệt hại:	0		
				5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0		

				6. Số km đường bị thiệt hại:	0	
				7. Số ha rừng bị thiệt hại:	0	
				8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	16	
				9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0	
				10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	50	
				11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0	
				12. Các thiệt hại khác: Hoa màu, gia súc, gia cầm	54ha 701 con	
				13. Ước tính thiệt hại kinh tế:	1,2 tỷ đồng	
11/2017	Lũ	06	Đức Bó 1 Đức Bó 2 Thuận An Đông Hải Lý Trà An Lương	1. Số người chết/mất tích:	0 Nam	0 Nữ
				2. Số người bị thương:	0	
				3. Số nhà bị thiệt hại:	0	
				4. Số trường học bị thiệt hại:	0	
				5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0	
				6. Số km đường bị thiệt hại:	0	
				7. Số ha rừng bị thiệt hại:	0	
				8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	0	
				9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0	
				10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	80	
				11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0	
				12. Các thiệt hại khác: Hoa màu, gia súc, gia cầm	7 ha 416 con	
				13. Ước tính thiệt hại kinh tế:	1,4 tỷ đồng	

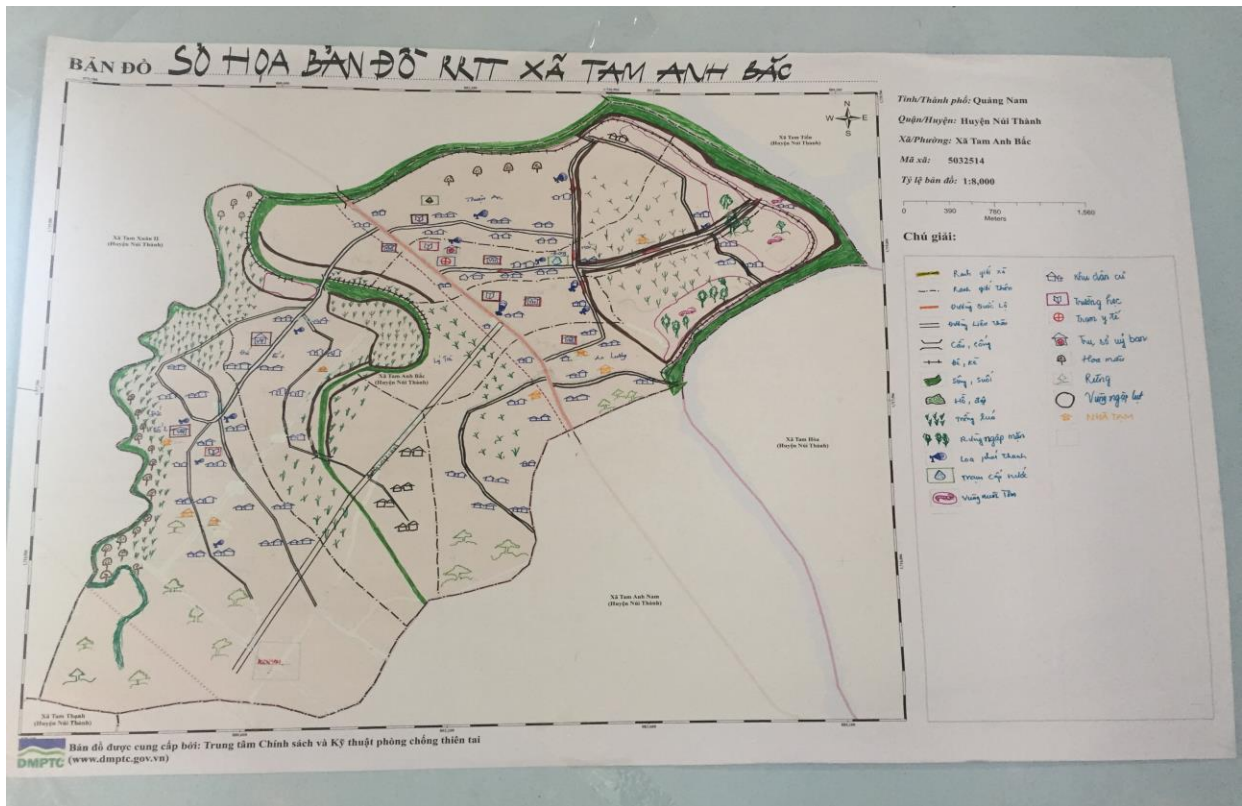
2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH

ST T	Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến ¹	Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai	Mức độ thiên tai hiện tại (Cao/Trung Bình/Thấp)	Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050 (Tăng, Giảm,	Mức độ thiên tai theo kịch bản (Cao/Trung Bình/Thấp)
------	---	--	---	---	--

¹ Theo Quy định của các loại hình thiên tai được quy định trong luật PCTT

				Giữ nguyên)	
1	Bão	Đức Bó 1	Cao	Tăng	Cao
		Đức Bó 2	Cao	Tăng	Cao
		Thuận An	Cao	Tăng	Cao
		Đông Hải	Cao	Tăng	Cao
		Lý Trà	Cao	Tăng	Cao
		An Lương	Cao	Tăng	Cao
2	Ngập lụt	Đông Hải	Cao	Tăng	Cao
		Thuận An	Cao	Tăng	Trung bình
		Đức Bó 1	Cao	Tăng	Trung bình
3	Hạn hán	Đức Bó 1	Trung bình	Tăng	Trung bình
		Đức Bó 2	Trung bình	Tăng	Trung bình
		Thuận An	Trung bình	Tăng	Trung bình
		Đông Hải	Trung bình	Tăng	Trung bình
		Lý Trà	Trung bình	Tăng	Trung bình
		An Lương	Trung bình	Tăng	Trung bình
4	Ngập lụt do nước dâng do bão	Đông Hải	Cao	Tăng	Cao
		Thuận An	Cao	Tăng	Cao

3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH



4. Đối tượng dễ bị tổn thương

T	T	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương														
			Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-18 tuổi		Phụ nữ có thai*	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người bị bệnh hiểm nghèo		Người nghèo		Người dân tộc thiểu số	
			Nữ	Tổng	Nữ	Tổng		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng
1	Đức Bô 1	38	88	136	269	25	88	153	17	49	2	3	35	41	1	1	
2	Đức Bô 2	27	58	89	186	20	73	125	14	37	4	4	25	38	1	1	
3	Thuận An	61	105	161	320	31	96	189	38	59	2	2	43	75	0	0	
4	Đông Hải	34	69	133	230	28	38	59	21	30	1	2	29	48	0	1	
5	Lý Trà	32	66	104	208	29	82	134	26	43	2	3	30	39	2	7	
6	An Lương	26	48	76	180	14	68	97	22	49	0	0	27	43	1	1	
Tổng cộng		218	434	699	1393	147	445	757	138	267	11	14	189	284	5	11	

5. Hạ tầng công cộng

a) Điện

TT	Hệ thống điện	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị tính	Hiện trạng	
					Kiên cố	Chưa kiên cố
	Cột điện	Đức Bô 1 Đức Bô 2 Thuận An Đông Hải Lý Trà	1998-2000	Cột	121 100 183 120 121	

		An Lương			101	
	Dây điện	Đức Bó 1 Đức Bó 2 Thuận An Đông Hải Lý Trà An Lương	1998-2000	Km	6 5 9 6 6 5	
	Trạm điện	Đức Bó 1 Đức Bó 2 Thuận An Đông Hải Lý Trà An Lương	1998-2000	Trạm	1 1 2 1 2 1	

Ghi chú : Dây điện sau công tơ về nhà dân được kéo trên các trụ tạm bợ, chưa an toàn.

b) Đường và cầu cống

TT	Đường, Cầu cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Nhựa	Bê tông	Đất
	Đường						
	Đường quốc lộ	Thuận An Đông Hải Lý Trà An Lương	1997	Km	4		
	Đường tỉnh/huyện			Km	0		
	Đường xã	Thuận An, Đức Bó 1, Đức Bó 2	2000	Km		0,8 1,1 2	
	Đường thôn	Đức Bó 1 Đức Bó 2 Thuận An Đông Hải Lý Trà An Lương	2001	Km		4,96 4,28 4,67 5,51 1,73 3,56	0,430 0 0,082 1,44 0,37 0
	Đường nội đồng	Đức Bó 1 Đức Bó 2 Thuận An Lý Trà	1998	km		3,95	1,407
	Cầu, Cống				Kiên cố	Yếu	Tạm
	Cầu giao thông	Đức Bó 1 Đức Bó 2 Thuận An	2003	cái	3		
	Cống giao thông	Đức Bó 1	2003	cái		1	

c) Trường

TT	Trường	Thôn ²	Năm xây dựng	Số phòng	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
I	Mầm non³						
	Trường Mẫu giáo Măng Non (Cơ sở chính)	Đông Hải	2010	7	1 tầng		
	Trường Mẫu giáo Măng Non (Cơ sở Đức Bô 2)	Đức Bô 2	2009	4	1 tầng		
II	Tiểu học						
	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn (Cơ sở chính)	Thuận An	2013	18	2 tầng		
	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn (Cơ sở Đức Bô 2)	Đức Bô 2	2013	6	2 tầng		
	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn (Cơ sở Lý Trà)	Lý Trà	2013	4	1 tầng		
III	Trường THCS Lương Thế Vinh	Đông Hải	2008	24	2 tầng		
IV	Trường THPT Cao Bá Quát	Đông Hải	2000	30	2 tầng		

d) Cơ sở Y tế

TT	Cơ sở Y tế	Thôn	Năm xây dựng	Số Giường	Số phòng	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Bệnh viện ⁴			0	0			
	Trạm y tế	Đông Hải	1998	5	9	9		
	Cơ sở khám	Đông Hải	2017	1	1		1	

e) Trụ sở UBND và Nhà Văn hóa

TT	Trụ sở	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Trụ Sở UBND	Đông Hải	2005	Phòng		17	

² Nếu trường thuộc quản lý của huyện nhưng nằm tại thôn/xã này thì vẫn phải thống kê

³ Nếu có nhiều điểm trường thì phải thống kê từng điểm trường

⁴ Bệnh viện tỉnh, huyện nhưng nằm trên địa bàn xã thì vẫn phải thống kê

	Nhà văn hóa xã			Cái			
	Nhà văn hóa thôn	Đức Bó 1	2018	Cái	1		
		Đức Bó 2	2017		1		
		Thuận An	2016		1		
		Đông Hải	2016		1		
		Lý Trà	2017		1		
		An Lương	2016		1		

f) Chợ

TT	Chợ	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Chợ huyện/xã	0		Cái			
	Chợ tạm/chợ cóc	0		Cái			

6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê kè)

TT	Hạng mục	Đơn vị	Năm xây dựng	Số lượng			
				Kiên cố	Bán kiên cố	Chưa kiên cố (không an toàn)	
	Đê Đức Bó 1 Thuận An Đông Hải An Lương	km	1999		2 2 5 1		
	Kè	Km					
	Kênh mương Đức Bó 1 Đức Bó 2 Thuận An Đông Hải Lý Trà An Lương	Km	2000	7,97 9,25 3,6 4,48 2,5 3		2 0 0 0 0,6 0	
	Cống thủy lợi	Cái	2001	60			
	Đập thủy lợi	Cái		0			
	Trạm bơm	Cái	1998	1			
	Khác: Hồ: 01 cái						

7. Nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ
1	Đức Bó 1	405	255	35	8	0
2	Đức Bó 2	299	221	75	11	0
3	Thuận An	462	348	92	23	0
4	Đông Hải	290	197	85	15	0
5	Lý Trà	318	219	76	5	0
6	An Lương	252	177	59	3	0
	Tổng	2.026	1417	422	65	0

8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

TT	Tên thôn	Số hộ	Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt					Số hộ sử dụng nhà vệ sinh		
			Giếng (đào/khoan)	Nước máy	Trạm cấp nước công cộng	Tự chảy	Bể chứa nước	Hợp vệ sinh (tự hoại, bán tự hoại)	Tạm	Không có
1	Đức Bó 1	405	298	0	0	0	0	345	0	0
2	Đức Bó 2	299	307	0	0	0	0	260	0	0
3	Thuận An	462	416	46	0	0	0	439	0	0
4	Đông Hải	290	290	0	1	0	1	276	0	0
5	Lý Trà	318	318	0	0	0	0	310	0	0
6	An Lương	252	252	0	0	0	0	239	0	0
	Tổng	2.026	1.870	0	1	0	0	1.870	0	0

9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
1	Đau mắt đỏ	17	9	10	7	6
2	Sốt xuất huyết	5	3	1	0	0
3	Viêm đường hô hấp	30	2	1	2	3
4	Tay chân miệng	8	0	0	0	0
5	Số ca bệnh phụ khoa (thường do đk nước sạch và vệ sinh không đảm bảo)	0	8	0	0	0
	Tổng	60	22	12	9	9

10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý

T T	Loại rừng	Năm trồng rừng	Thôn	Tổng diện tích (ha)	Tỷ lệ thành rừng	Các loại cây được trồng bản địa	Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng	Diện tích do dân làm chủ rừng
	Rừng ngập mặn	2016	Đông Hải	1		Được	Đánh bắt tôm cá tự nhiên	
	Rừng trên cát			0				
	Rừng tự nhiên			0				
	Diện tích quy hoạch trồng <u>rừng ngập mặn</u> nhưng chưa trồng			15,6				
	Diện tích quy hoạch trồng <u>rừng trên cát</u> nhưng chưa trồng			0				
	Rừng khác (Rừng keo)		Đức Bó 1, Đức Bó 2, An Lương, Lý Trà	326,12	90%	Keo lá tràm, bạch đàn, dương liễu, thông dầu		94%
	Tổng			342,72				

Ghi chú khác: Doanh nghiệp quản lý 6% diện tích đất rừng.

11. Hoạt động sản xuất kinh doanh
Thôn Đức Bố 1

T T	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Thôn	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ (%) thiệt hại (**)
	Trồng trọt - Lúa - Hoa màu - Cây lâu năm - Cây hàng năm - Cây ăn quả	Ha	60 82 28	351	45%	Lúa	70%
	Chăn nuôi - Gia súc - Gia cầm	Con	348 2.950	50	60%	Gia cầm	50%
	Thủy Hải Sản Đánh bắt - Người dân đi biển - Tàu thuyền gần bờ - Tàu thuyền gần bờ	Hộ Tàu Tàu		0		0	
	Thủy hải sản Nuôi trồng - Bãi nuôi - Ao, hồ nuôi - Lòng bè	- Ha - Ha - Cái		1,2	0%	Nuôi tôm	65%
	Du lịch - Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn - Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm/khách sạn Điểm/trung tâm		0		0	
	Buôn bán và dịch vụ khác			36	85%	0	

Thôn Đức Bố 2

T T	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Thôn	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ (%) thiệt hại (**)
	Trồng trọt - Lúa - Hoa màu - Cây lâu năm - Cây hàng năm - Cây ăn quả	Ha	150 45 82 23	208	48%	Lúa	80%

	Chăn nuôi - Gia súc - Gia cầm	Con	895 2.230	87	60%	Gia cầm	60%
	Thủy Hải Sản Đánh bắt - Người dân đi biển - Tàu thuyền gần bờ - Tàu thuyền gần bờ	Hộ Tàu Tàu		0			
	Thủy hải sản Nuôi trồng - Bãi nuôi - Ao, hồ nuôi - Lồng bè	- Ha - Ha - Cái		1	0%	Nuôi tôm	70%
	Du lịch - Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn - Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm/khách sạn Điểm/trung tâm		0			
	Buôn bán và dịch vụ khác			18	90%	Buôn bán nhỏ lẻ	40%

Thôn Thuận An

T T	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Thôn	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ (%) thiệt hại (**)
	Trồng trọt - Lúa - Hoa màu - Cây lâu năm - Cây hàng năm - Cây ăn quả	Ha	210 70 109 31	324	52%	Lúa	80%
	Chăn nuôi - Gia súc - Gia cầm	Con	214 3.354	71	65%	Gia cầm	68%
	Thủy Hải Sản Đánh bắt - Người dân đi biển - Tàu thuyền gần bờ - Tàu thuyền gần bờ	Hộ Tàu Tàu		0			
	Thủy hải sản Nuôi trồng - Bãi nuôi - Ao, hồ nuôi - Lồng bè	- Ha - Ha - Cái		8	10%	Nuôi tôm	65%
	Du lịch - Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm/khách sạn		0			

	- Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm/trung tâm					
	Buôn bán và dịch vụ khác			16	80%	Buôn bán nhỏ lẻ	35%

Thôn Đông Hải

T T	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Thôn	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ (%) thiệt hại (**)
	Trồng trọt - Lúa - Hoa màu - Cây lâu năm - Cây hàng năm - Cây ăn quả	Ha	108 80 18 10	203	45%	Lúa	70%
	Chăn nuôi - Gia súc - Gia cầm	Con	160 3.890	124	70%	Gia cầm	50%
	Thủy Hải Sản Đánh bắt - Người dân đi biển - Tàu thuyền gần bờ - Tàu thuyền gần bờ	Hộ Tàu Tàu		0			
	Thủy hải sản Nuôi trồng - Bãi nuôi - Ao, hồ nuôi - Lồng bè	- Ha - Ha - Cái	50	80	2%	Nuôi tôm	70%
	Du lịch - Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn - Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm/khách sạn Điểm/trung tâm		0			
	Buôn bán và dịch vụ khác			18	90%	Buôn bán nhỏ lẻ	25%

Thôn Lý Trà

T T	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Thôn	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ (%) thiệt hại (**)
	Trồng trọt - Lúa	Ha	124 35	215	45%	Lúa	70%

	<ul style="list-style-type: none"> - Hoa màu - Cây lâu năm - Cây hàng năm - Cây ăn quả 		69				
	Chăn nuôi <ul style="list-style-type: none"> - Gia súc - Gia cầm 	Con	351 1.652	82	56%	Gia cầm	50%
	Thủy hải Sản Đánh bắt <ul style="list-style-type: none"> - Người dân đi biển - Tàu thuyền gần bờ - Tàu thuyền gần bờ 	Hộ Tàu Tàu		0			
	Thủy hải sản Nuôi trồng <ul style="list-style-type: none"> - Bãi nuôi - Ao, hồ nuôi - Lồng bè 	- Ha - Ha - Cái	26	24	10%	Nuôi tôm	70%
	Du lịch <ul style="list-style-type: none"> - Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn - Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống 	Điểm/k hách sạn Điểm/tr ung tâm		0			
	Buôn bán và dịch vụ khác			11	90%	Buôn bán nhỏ lẻ	25%

Thôn An Lương

T T	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Thôn	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ (%) thiệt hại (**)
	Trồng trọt <ul style="list-style-type: none"> - Lúa - Hoa màu - Cây lâu năm - Cây hàng năm - Cây ăn quả 	Ha	60 41 12 7	151	43%	Lúa	70%
	Chăn nuôi <ul style="list-style-type: none"> - Gia súc - Gia cầm 	Con	210 1.532	47	60%	Gia cầm	50%
	Thủy Hải Sản Đánh bắt <ul style="list-style-type: none"> - Người dân đi biển - Tàu thuyền gần bờ - Tàu thuyền gần bờ 	Hộ Tàu Tàu		0			
	Thủy hải sản Nuôi trồng <ul style="list-style-type: none"> - Bãi nuôi - Ao, hồ nuôi 	- Ha - Ha	8	9	5%	Nuôi tôm	70%

	- Lồng bè	- Cái				
	Du lịch - Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn - Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm/khách sạn Điểm/trung tâm	0			
	Buôn bán và dịch vụ khác		26	80%	Buôn bán nhỏ lẻ	30%

12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Địa bàn Thôn
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	90	06 thôn
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	95	06 thôn
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Loa	35	06 thôn
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn	%	95	06 thôn
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0	
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Hộ	2.026	06 thôn
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	1.721	06 thôn

Nhận xét: Loại thông tin được thông báo đến người dân gồm: Thông tin về cơn bão, công điện của tỉnh, huyện, thông tin xả lũ, thông báo di dời, sơ tán dân,... Người dân tiếp nhận thông tin từ đài phát thanh của xã, ti vi, Internet,...

13. Phòng chống thiên tai/TUBDKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BDKH hàng năm	Thôn	06	Đức Bó 1 Đức Bó 2 Thuận An Đông Hải Lý Trà An Lương

2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	04	Mẫu giáo Măng Non Trường TH Trần Văn Ôn Trường THCS Lương Thế Vinh Trường THPT Cao Bá Quát
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã	Lần	0	
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	33	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	8	Hỗ trợ, chăm sóc, sơ tán đối với phụ nữ, trẻ em và lo công tác hậu cần
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu	Người	0	
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	13-17 <i>người/thôn</i>	6 thôn
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	3-6 <i>người/thôn</i>	Hỗ trợ, chăm sóc, sơ tán đối với phụ nữ, trẻ em và lo công tác hậu cần
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TU'ĐKH dựa vào cộng đồng	Người	0	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	0	
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:			
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	2	
	- Áo phao	Chiếc	16	
	- Loa	Chiếc	10	
	- Đèn pin	Chiếc	30	
8	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	7	
	- Lều bạt	Chiếc	4	
	- Xe vận tải	Chiếc	6	
9	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng		0	
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị	0	
10	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	0	
11	Khác....		0	

14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, Ngập lụt	Đức Bó 1	405	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu công cụ sản xuất - Thiếu vốn sản xuất - Một số diện tích đất sản xuất nằm trong vùng trũng, thấp - Chuồng trại chăn nuôi không đảm bảo 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa, gia cầm là tiềm năng phát triển của thôn - Diện tích đất sản xuất rộng, màu mỡ - Gắn kênh mương, nguồn nước tưới thuận lợi - Đưa cơ giới hóa vào sản xuất, sạ theo hàng, lúa năng suất cao 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu vốn sản xuất - Thiếu đầu tư mua giống thuần chuẩn 	<p>Cao:</p> <p>không có vốn đầu tư, chưa áp dụng KHKT, sản xuất không trung, không theo lịch cơ cấu giống</p>
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu nhập thấp, không đảm bảo đời sống - Chính quyền địa phương không chỉ đạo triệt để khi sản xuất 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 95% hộ sản xuất nông nghiệp - Tập trung đồn điền đổi thửa theo định hướng nông thôn mới - Địa phương hỗ trợ cho nông dân mua phân trả chậm 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng KHKT vào sản xuất, chăn nuôi - Nhân dân sử dụng giống lúa thịt để sản xuất nên năng suất không cao - Người dân không tuân thủ theo cơ cấu giống lịch thời vụ 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng nguồn phân gia súc gia cầm sẵn có - Sử dụng công lao động nhân rỗi - Tận dụng nguồn thức ăn sẵn có để chăn nuôi 		
	Đức Bó 2	299	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 8% diện tích lúa phụ thuộc nước trời - Thiếu công cụ sản xuất - Thiếu vốn sản xuất - Một số diện tích đất sản xuất nằm trong vùng trũng, thấp - Chuồng trại chăn nuôi không đảm bảo <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền địa phương không chỉ đạo triệt để khi sản xuất - Hộ dân chưa đồng thuận đồn 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa, gia cầm là tiềm năng phát triển của thôn - Nông nghiệp đảm bảo đời sống cho người dân - Diện tích đất sản xuất rộng, màu mỡ - Gắn sông, có phù sa bồi đắp <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 85% hộ sản xuất nông nghiệp - Tập trung đồn điền đổi thửa theo định hướng nông 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu vốn sản xuất - Thiếu đầu tư mua giống thuần chuẩn 	<p>Cao:</p> <p>không có vốn đầu tư, chưa áp dụng KHKT, sản xuất không trung, không theo lịch cơ cấu giống</p>

		<p>điền đổi thửa theo định hướng nông thôn mới</p> <p>*NT/KN: - Chưa áp dụng KHKT vào sản xuất - Nhân dân sử dụng giống lúa thịt để sản xuất nên năng suất không cao - Người dân không tuân thủ theo cơ cấu giống lịch thời vụ</p>	<p>thôn mới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa phương hỗ trợ cho nông dân mua phân trả chậm <p>*NT/KN: - Tận dụng nguồn phân gia súc gia cầm sẵn có - Đưa cơ giới hóa vào sản xuất, sạ theo hàng, lúa năng suất cao - Sử dụng công lao động nhân rỗi - Tận dụng nguồn thức ăn sẵn có để chăn nuôi</p>		
Thuận An	462	<p>*VC: - Thiếu công cụ sản xuất - Thiếu vốn sản xuất - 100% diện tích đất sản xuất nằm trong vùng trũng, thấp - Chuồng trại chăn nuôi không đảm bảo</p>	<p>*VC: - Lúa, gia cầm là tiềm năng phát triển của thôn - Gần kênh mương, nguồn nước tưới thuận lợi</p>	<p>Dịch bệnh nuôi trồng thủy sản và trồng lúa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu ra sản phẩm bấp bênh, thương ép giá. 	<p>Cao: nằm trong vùng ngập lụt, thương ép giá</p>
		<p>*TCXH: - Hộ dân chưa đồng thuận dồn điền đổi thửa theo định hướng nông thôn mới - Chính quyền địa phương không chỉ đạo triệt để khi sản xuất</p>	<p>*TCXH: - 80 hộ nuôi trồng thủy sản, 120 Tận dụng nguồn phân gia súc gia cầm sẵn có - Địa phương hỗ trợ cho nông dân mua phân trả chậm - Chính quyền địa phương chỉ đạo sản xuất thời vụ cho dân</p>		
		<p>*NT/KN: - Chưa áp dụng KHKT vào sản xuất - Nhân dân sử dụng giống lúa thịt để sản xuất nên năng suất không cao</p>	<p>*NT/KN: - Người dân tuân thủ theo cơ cấu giống lịch thời vụ - Sử dụng công lao động nhân rỗi - Tận dụng nguồn thức ăn sẵn có để chăn nuôi</p>		
Đông Hải	290	<p>*VC: - Thiếu công cụ sản xuất - Thiếu vốn sản xuất - Một số diện tích đất sản xuất nằm trong vùng trũng, thấp - Chuồng trại chăn nuôi không đảm bảo</p>	<p>*VC: - Lúa, gia cầm là tiềm năng phát triển của thôn - Gần kênh mương, nguồn nước tưới thuận lợi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu vốn sản xuất - Thiếu đầu tư mua giống thuần chuẩn 	<p>Cao: không có vốn đầu tư, chưa áp dụng KHKT, sản xuất không trung, không theo lịch cơ cấu</p>
		<p>*TCXH: - Hộ dân chưa đồng thuận dồn điền đổi thửa theo định hướng nông thôn mới - Chính quyền địa phương</p>	<p>*TCXH: - 90% hộ dân làm nông nghiệp - Địa phương hỗ trợ cho nông dân mua phân trả</p>		

		<p>không chỉ đạo triệt để khi sản xuất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuồng trại chăn nuôi không đảm bảo 	<p>chậm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền địa phương chỉ đạo sản xuất thời vụ cho dân 		giống
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng KHKT vào sản xuất - Nhân dân sử dụng giống lúa thịt để sản xuất nên năng suất không cao - Người dân không tuân thủ theo cơ cấu giống lịch thời vụ 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng nguồn phân gia súc gia cầm sẵn có - Sử dụng công lao động nhàn rỗi - Tận dụng nguồn thức ăn sẵn có để chăn nuôi 		
Lý Trà	318	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu công cụ sản xuất - Thiếu vốn sản xuất - Một số diện tích đất sản xuất nằm trong vùng trũng, thấp - Chuồng trại chăn nuôi không đảm bảo 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa, gia cầm là tiềm năng phát triển của thôn - Gần kênh mương, nguồn nước tưới thuận lợi 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu vốn sản xuất - Thiếu đầu tư mua giống thuần chuẩn 	<p>Cao:</p> <p>không có vốn đầu tư, chưa áp dụng KHKT, sản xuất không trung, không theo lịch cơ cấu giống</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ dân chưa đồng thuận dồn điền đổi thửa theo định hướng nông thôn mới - Chính quyền địa phương không chỉ đạo triệt để khi sản xuất 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% hộ dân làm nông nghiệp - Địa phương hỗ trợ cho nông dân mua phân trả chậm - Chính quyền địa phương chỉ đạo sản xuất thời vụ cho dân 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng KHKT vào sản xuất - Nhân dân sử dụng giống lúa thịt để sản xuất nên năng suất không cao - Người dân không tuân thủ theo cơ cấu giống lịch thời vụ 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng nguồn phân gia súc gia cầm sẵn có - Sử dụng công lao động nhàn rỗi - Tận dụng nguồn thức ăn sẵn có để chăn nuôi 		
An Lương	252	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu công cụ sản xuất - Thiếu vốn sản xuất - Một số diện tích đất sản xuất nằm trong vùng trũng, thấp - Chuồng trại chăn nuôi không đảm bảo 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa, gia cầm là tiềm năng phát triển của thôn - Gần kênh mương, nguồn nước tưới thuận lợi 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu vốn sản xuất - Thiếu đầu tư mua giống thuần chuẩn 	<p>Cao:</p> <p>không có vốn đầu tư, chưa áp dụng KHKT, sản xuất không trung, không theo lịch cơ cấu giống</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ dân chưa đồng thuận dồn điền đổi thửa theo định hướng nông thôn mới - Chính quyền địa phương không chỉ đạo triệt để khi sản xuất 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% hộ dân làm nông nghiệp - Địa phương hỗ trợ cho nông dân mua phân trả chậm - Chính quyền địa phương 		

			chỉ đạo sản xuất thời vụ cho dân
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng KHKT vào sản xuất - Nhân dân sử dụng giống lúa thịt để sản xuất nên năng suất không cao - Người dân không tuân thủ theo cơ cấu giống lịch thời vụ 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng nguồn phân gia súc gia cầm sẵn có - Sử dụng công lao động nhân rồi - Tận dụng nguồn thức ăn sẵn có để chăn nuôi

15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TUBĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)

T	Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ	Thôn Đúc Bó 1	Thôn Đúc Bó 2	Thôn Thuận An	Thôn Đông Hải	Thôn Lý Trà	Thôn An Lương	Khả năng của xã (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)	90 %	90 %	90 %	90 %	90 %	90 %	Cao
2	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng							
	- Điện	0	0	0	0	0	0	Thấp
	- Đường và cầu cống	25%	25%	25%	25%	25%	25%	Thấp
	- Trường	10%	10%	10%	10%	10%	10%	Thấp
	- Trạm	10%	10%	10%	10%	10%	10%	Thấp
	- Trụ sở UBND, Nhà Văn hóa	10%	10%	10%	10%	10%	10%	Thấp
	- Chợ	0	0	0	0	0	0	Thấp
3	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi	40 %	40 %	40 %	40 %	40 %	40 %	Thấp
4	Kỹ năng và kiến thức chặn chống nhà cửa	70%	70%	70%	70%	70%	70%	Cao
5	Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường	60%	60%	60%	60%	60%	60%	Cao

6	Khả năng kiểm soát dịch bệnh của đơn vị y tế Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân	65%	65%	65%	65%	65%	65%	Trung bình
7	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý	70%	70%	70%	70%	70%	70%	Trung bình
8	Hoạt động sản xuất kinh doanh	60%	60%	60%	60%	60%	60%	Trung bình
9	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	70%	70%	70%	70%	70%	70%	Trung bình
	Đánh giá năng lực của thôn	Thấp Thiếu kiến thức về chặn chống nhà cửa và duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng	Thấp Thiếu kiến thức về chặn chống nhà cửa và duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng	Thấp Thiếu kiến thức về chặn chống nhà cửa và duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng	Thấp Thiếu kiến thức về chặn chống nhà cửa và duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng	Thấp Thiếu kiến thức về chặn chống nhà cửa và duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng	Thấp Thiếu kiến thức về chặn chống nhà cửa và duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng	

C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã

1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, Ngập lụt	Đức Bó 1	405	*VC: - Chưa có điểm để sơ tán người già và trẻ em - Trong các khu dân cư thấp trũng chưa có nhiều nhà cao tầng để người dân có thể sơ tán - Chưa có nhà tránh trú bão, lụt của cộng đồng - 95% hộ dân không có áo phao	*VC: - 47% lực lượng lao động - 78% người dân biết bơi - Tận dụng nhà dân vùng an toàn để sơ tán - 5% hộ dân có áo phao	- Người già và trẻ em không có nơi để sơ tán - Nguy cơ trẻ em đuối nước - Nguy cơ nhóm đối tượng dễ bị tổn thương chết, bị thương	Cao: nhóm DBTT cao, 22% hộ không biết bơi và 25% hộ thiếu kiến thức
			*TCXH: - 53% nhóm đối tượng dễ bị tổn thương - 22% người không biết bơi	*TCXH: - 30% Lực lượng thanh niên - Thông tin tuyên truyền đến các hộ về PCTT và sơ tán các		

		<ul style="list-style-type: none"> - 4% hộ nghèo, 0,7% hộ cận nghèo - 19% hộ có phụ nữ làm chủ hộ - Thiếu lực lượng hỗ trợ di dời nhóm đối tượng DBTT 	hộ đến nơi an toàn		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% người dân chưa có kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai - 25% người dân chưa có kiến thức chặn chống nhà cửa - 22% người dân không biết bơi 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% người dân có kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai - 75% người dân có kiến thức chặn chống nhà cửa 		
Đức Bó 2	299	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân sống ven sông khi lũ về ra vớt củi - Chết người do đuối nước - 90% hộ dân không có áo phao 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường TH Trần Văn Ôn kiên cố có thể sơ tán dân khi bão ,lũ - 10% hộ dân có áo phao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ thiếu lực lượng trẻ để hỗ trợ nhóm đối tượng BDTT - Nguy cơ chết người, bị thương 	<p>Cao:</p> <p>nhóm DBTT cao, 40% hộ không biết bơi và 20% hộ thiếu kiến thức</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 42,% đối tượng DBTT - 4,3% hộ nghèo, 15% hộ có phụ nữ làm chủ hộ, 3,6% hộ cận nghèo - 9% hộ sống gần sông 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 68% Lực lượng lao động - Thông tin tuyên truyền đến các hộ về PCTT và sơ tán các hộ đến nơi an toàn 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 35% hộ thiếu kiến thức về PCTT - 40% hộ không biết bơi (tỷ lệ 40% nữ) - 30% hộ dân ở vùng thấp trũng gần bờ sông. Còn chủ quan không sơ tán - 20% người dân chưa có kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai - 25% người dân chưa có kiến thức chặn chống nhà cửa 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có các tổ chức từ thiện hỗ trợ gạo, mì tôm - UBMT tỉnh, huyện, xã hỗ trợ - Có Đội XK hỗ trợ của thôn - 80% người dân có kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai - 75% người dân có kiến thức chặn chống nhà cửa - 60% hộ biết bơi 		
Thuận An	462	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có điểm để sơ tán người già và trẻ em - Trong các khu dân cư thấp trũng chưa có nhiều nhà cao 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng nhà dân vùng an toàn để sơ tán - 5% hộ dân có áo phao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ thiếu lực lượng trẻ để hỗ trợ nhóm đối 	<p>Cao:</p> <p>tỷ lệ người thiếu kiến</p>

		<p>tầng để người dân có thể sơ tán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có nhà tránh trú bão, lụt của cộng đồng - 95% hộ dân không có áo phao 		<p>tượng BDTT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ chết người, bị thương - Không có nhà tránh trú an toàn đối với bão, ngập lụt 	<p>thức về PCTT cao, nhóm DBTT cao, 50% hộ không biết bơi</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 4% hộ nghèo, 4% hộ cận nghèo, 24% hộ có phụ nữ là chủ hộ - 44,4% nhóm đối tượng dễ tổn thương 	<ul style="list-style-type: none"> - 82,4% người trong độ tuổi lao động - Vận động các hộ vùng trung sơ tán vùng cao (điểm trường học) - Có biện pháp xử lý nếu hộ không di dời. - Trường Th Trần Văn Ôn, Nhà văn hóa thôn kiên cố. 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50% hộ không biết bơi - 40% thiếu kiến thức về PCTT - 20% người dân chưa có kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai - 25% người dân chưa có kiến thức chặn chống nhà cửa 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50% người dân biết bơi - 60% hộ có kiến thức về PCTT - 80% người dân có kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai - 75% người dân có kiến thức chặn chống nhà cửa - 60% hộ biết bơi 		
Đông Hải	290	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong các khu dân cư thấp trũng chưa có nhiều nhà cao tầng để người dân có thể sơ tán - 90% hộ dân không có áo phao 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nhà tránh bão thôn chứa khoảng 100-120 người - 10% hộ dân có áo phao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ thiếu lực lượng trẻ để hỗ trợ nhóm đối tượng BDTT - Nguy cơ chết người, bị thương 	<p>Ca: tỷ lệ người thiếu kiến thức về PCTT cao, nhóm DBTT cao, 80% hộ không biết bơi</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 4% hộ nghèo, 3,7% hộ cận nghèo, 13,45 phụ nữ làm chủ hộ - 44,3% nhóm đối tượng dễ tổn thương sống gần sông 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% lực lượng thanh niên trẻ - Vận động tuyên truyền cho người dân trước khi có thiên tai - Sơ tán người dân đến nơi an toàn - Sơ tán người dân đến nơi an toàn , có biện pháp xử lý nếu hộ không di dời 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% hộ không biết bơi - 50% thiếu kiến thức về PCTT - 30% người dân chưa có 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% hộ biết bơi - 50% hộ dân có kiến thức PCTT - 70% người dân có kiến thức 		

		<p>kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai</p> <ul style="list-style-type: none"> - 35% người dân chưa có kiến thức chặn chống nhà cửa 	<p>chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai</p> <ul style="list-style-type: none"> - 65% người dân có kiến thức chặn chống nhà cửa 		
Lý Trà	318	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong các khu dân cư thấp trũng chưa có nhiều nhà cao tầng để người dân có thể sơ tán - 90% hộ dân không có áo phao 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng nhà dân vùng an toàn để sơ tán - 10% hộ dân có áo phao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ thiếu lực lượng trẻ để hỗ trợ nhóm đối tượng BDTT - Nguy cơ chết người, bị thương 	<p>Cao: tỷ lệ người thiếu kiến thức về PCTT cao, nhóm DBTT cao, 80% hộ không biết bơi</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10% nhóm đối tượng dễ tổn thương sống gần sông - 48,2% đối tượng dễ bị tổn thương - 6% hộ nghèo, 5% hộ cận nghèo, 13% phụ nữ làm chủ hộ 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% lực lượng thanh niên trẻ - Vận động tuyên truyền cho người dân trước khi có thiên tai - Sơ tán người dân đến nơi an toàn, có biện pháp xử lý nếu hộ không di dời 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% hộ không biết bơi - 50% thiếu kiến thức về PCTT - 25% người dân chưa có kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai - 25% người dân chưa có kiến thức chặn chống nhà cửa 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% hộ biết bơi - 50% hộ dân có kiến thức PCTT - 75% người dân có kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai - 75% người dân có kiến thức chặn chống nhà cửa 		
An Lương	252	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong các khu dân cư thấp trũng chưa có nhiều nhà cao tầng để người dân có thể sơ tán - 85% hộ dân không có áo phao 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng nhà dân vùng an toàn để sơ tán - 10% hộ dân có áo phao 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ thiếu lực lượng trẻ để hỗ trợ nhóm đối tượng BDTT - Nguy cơ chết người, bị thương 	<p>Cao: tỷ lệ người thiếu kiến thức về PCTT cao, nhóm DBTT cao, 70% hộ không biết bơi</p>

		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 41,4% người dễ bị tổn thương. - 3% hộ nghèo, 4% hộ cận nghèo, 15 phụ nữ làm chủ hộ 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% lực lượng thanh niên trẻ - Vận động tuyên truyền cho người dân trước khi có thiên tai - Sơ tán người dân đến nơi an toàn, có biện pháp xử lý nếu hộ không di dời
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% hộ không biết bơi - 52% thiếu kiến thức về PCTT. - 20% người dân chưa có kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai - 30% người dân chưa có kiến thức chặn chống nhà cửa 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30% hộ biết bơi - 48% hộ dân có kiến thức PCTT - 80% người dân có kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai - 70% người dân có kiến thức chặn chống nhà cửa

2. Hạ tầng công cộng

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ BDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, Ngập lụt	Đức Bó 1	405	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nhà văn hóa thôn bán kiên cố - 200m dây điện đứt, 2 trụ điện ngã - 0,43km đường liên thôn bằng đất thường xuyên sạt lở đi lại khó khăn - 3,95km đường đất nội đồng - Dây điện chằng chịt - Nhà VH thôn xây dựng lâu năm - Không có chợ - Thiết bị vui chơi ở sân vận động thể thao ngã gãy - Địa bàn thấp trũng, đường nội đồng bằng đất thường xuyên bị ngập lụt trong mùa mưa, thời gian ngập kéo dài 3-7 ngày có nguy cơ cao xói 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 121 Cột điện, 6km dây điện, 1 trạm điện kiên cố - 1,1km đường bê tông liên xã - 4,96km đường bê tông liên thôn - 3,95km đường bê tông nội đồng - 3 công giao thông kiên cố - 1 cầu giao thông kiên cố 	<ul style="list-style-type: none"> - Dây điện và trụ đảm bảo an toàn, nhưng đường 2 km đường dễ sạt lở, hư hỏng 	<p>Cao: cơ sở hạ tầng công cộng xây dựng lâu năm, người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu hạ tầng công cộng</p>

			<p>mòn, sạt lở gây ách tắc giao thông.</p> <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng tham gia không nhiệt tình và đầy đủ - Huy động người dân tham gia gặp nhiều khó khăn <p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu điện - 60% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu đường và cống - 90% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu trụ sở UBND và NVH thôn 			
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận động nhân dân chặt tía cây, thay mới trụ điện hư hỏng. - Chi nhánh điện lực Thăng Bình khắc phục điện kịp thời sau thiên tai - Huy động lực lượng, dân quân, TN XK sửa chữa đường - Huy động nguồn lực tại địa phương, các hộ nuôi tôm ủng hộ <p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu điện - 40% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu đường và cống - 10% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu trụ sở UBND và NVH thôn 			
			<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nhà văn hóa thôn bán kiên cố - 107 hộ bị đứt dây điện, 4 trụ điện ngã - 172m đường giao thông bị sạt lở - Dây điện chằng chịt - Trôi 02 cái cầu (1 cầu tre, 01 cầu treo) <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng tham gia không nhiệt tình và đầy đủ - Huy động người dân tham gia gặp nhiều khó khăn 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100 Cột điện, 5km dây điện, 1 trạm điện kiên cố - 1,1km đường bê tông liên xã - 4,96km đường đường bê tông liên thôn - 3,95km đường bê tông nội đồng - 3 công giao thông kiên cố - 1 cầu giao thông kiên cố <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận động nhân dân neo dựng trụ điện và gia cố móng trụ - Vận động nhân dân khắc phục tuyến đường đi lại - Chi nhánh điện lực Thăng Bình khắc phục điện kịp thời sau thiên tai - Huy động lực lượng, dân quân, TN XK sửa chữa đường - Huy động nguồn lực tại địa phương, các hộ nuôi tôm ủng hộ 	<ul style="list-style-type: none"> - Trôi cầu giao thông nông thôn - Hư hỏng đường giao thông nông thôn - Mất điện, gián đoạn ảnh hưởng đến SXKD của người dân 	<p>Ca: cơ sở hạ tầng công cộng xây dựng lâu năm, người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu hạ tầng công cộng</p>
	Đức Bó 2	299				

		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu điện - 60% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu đường và cống - 90% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu trụ sở UBND và NVH thôn 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu điện - 40% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu đường và cống - 10% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu trụ sở UBND và NVH thôn 		
Thuận An	462	<p>* VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nhà văn hóa thôn bán kiên cố - 500m dây điện và trụ điện lâu năm - 1km điện thấp sáng hư hỏng - 0,082km đường đất nông thôn - Không có đường nội đồng - Không có cống giao thông kiên cố - Không có cầu giao thông kiên cố 	<p>* VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 183 Cột điện, 9km dây điện, 2 trạm điện kiên cố - 4km đường nhựa quốc lộ - 0,8km đường bê tông liên xã - 4,67km đường đường bê tông liên thôn - 3,95km đường bê tông nội đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Trụ điện ngã đổ, dây điện đứt, bong đèn hư hỏng - Đường bị xói lở 	<p>Cao: cơ sở hạ tầng công cộng xây dựng lâu năm, người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu hạ tầng công cộng</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng tham gia không nhiệt tình và đầy đủ - Huy động người dân tham gia gặp nhiều khó khăn 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận động nhân dân chặt tia cây, thay mới trụ điện hư hỏng - Chi nhánh điện lực Thăng Bình khắc phục điện kịp thời sau thiên tai - Huy động lực lượng, dân quân, TN XK sửa chữa đường - Huy động nguồn lực tại địa phương, các hộ nuôi tôm ủng hộ - Chặt tia cây, thay mới dây, và trụ điện lâu năm - Vận động mạnh thường quân làm 500m đường giao thông - Đắp tả ly bờ bê tông đường 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu điện - 60% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu đường và cống - 90% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu điện - 40% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu đường và cống - 10% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo 		

		dưỡng và duy tu trụ sở UBND và NVH thôn	dưỡng và duy tu trụ sở UBND và NVH thôn		
Đông Hải	290	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có trụ sở UBND xã bán kiên cố gồm 17 phòng - Có nhà văn hóa thôn bán kiên cố - 1.5km đê bao ngăn mặn lâu năm xói mòn nhiều chỗ dễ bị sạt lở - 2km đường giao thông chính thường xuyên bị ngập lụt gây ách tắc giao thông đi lại của người dân - 500m dây điện có trụ bằng cây gỗ và tre - Không có đường liên xã - 3,44km đường đất liên thôn - Không có đường bê tông nội đồng - Không có cống giao thông kiên cố - Không có cầu giao thông kiên cố - Không có chợ 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 120 Cột điện, 6km dây điện, 1 trạm điện kiên cố - 4km đường nhựa quốc lộ - 5,51km đường bê tông liên thôn - 3,95km đường bê tông nội đồng - Có trạm y tế kiên cố gồm 5 giường, 9 phòng - 01 cơ sở khám y tế kiên cố 	<ul style="list-style-type: none"> - Đê bao vỡ, hư hỏng - Đường giao thông xói lở và hư hỏng - Đứt dây điện 	<p>Cao: đê ngăn mặn đất, lâu năm; chí phí đầu tư cao, để bao chưa kiên cố</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng tham gia không nhiệt tình và đầy đủ - Huy động người dân tham gia gặp nhiều khó khăn 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập trung gia cố những chỗ xung yếu - Cấm biển báo nguy hiểm đường giao thông những nơi bị ngập và xói lở - Huy động lực lượng để hướng dẫn cho người dân qua lại 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu điện - 60% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu đường và cống - 90% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu trụ sở UBND và NVH thôn 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu điện - 40% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu đường và cống - 10% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu trụ sở UBND và NVH thôn 		
Lý Trà	318	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nhà văn hóa thôn bán kiên cố - Không có chợ - 370m đường chưa bê tông 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống điện kiên cố, phủ kín 100% hộ dân - Có biển cảnh báo về ngã ba, tư 	<p>Nguy cơ sạt lở đường</p>	<p>Cao: cơ sở hạ tầng công cộng xây</p>

		<p>hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - 0,37km đường đất liên thôn sạt lở, hư hỏng - Người dân đi lại khó khăn khi mưa bão - Không có đường liên xã 	<ul style="list-style-type: none"> - 121 Cột điện, 6km dây điện, 2 trạm điện kiên cố - 1,3km đường bê tông liên thôn 		<p>dựng lâu năm, người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu hạ tầng công cộng</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng tham gia không nhiệt tình và đầy đủ - Huy động người dân tham gia gặp nhiều khó khăn 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền hỗ trợ nâng cấp sửa chữa các đoạn đường bị sạt lở - Huy động lực lượng, dân quân, TN XK sửa chữa đường - Huy động nguồn lực tại địa phương, các hộ nuôi tôm ủng hộ 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu điện - 60% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu đường và cống - 90% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu trụ sở UBND và NVH thôn 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu điện - 40% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu đường và cống - 10% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu trụ sở UBND và NVH thôn 		
An Lương	252	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nhà văn hóa thôn bán kiên cố - Không có chợ - 800 m đường dây điện chằng chịt không đảm bảo an toàn - 07 cây trụ ngã đổ - 590 m đường đất dễ bị xói lở khi thiên tai 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% hộ dân sử dụng điện - Trụ điện kéo từ trụ chính vào nhà dân đảm bảo 100% - 101 Cột điện, 5km dây điện, 1 trạm điện kiên cố - 3,56km đường bê tông liên thôn 	<p>Nguy cơ dây điện đứt, ngã trụ, sạt lở đường</p>	<p>Cao: cơ sở hạ tầng công cộng xây dựng lâu năm, người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu hạ tầng công cộng</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng tham gia không nhiệt tình và đầy đủ - Huy động người dân tham gia gặp nhiều khó khăn 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát quang và chặt cây cách lý đường dây điện và dựng trụ lại kịp thời - Chi nhánh điện lực Thăng Bình khắc phục điện kịp thời sau thiên tai - Huy động lực lượng, dân quân, TN XK sửa chữa đường - Huy động nguồn lực tại địa phương, các hộ nuôi tôm ủng hộ 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân chưa có kỹ 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40% người dân chưa có kỹ 		

		<p>thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu điện</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu đường và cống - 90% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu trụ sở UBND và NVH thôn 	<p>thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu điện</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu đường và cống - 10% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu trụ sở UBND và NVH thôn 	
--	--	---	---	--

3. Công trình thủy lợi

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, Ngập lụt	Đức Bó 1	405	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2km đê bán kiên cố chưa được bê tông hóa - 3km tuyến kênh bị sạt lở - 2km kênh mương chưa kiên cố - Công hư hỏng 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 7,97km kênh mương kiên cố - 01 trạm bơm kiên cố giáp Thuận An 	<p>Nguy cơ sạt lở kênh</p> <p>Nguy cơ công bị hư hỏng</p>	<p>Cao:</p> <p>kênh mương nội đồng, công xây dựng lâu năm xuống cấp, hư hỏng</p>
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc giám sát chất lượng xây dựng công trình chưa được cao - Lực lượng tham gia không nhiệt tình và đầy đủ - Huy động người dân tham gia gặp nhiều khó khăn 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà nước đang đầu tư nâng cấp kênh - Vận động người dân dọn dẹp 2 bên bờ kênh - Hàng năm tiết kiệm nguồn ngân sách của xã để duy tu bảo dưỡng cơ sở công trình thủy lợi 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi 		
	Đức Bó 2	299	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trồng cây sát chân kênh mương, làm sạt lở bờ kênh mương nội đồng - Kênh nội đồng chưa được kiên cố <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc giám sát chất lượng xây dựng công trình chưa được cao 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà nước đang đầu tư bê tông 4,2km kênh mương - Có 9,25km kênh mương kiên cố <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận động người dân đốn chặt các cây sát bờ mương - Nạo vét kênh mương theo 	<p>Kênh mương sạt lở</p>	<p>Trung bình:</p> <p>Đã có sự hỗ trợ của chính quyền để sửa kênh mương,</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng tham gia không nhiệt tình và đầy đủ - Huy động người dân tham gia gặp nhiều khó khăn 	<ul style="list-style-type: none"> định kỳ 1 năm 2 lần - Hàng năm tiết kiệm nguồn ngân sách của xã để duy tu bảo dưỡng cơ sở công trình thủy lợi 		ý thức của người dân bảo vệ kênh mương
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi 		
Thuận An	462	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10m kênh mương cấp 3 bị sạt lở, xuống cấp - Nhiều tuyến kênh mương nội đồng chưa được bê tông hóa - 2km đê bán kiên cố chưa được bê tông hóa 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền đầu tư nâng cấp tuyến kênh mương cấp 3 - Có 3,6km kênh mương kiên cố - 01 trạm bơm kiên cố giáp Đức Bó 1 	- Sạt lở kênh mương	Cao: hệ thống kênh mương kiên cố, 40% người dân chưa có kỹ thuật bảo dưỡng, duy tu
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiều hộ dân dọn bờ lấn chiếm đất bờ mương ảnh hưởng đến sạt lở kênh mương - Lực lượng tham gia không nhiệt tình và đầy đủ - Huy động người dân tham gia gặp nhiều khó khăn 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ dân sản xuất dọn dẹp kênh mương - Xử lý những hộ vị phạm lấn chiếm đất bờ, yêu cầu trả mặt bằng - Hàng năm tiết kiệm nguồn ngân sách của xã để duy tu bảo dưỡng cơ sở công trình thủy lợi 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi 		
Đông Hải	290	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1,5km kênh mương nội đồng bằng đất - Công tiêu nhỏ không thoát được nước - 5km đê bán kiên cố chưa được bê tông hóa - Có 01 hồ chưa kiên cố 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 4,48km kênh mương kiên cố - Tu bổ, gia cố đắp bờ 	- Kênh mương xói lở - Lúa và hoa màu ngập úng	Cao: kênh mương bằng đất chưa kiên cố dễ xói lở, hệ thống tiêu nhỏ, nước thoát không kịp lúa và hoa màu ngập úng
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng tham gia không nhiệt tình và đầy đủ - Huy động người dân tham gia gặp nhiều khó khăn 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khơi thông dòng chảy - Dọn dẹp vệ sinh bờ mương - Hàng năm tiết kiệm nguồn ngân sách của xã để duy tu bảo dưỡng cơ sở công trình thủy lợi 		
		<p>*NT/KN:</p>	<p>*NT/KN:</p>		

			<ul style="list-style-type: none"> - 40% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi 	<ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi 		
Lý Trà	318	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 600 kênh mương chưa bê tông hóa - Hệ thống mương tưới nội đồng bằng đất chưa đảm bảo - 100m kênh mương sạt lở - Có 0,6km kênh mương chưa kiên cố 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100m nội đồng được bê tông hóa - Có 2,5km kênh mương kiên cố 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ kênh mương tưới sạt lở 	<p>Cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kênh mương nội đồng, mương tưới làm bằng đất, sạt lở 	
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng tham gia không nhiệt tình và đầy đủ - Huy động người dân tham gia gặp nhiều khó khăn 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động nhân dân gia cố đoạn sạt lở - Có đội điều tiết nước tại thôn (10 người, 03 nữ) - Hàng năm tiết kiệm nguồn ngân sách của xã để duy tu bảo dưỡng cơ sở công trình thủy lợi 			
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi 			
An Lương	252	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1.000 đê ngăn mặn bằng đất bị sạt lở - 300m kênh tưới bằng đất bị sạt lở - 1km đê bán kiên cố chưa được bê tông hóa 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 3km kênh mương kiên cố 	<ul style="list-style-type: none"> - Đê ngăn mặn sạt lở - Kênh tưới sạt lở 	<p>Cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - đê ngăn mặn và kênh mương đều bằng đất, dễ sạt lở 	
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng tham gia không nhiệt tình và đầy đủ - Huy động người dân tham gia gặp nhiều khó khăn 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Huy động lực lượng quân dân chính thôn và người dân tu bổ một phần đê ngăn mặn bằng cách đắp đất lại - Người dân kịp thời tu bổ, đắp đất kênh để lấy nước tưới vào đồng ruộng - Hàng năm tiết kiệm nguồn ngân sách của xã để duy tu bảo dưỡng cơ sở công trình thủy lợi 			
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi 			

4. Nhà ở

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, Ngập lụt	Đức Bó 1	405	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 12% nhà bán kiên cố nằm ven sông - 3% nhà thiếu kiên cố - 09 hộ chủ hộ là nữ, 3 hộ nghèo <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có những hộ muốn vay nhưng không có khả trả - Hộ nghèo nhiều, chỉ tiêu xét còn hạn chế - Hộ nghèo chủ yếu là phụ nữ là trụ cột, người già, người khuyết tật khi vay không có người thừa kế trả nợ nên không được vay tiền làm nhà <p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 25% hộ dân chưa có kỹ năng và kiến thức chặn chống nhà cửa 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 85% nhà xây kiên cố đủ sơ tán cho các hộ dân trú ẩn - Không có nhà đơn sơ <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ vay vốn ưu đãi và lãi suất để làm nhà - Chính quyền đã có chương trình hỗ trợ nhà theo diện 48 <p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 75% hộ dân có kiến thức chặn chống nhà cửa 	Nhà sập, hư hỏng	Cao: nhà sống ven sông, trũng, thấp thiếu kiên cố, tập trung nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, - 25% hộ dân chưa có kỹ năng và kiến thức chặn chống nhà cửa
	Đức Bó 2	299	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà dọc ven sông thường xuyên bị ngập, cuốn trôi - 82 nữ là chủ hộ - 87 hộ có cây trồng xung quanh nhà, dễ ngã đổ khi có bão. - 24% nhà thiếu kiên cố - 4% nhà bán kiên cố <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có những hộ muốn vay nhưng không có khả trả - Hộ nghèo nhiều, chỉ tiêu xét còn hạn chế - Hộ nghèo chủ yếu là phụ nữ là trụ cột, người già, người khuyết tật khi vay không có người thừa kế trả 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 72% nhà xây kiên cố nằm vùng cao <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền lập KH hỗ trợ xây dựng nhà cho 37 hộ dân - Vận động các nhà hảo tâm xây dựng 6 nhà tình thương 	<ul style="list-style-type: none"> - 23 hộ ở dọc ven sông thường xuyên bị ngập - Nguy cơ 87 hộ nhà bị cây ngã đè sập 	Cao: nhà sống ven sông, trũng, thấp thiếu kiên cố, tập trung nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, - 25% hộ dân chưa có kỹ năng và kiến thức chặn

		<p>nợ nên không được vay tiền làm nhà</p> <p>*NT/KN: - 25% hộ dân chưa có kỹ năng và kiến thức chặn chống nhà cửa</p>	<p>*NT/KN: - 75% hộ dân có kiến thức chặn chống nhà cửa</p>		<p>chống nhà cửa</p>
Thuận An	462	<p>*VC: - Có 10 nhà ven sông - 4 nhà trong vùng trũng thấp - 20% nhà thiếu kiên cố - 5% nhà bán kiên cố</p>	<p>*VC: - 75% nhà kiên cố, trong đó có 60 nhà an toàn với bão</p>	<p>Có 03 nhà bị cô lập, 02 nhà bị tốc mái (70%), 5 nhà tốc mái 50%</p>	<p>Cao: nhà sống ven sông, trũng, thấp thiếu kiên cố, tập trung nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, - 25% hộ dân chưa có kỹ năng và kiến thức chặn chống nhà cửa</p>
		<p>*TCXH: - Có những hộ muốn vay nhưng không có khả trả - Hộ nghèo nhiều, chỉ tiêu xét còn hạn chế - Hộ nghèo chủ yếu là phụ nữ là trụ cột, người già, người khuyết tật khi vay không có người thừa kế trả nợ nên không được vay tiền làm nhà</p>	<p>*TCXH: - Hỗ trợ vay vốn ưu đãi và lãi suất để làm nhà - Chính quyền đã có chương trình hỗ trợ nhà theo diện 48</p>		
		<p>*NT/KN: - 25% hộ dân chưa có kỹ năng và kiến thức chặn chống nhà cửa</p>	<p>*NT/KN: - 75% hộ dân có kiến thức chặn chống nhà cửa</p>		
Đông Hải	290	<p>*VC: - 27% nhà bán kiên cố - 6% nhà thiếu kiên cố, - Nhà gần sông, khu vực trũng thấp dễ bị ngập nước vào mùa mưa</p>	<p>*VC: - 77% nhà kiên cố - Nhà văn hóa thôn, trường cấp 2, cấp 3, trường MG dùng để tránh bão</p>	<p>Nhà sập hư hỏng</p>	<p>Cao: nhà sống ven sông, trũng, thấp thiếu kiên cố, tập trung nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, - 25% hộ dân chưa có kỹ năng và kiến thức chặn chống nhà cửa</p>
		<p>*TCXH: - Có những hộ muốn vay nhưng không có khả trả - Hộ nghèo nhiều, chỉ tiêu xét còn hạn chế - Hộ nghèo chủ yếu là phụ nữ là trụ cột, người già, người khuyết tật khi vay không có người thừa kế trả nợ nên không được vay tiền làm nhà</p>	<p>*TCXH: - Hỗ trợ vay vốn ưu đãi và lãi suất để làm nhà - Chính quyền đã có chương trình hỗ trợ nhà theo diện 48</p>		
		<p>*NT/KN: - 20% hộ dân chưa có kỹ năng và kiến thức chặn chống nhà cửa</p>	<p>*NT/KN: - 80% hộ dân có kiến thức chặn chống nhà cửa</p>		
Lý Trà	318	<p>*VC:</p>	<p>*VC:</p>	<p>- 15 hộ nhà</p>	<p>Cao: đa</p>

			<ul style="list-style-type: none"> - 25% nhà bán kiên cố - 2% nhà thiếu kiên cố - 30 hộ nhà neo đơn, 24 hộ nghèo và cận nghèo 	<ul style="list-style-type: none"> - 73% nhà kiên cố dùng để các hộ dân tránh trú nhờ - 80% hộ dân có kiến thức chặn chống nhà cửa 	thiếu kiên cố dễ bị sập đổ	số hộ neo đơn và nghèo, nhà không kiên cố dễ sập
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có những hộ muốn vay nhưng không có khả trả - Hộ nghèo nhiều, chỉ tiêu xét còn hạn chế - Hộ nghèo chủ yếu là phụ nữ là trụ cột, người già, người khuyết tật khi vay không có người thừa kế trả nợ nên không được vay tiền làm nhà 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ vay vốn ưu đãi và lãi suất để làm nhà - Chính quyền đã có chương trình hỗ trợ nhà theo diện 48 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% hộ dân chưa có kỹ năng và kiến thức chặn chống nhà cửa 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% hộ dân có kiến thức chặn chống nhà cửa 		
	An Lương	252	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 13 hộ nhà tốc mái (6 hộ nữ, người già 2 hộ) - 25% bán kiên cố - 1% thiếu kiên c 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 74% hộ nhà kiên cố, nhà văn hóa thôn dùng để sơ tán dân khi cần thiết. 	13 hộ có nguy cơ bị tốc mái	
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có những hộ muốn vay nhưng không có khả trả - Hộ nghèo nhiều, chỉ tiêu xét còn hạn chế - Hộ nghèo chủ yếu là phụ nữ là trụ cột, người già, người khuyết tật khi vay không có người thừa kế trả nợ nên không được vay tiền làm nhà 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ vay vốn ưu đãi và lãi suất để làm nhà - Chính quyền đã có chương trình hỗ trợ nhà theo diện 48 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% hộ dân chưa có kỹ năng và kiến thức chặn chống nhà cửa 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% hộ dân có kiến thức chặn chống nhà cửa 		

5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Bão, Ngập lụt	Đức Bó 1	405	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 15% hộ chưa có NVS tự hoại - 40% hộ thiếu nước sinh hoạt - Nước bị nhiễm phèn - 80% hộ dân không có bể dự trữ nước 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 74% hộ sử dụng giếng đào, khoan - 85% hộ có NVS tự hoại - 20% hộ dân có bể dự trữ nước - 26% hộ sử dụng nước 	<ul style="list-style-type: none"> - Nước nhiễm phèn, nhiễm bần nguy cơ gây ra dịch bệnh 	<p>Cao:</p> <p>nguồn nước bị nhiễm phèn, không có nước máy, sử dụng nước giếng đào, khoan, - 20% hộ dân chưa có kiến thức VSMT</p>
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 5% người dân không bỏ rác đúng nơi quy định - Xác súc vật chết trôi, gây ô nhiễm môi trường - Phát sinh các dịch bệnh tiêu chảy, sốt xuất huyết 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khu tập trung rác thải - Có đội thu gom rác thải 2 người, hoạt động thường xuyên 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 5% người dân bỏ rác không đúng nơi quy định - 50% người dân chưa được tập huấn về cách xử lý nước - 70% hộ dự chưa dự trữ nước - 20% hộ dân chưa có kiến thức VSMT 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 95% người dân bỏ rác đúng nơi quy định - Thường xuyên tuyên truyền cho người dân về VSMT - 50% người dân được tập huấn về cách xử lý nước - 30% hộ dự trữ nước - 80% hộ dân có kiến thức VSMT 		
	Đức Bó 2	299	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ nằm vùng trũng thấp nguồn nước bị nhiễm phèn - Nguồn nước sinh hoạt bị ảnh hưởng do gần đồng ruộng và kênh mương - Chưa có hệ thống nước sạch - 13% hộ dân có NVS tạm bợ 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 95% hộ dùng giếng đào - 5% dùng giếng khoan - 87% hộ dân có NVS tự hoại - 87% hộ dân có hầm xử lý nước thải sinh hoạt 	<ul style="list-style-type: none"> - 53 hộ có nước bị nhiễm phèn, nhiễm bần 	<p>Cao:</p> <p>nước bị nhiễm bần, thiếu nước sinh hoạt, dịch phát sinh như ngoài da, tiêu chảy, đỏ mắt, - 20% hộ dân chưa có kiến thức VSMT</p>
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% hộ dân chưa phân loại rác thải - Dịch bệnh phát sinh như tiêu chảy, ngoài da, phụ khoa 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu gom rác thải tập trung - 40% hộ dân phân loại rác thải - Có đoạn đường tự quản về công tác thu gom rác thải của chi hội PN thôn 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50% hộ dân chưa tham gia đóng phí rác thải - 20% hộ dân chưa có kiến thức VSMT 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50% hộ dân tham gia đóng phí rác thải - 80% hộ dân có kiến thức VSMT 		

Thuận An	462	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50% giếng khoan xuống cấp, 10 giếng đào xây dựng lâu năm - Nhiều hộ dân nằm trong vùng trũng thấp - 95% người dân có nhà vệ sinh tự hoại 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hệ thống nước sạch của Cty cấp thoát nước Quảng Nam - 30% hộ dự trữ nước sạch trước mùa mưa lũ - 10% hộ dân sử dụng nước sạch 	Nước bị nhiễm phèn, mặn	<p>Cao:</p> <p>nước bị nhiễm bẩn, thiếu nước sinh hoạt, dịch phát sinh như ngoài da, tiêu chảy, đỏ mắt, - 20% hộ dân chưa có kiến thức VSMT</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% hộ dân chưa phân loại rác thải - Dịch bệnh phát sinh như tiêu chảy, ngoài da, phụ khoa 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu gom rác thải tập trung - 40% hộ dân phân loại rác thải - Có đoạn đường tự quản về công tác thu gom rác thải của chi hội PN thôn 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% hộ dân chưa có kiến thức VSMT - 50% hộ dân chưa được tập huấn về cách xử lý nước 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50% hộ dân được tập huấn về cách xử lý nước - 80% hộ dân có kiến thức VSMT 		
Đông Hải	290	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống giếng khoan nước bị nhiễm phèn - Đường ống dẫn về một số hộ dân cuối khu dân cư rất xa - Xác súc vật chết tập trung ở các kênh. - Nước thải trong chăn nuôi chưa có hầm chứa, thải ra môi trường xung quanh 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có bể nước công cộng phục vụ 70 hộ dân - 85% hộ dân dùng giếng khoan - 15% hộ dân dùng giếng đào - 95% hộ có NVS tự hoại - 70 hộ dân được tập huấn và cấp thuốc xử lý nước bị nhiễm bẩn và phèn - 100% hộ dân dự trữ nước bình từ 5-7 ngày 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ dịch bệnh bùng phát - Ô nhiễm môi trường xung quanh - Nhiều hộ thiếu nước sinh hoạt 	<p>Cao:</p> <p>nước bị nhiễm bẩn, thiếu nước sinh hoạt, dịch phát sinh như ngoài da, tiêu chảy, đỏ mắt, - 20% hộ dân chưa có kiến thức VSMT</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm thu gom rác chưa được đầu tư chưa đảm bảo vệ sinh - Việc xử lý môi trường trong ngập lụt gặp khó khăn 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nơi quy định tập trung rác thải - Có đội thu gom rác thường xuyên theo lịch tuần 2 lần 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% hộ dân chưa có kiến thức VSMT - 50% hộ dân chưa được tập huấn về cách xử lý nước 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50% hộ dân được tập huấn về cách xử lý nước - 80% hộ dân có kiến thức VSMT 		
		<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 23% hộ có NVS bán tự hoại - 8 hộ chưa có NVS - 5 hộ chăn nuôi chưa có hố 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 75% hộ có NVS tự hoại - 90% hộ dân có ý thức bảo vệ môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ nước bị nhiễm bẩn - Dịch bệnh 	<p>Cao:</p> <p>nước bị nhiễm bẩn,</p>

Lý Trà	318	<p>xử lý nước thải</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10% hộ dân chưa có ý thức xử lý rác và vật chất đúng nơi quy định - Một số hộ nước bị nhiễm phèn 	<ul style="list-style-type: none"> - 18 hộ chăn nuôi có hầm xử lý nước thải (bioga) - 80% hộ dùng nước giếng khoan - 20% hộ dùng giếng đào 	<p>đề xảy ra</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ô nhiễm môi trường xung quanh 	<p>thiếu nước sinh hoạt, dịch phát sinh như ngoài da, tiêu chảy, đỏ mắt, - 20% hộ dân chưa có kiến thức VSMT</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40% người dân không đóng góp phí rác thải mỗi tháng 15.000đ/tháng - Thiếu thùng thu gom rác. 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khu tập trung rác thải và đội thu gom rác thường xuyên tuần 2 lần - 60% người dân đóng góp phí rác thải mỗi tháng 15.000đ/tháng 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% hộ dân chưa có kiến thức VSMT - 50% hộ dân chưa được tập huấn về cách xử lý nước 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bể lọc nước - 50% hộ dân được tập huấn về cách xử lý nước - 80% hộ dân có kiến thức VSMT 		
An Lương	252	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 15% hộ nước bị nhiễm phèn - 3% hộ chưa có nhà vệ sinh - 2% hộ có NVS chưa hợp VS - 80% hộ chưa có hầm chứa phân và nước thải chăn nuôi - Nước thải chăn nuôi thải trực tiếp ra môi trường 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 62% hộ dùng giếng đào, 38% hộ dùng giếng khoan - Có thùng chứa rác công cộng từng khu vực - Có 2% hộ chăn nuôi heo có hầm biogas - 20% hộ có hầm chứa phân và nước thải chăn nuôi - 98% hộ sử dụng NVS tự hoại 	<p>Nguồn nước bị nhiễm phèn</p> <p>Dịch bệnh phát sinh ở người (phụ khoa, ngoài da, đau mắt đỏ..</p>	<p>Cao: nguồn nước bị nhiễm bẩn, thiếu nước sinh hoạt, dịch phát sinh như ngoài da, tiêu chảy, đỏ mắt, - 20% hộ dân chưa có kiến thức VSMT</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40% người dân không đóng góp phí rác thải mỗi tháng 15.000đ/tháng - Thiếu thùng thu gom rác. - Chưa tuyên truyền thường xuyên cho người dân về VSMT 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đội thu gom rác thường xuyên tuần 2 lần - Có nơi quy định tập trung rác thải - 60% hộ dân có ý thức nộp phí môi trường theo quy định 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường - 70% hộ dân chưa được tập huấn về cách xử lý nước 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% người dân ý thức bảo vệ môi trường - 30% hộ dân tập huấn về cách xử lý nước 		

6. Y tế và quản lý dịch bệnh

Loại	Tên	Tổng	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH	Rủi ro	Mức độ
------	-----	------	--------	----------------------	--------	--------

hình Thiên tai/BD KH	Thôn	số hộ	(Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	thiên tai/BDKH	(Cao, Trung Bình, Thấp)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, Ngập lụt	Đức Bó 1	405	*VC: - Không có cơ sở thuốc dự trữ - 95% hộ không có tủ thuốc gia đình	*VC: - 5% hộ có tủ thuốc gia đình -	Nguy cơ quản lý dịch bệnh không kịp thời	Cao: không có BS, CB y tế chưa có khả năng kiểm soát dịch bệnh
			*TCXH: - Không có BS tư tại thôn - Không có quầy thuốc bán lẻ - 75% CB y tế chưa có khả năng kiểm soát dịch bệnh	*TCXH: - Có 01 cán bộ y tế thôn, được đào tạo theo quy định - 25% CB y tế có khả năng kiểm soát dịch bệnh		
			*NT/KN: - Dịch bệnh đau mắt đỏ, ngoài da, phụ khoa, sốt xuất huyết, viêm đường hô hấp, tay chân miệng - 85% người dân chưa khám sức khỏe định kỳ - 25% hộ dân chưa có ý thức phòng ngừa dịch bệnh	*NT/KN: - 15% người dân chưa khám sức khỏe định kỳ - 75% hộ dân chưa có ý thức phòng ngừa dịch bệnh - Tuyên truyền vận động người dân biết cách tự phòng chống dịch bệnh vào mùa mưa bão		
	Đức Bó 2	299	*VC: - 8% người dân không tham gia BHYT - Những hộ thu nhập thấp không có điều kiện tham gia BHYT - Không có phương tiện cấp cứu khi chuyển viện	*VC: - 92% người dân tham gia BHYT - 8% hộ có tủ thuốc gia đình	- Công tác chăm sóc sức khỏe người dân chưa được nâng cao	Cao: thiếu bác sĩ, thiếu phương tiện cấp cứu, người dân chưa ý thức trong việc chăm sóc sức khỏe định kỳ
			*TCXH: - 5% người dân chưa tham gia BHYT - Cán bộ y tế thôn bán ít (01 người), số dân thôn đông - Cán bộ y tế kiêm nhiệm - 75% CB y tế chưa có khả năng kiểm soát dịch bệnh	*TCXH: - Cán bộ y tế đã qua đào tạo SCC ban đầu - 95% người dân tham gia BHYT - 25% CB y tế có khả năng kiểm soát dịch bệnh		
			*NT/KN: - 20% người dân không khám sức khỏe định kỳ - Dịch bệnh đau mắt đỏ, ngoài da, phụ khoa, sốt xuất huyết, viêm đường hô hấp, tay chân miệng - 20% hộ chưa có kiến thức	*NT/KN: - 80% người dân có ý thức khám sức khỏe định kỳ - 80% hộ có kiến thức VSMT - Tuyên truyền vận động người dân biết cách tự phòng chống dịch bệnh vào mùa mưa bão		

		VSMT			
Thuận An	462	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% hộ gia đình chưa có tủ thuốc y tế - Không có thuốc dự trữ khi thiên tai - Không có quầy thuốc tây tại thôn 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10% hộ có tủ thuốc gia đình 	- Công tác chăm sóc sức khỏe người dân chưa được nâng cao	Cao: thiếu bác sĩ, thiếu phương tiện cấp cứu, người dân chưa ý thức trong việc chăm sóc sức khỏe định kỳ
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng cán bộ y tế mỏng. - 10 % người dân chưa ham gia bảo hiểm y tế - 75% CB y tế chưa có khả năng kiểm soát dịch bệnh 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ y tế được tập huấn lớp sơ cấp cứu ban đầu. - 90% đã tham gia bảo hiểm y tế - 25% CB y tế có khả năng kiểm soát dịch bệnh 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch bệnh đau mắt đỏ, ngoài da, phụ khoa, sốt xuất huyết, viêm đường hô hấp, tay chân miệng - 70% người dân chưa có ý thức khám sức khỏe định kỳ - 20% hộ chưa có kiến thức VSMT 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% người dân có ý thức khám sức khỏe định kỳ - 80% hộ có kiến thức VSMT - Tuyên truyền vận động người dân biết cách tự phòng chống dịch bệnh vào mùa mưa bão 		
Đông Hải	290	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trạm y tế xây dựng lâu năm, xuống cấp nằm xa khu dân cư - Chưa có các thiết bị như máy siêu âm.. - Dịch bệnh thường xảy ra như: ngoài da, tiêu chảy 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 01 trạm y tế xã - Có 01 phòng khám bệnh tư nhân - Có 02 quầy thuốc tây - Thuốc BHYT đầy đủ - Thuốc khử trùng nước, VSMT đầy đủ 	Nguy cơ xảy ra dịch bệnh	Trung bình: có đủ BS, có trạm y tế xã, kiểm soát được dịch bệnh, cơ sở thuốc dự phòng đầy đủ
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10% hộ khó khăn không tham gia BHYT - 75% CB y tế chưa có khả năng kiểm soát dịch bệnh 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 01 BS, 5 nhân viên (4 nữ), 01 y tế thôn - 90% hộ tham gia BHYT - 25% CB y tế có khả năng kiểm soát dịch bệnh 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% người dân không khám sức khỏe định kỳ - Dịch bệnh đau mắt đỏ, ngoài da, phụ khoa, sốt xuất huyết, viêm đường hô hấp, tay chân miệng - 20% hộ chưa có kiến thức VSMT 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% hộ dân tham gia BHYT - 80% hộ có kiến thức VSMT - Tuyên truyền vận động người dân biết cách tự phòng chống dịch bệnh vào mùa mưa bão 		
Lý Trà	318	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân đi khám bệnh 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 02 quầy thuốc tây bán lẻ 	Nguy cơ cấp cứu người	Cao: hộ dân chưa

		<p>đến trạm y tế xa (2km)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở trang thiết bị còn đơn sơ - Dịch bệnh đau mắt đỏ, sốt xuất huyết, ngoài da 	tại thôn	bệnh không kịp thời	có ý thức khám bệnh định kỳ và chưa có kiến thức VSMT
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trạm y tế không có giường nằm điều trị - 5% người dân chưa tham gia BHYT - 75% CB y tế chưa có khả năng kiểm soát dịch bệnh 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 01 y tế thôn bản, được đào tạo theo quy định - 95% người dân tham gia BHYT - 25% CB y tế có khả năng kiểm soát dịch bệnh 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50% hộ dân chưa có ý thức khám bệnh định kỳ - Dịch bệnh đau mắt đỏ, ngoài da, phụ khoa, sốt xuất huyết, viêm đường hô hấp, tay chân miệng - 20% hộ chưa có kiến thức VSMT 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50% hộ dân có ý thức khám bệnh định kỳ - 80% hộ có kiến thức VSMT - Tuyên truyền vận động người dân biết cách tự phòng chống dịch bệnh vào mùa mưa bão 		
An Lương	252	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có quầy thuốc bán tại thôn - 90% hộ gia đình chưa có tủ thuốc y tế - Không có thuốc dự trữ khi thiên tai 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuốc xử lý nước định kỳ và đảm bảo - 02 thùng thuốc (10kg) xử lý nước được dự trữ tại thôn - 10% hộ có tủ thuốc gia đình 	<p>Năng lực cán bộ y tế thôn chưa đảm bảo</p> <p>-Dịch bệnh có thể bùng phát</p>	<p>Cao: hộ dân chưa có ý thức khám bệnh định kỳ và chưa có kiến thức VSMT, CB y tế chưa kiểm soát dịch bệnh</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ y tế thôn chưa được đào tạo - Công tác tuyên truyền chưa thường xuyên - 75% CB y tế chưa có khả năng kiểm soát dịch bệnh 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định kỳ y tế xã, thôn phối hợp tiêm chủng cho trẻ em và bà mẹ mang thai - Có cán bộ y tế thôn (nữ), được tập huấn - 25% CB y tế có khả năng kiểm soát dịch bệnh 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch bệnh đau mắt đỏ, ngoài da, phụ khoa, sốt xuất huyết, viêm đường hô hấp, tay chân miệng - 60% hộ dân chưa có ý thức khám bệnh định kỳ - 20% hộ chưa có kiến thức VSMT 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40% hộ dân chưa có ý thức khám bệnh định kỳ - 80% hộ có kiến thức VSMT - Tuyên truyền vận động người dân biết cách tự phòng chống dịch bệnh vào mùa mưa bão 		

7. Giáo dục

Loại hình	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰ ĐKKH (Kỹ năng,	Rủi ro thiên	Mức độ (Cao,
-----------	----------	------------	--------	---------------------------------	--------------	--------------

Thiên tai/BDK H				công nghệ kỹ thuật áp dụng)	tai/BDK H	Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, Ngập lụt	Đức Bó 1	405	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có sân chơi cho học sinh - Học sinh không có áo phao - Không có trường học trên địa bàn thôn, các điểm trường xa trường chính, thường xuyên sạt lở, ngập lụt 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 01 trường mầm non Ánh Dương và 01 cơ sở tư nhân Hoa Mai - 100% trẻ em độ tuổi ra lớp đến trường, không bỏ học giữa chừng - Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước kết hợp với giao thông, làm hệ thống thoát nước cho trường học 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ học sinh đuối nước 	<p>Cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> trẻ em không biết bơi thiếu kiến thức PCTT
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ em độ tuổi ra lớp không được đến trường cao - Thu nhập các hộ gia đình thấp 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có sự chỉ đạo của Phòng GD - Trường có thông báo cho PHHS khi có thiên tai 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% trẻ em không biết bơi - 70% PHHS chưa quan tâm đưa đón con em đến trường - 100% học sinh thiếu kiến thức PCTT 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30% PHHS có quan tâm đưa đón con em đến trường - 10% trẻ em biết bơi 		
	Đức Bó 2	299	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường chưa có hồ bơi - Không có địa điểm học bơi - Học sinh không có áo phao - Đường đi lại khó khăn trong mùa mưa bão 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có trường TH Trần Văn Ôn, cơ sở 2, 6 phòng, 2 tầng kiên cố 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ trường học ngập - Học sinh nghỉ học 4-5 ngày - Nguy cơ học sinh đuối nước 	<p>Cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> trẻ em không biết bơi, thiếu kiến thức PCTT
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác xã hội hóa giáo dục chưa được thực hiện tốt - Học sinh nghỉ học dài ngày - Chưa có chương trình PCTT trong trường học 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% phụ huynh quan tâm đưa trẻ đến trường - Có sự chỉ đạo của Phòng GD - Trường có thông báo cho PHHS khi có thiên tai 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% trẻ em không biết bơi - PHHS còn chủ quan chưa trang bị áo phao cho con em trong vùng thường xuyên ngập lụt - 100% học sinh thiếu kiến thức PCTT 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30% trẻ em biết bơi - 30% PHHS có quan tâm đưa đón con em đến trường 		

	Thuận An	462	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ em đi học xa, đường đi lại khó khăn trong mùa mưa bão - Trường học nằm trong vùng ngập lụt. - Thiếu trang bị áo phao cho các em 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có trường TH Trần Văn Ôn, cơ sở chính, 18 phòng, 2 tầng kiên cố - Phụ huynh đưa đón trẻ em đến trường và cho các em tham gia các lớp dạy bơi 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ trường học ngập - Học sinh nghỉ học 4-5 ngày - Nguy cơ học sinh đuối nước 	<p>Cao:</p> <p>trẻ em không biết bơi, thiếu kiến thức PCTT</p>
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác xã hội hóa giáo dục chưa được thực hiện tốt - Học sinh nghỉ học dài ngày - Chưa có chương trình PCTT trong trường học 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% phụ huynh quan tâm đưa trẻ đến trường - Có sự chi đạo của Phòng GD - Trường có thông báo cho PHHS khi có thiên tai 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% trẻ em không biết bơi - PHHS chưa quan tâm đến việc trang bị áo phao cho các em trong vùng ngập lụt - 100% học sinh thiếu kiến thức PCTT 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30% trẻ em biết bơi - 30% PHHS có quan tâm đưa đón con em đến trường 		
	Đông Hải	290	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường đến trường bằng đất (2km), khi ngập phải đi bằng ghe - Khoảng cách từ khu dân cư đến trường xa (4km) 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có trường THCS Lương Thế Vinh, gồm 24 phòng, 2 tầng kiên cố - Có trường THPT Cao Bá Quát, gồm 30 phòng, 2 tầng kiên cố - Có ghe của dân đưa đón học sinh khi nước lớn - Có trường MG Mãng Non cơ sở chính, 7 phòng, 1 tầng kiên cố 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nghỉ học nhiều ngày 3-4 ngày - Nguy cơ học sinh đuối nước - Nguy cơ học sinh đuối nước 	<p>Trung bình:</p> <p>Có chuẩn bị đầy đủ áo phao, ghe đưa đón, học sinh biết bơi, thiếu kiến thức PCTT</p>
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có trường học trên địa bàn - Công tác xã hội hóa giáo dục chưa được thực hiện tốt - Học sinh nghỉ học dài ngày - Chưa có chương trình PCTT trong trường học 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường cấp 1 có dạy cho các cháu bơi - Có sự chi đạo của Phòng GD - Trường có thông báo cho PHHS khi có thiên tai 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% trẻ em không biết bơi - PHHS chưa quan tâm đến việc trang bị áo phao cho các em trong vùng ngập lụt - 100% học sinh thiếu kiến thức PCTT 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh cấp 2 trở lên đều biết bơi - 30% PHHS có quan tâm đưa đón con em đến trường 		

	Lý Trà	318	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 01 trường MG Măng Non xuống cấp không sử dụng - Học sinh phải đi đến trường của xã học (2km) - Học sinh đi đến trường qua các đoạn đường bị sạt lở gặp khó khăn 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 01 trường TH Trần Văn Ôn, cơ sở Lý Trà, 4 phòng, 1 tầng kiên cố thuộc trường chuẩn 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đi học xa, đường đi khó khăn - Nguy cơ đuối nước 	<p>Cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> trẻ em không biết bơi, thiếu kiến thức PCTT
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác xã hội hóa giáo dục chưa được thực hiện tốt - Học sinh nghỉ học dài ngày - Chưa có chương trình PCTT trong trường học 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 04 giáo viên - Có sự chỉ đạo của Phòng GD - Trường có thông báo cho PHHS khi có thiên tai 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% trẻ em không biết bơi - PHHS chưa quan tâm đến việc trang bị áo phao cho các em trong vùng ngập lụt - 100% học sinh thiếu kiến thức PCTT 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh cấp 2 trở lên đều biết bơi - 30% PHHS có quan tâm đưa đón con em đến trường 		
	An Lương	252	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có trường mầm non, tiểu học - Học sinh đi đến trường qua các đoạn đường bị sạt lở gặp khó khăn 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có trường hợp xảy ra gây thương tích - 100% phụ huynh quan tâm đưa trẻ đến trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đi học xa, đường đi khó khăn - Nguy cơ đuối nước 	<p>Cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> trẻ em không biết bơi, thiếu kiến thức PCTT
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác xã hội hóa giáo dục chưa được thực hiện tốt - Học sinh nghỉ học dài ngày - Chưa có chương trình PCTT trong trường học 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có sự chỉ đạo của Phòng GD - Trường có thông báo cho PHHS khi có thiên tai 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% trẻ em không biết bơi - PHHS chưa quan tâm đến việc trang bị áo phao cho các em trong vùng ngập lụt - 100% học sinh thiếu kiến thức PCTT 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh cấp 2 trở lên đều biết bơi - 30% PHHS có quan tâm đưa đón con em đến trường 		

8. Rừng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Bão, Ngập lụt	Đức Bó 1	405	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích rừng ít, nhiều hộ trồng riêng lẻ - Cây con chết không dặm lại - Năng suất thu hoạch giảm - Giao thông đi lại khó khăn, chi phí vận chuyển và thu hoạch cao, giá thành tổng sản lượng thấp - Cây đổ ngã - Mật độ rừng thưa và khai thác không theo quy hoạch - Diện tích rừng của hộ dân ít, thu nhập thấp, ít quan tâm chăm sóc - Chặt phá bừa bãi - Chưa có các biển cảnh báo cháy rừng 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 72,12ha diện tích rừng trồng keo lá trầm, bạch đàn, dương liễu, thông dầu, thành rừng 90% - Khoanh vùng theo hộ, có rào chắn kéo dây thép bảo vệ trâu bò và người chặt phá 	<ul style="list-style-type: none"> - Sản lượng thu hoạch rừng giảm - Nguy cơ cháy rừng - Mật độ rừng thưa 	<p>Cao:</p> <p>Người dân chưa có ý thức bảo vệ rừng, chưa biết kỹ thuật trồng rừng</p>
				<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa phát triển các loại hình sinh kế trong việc trồng rừng - Chưa thành lập các nhóm sinh kế - Chưa có biện pháp xử lý đối với cá nhân chặt phá rừng 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đất rừng nhà nước giao khoán có sổ đỏ - Kiểm lâm có hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc cây rừng - 30% phụ nữ tham gia vào các hoạt động chăm sóc cây, thu hoạch - 70% nam tham gia bảo vệ rừng, trồng rừng 	
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có ý thức phòng và bảo vệ cháy rừng - Vai trò nòng cốt của phụ nữ trong công tác tuyên truyền chưa đề cập đến - Phụ nữ chưa được tham gia vào việc quyết định tiến trình trồng rừng - 30% Người dân chưa có ý thức tham gia vào việc bảo vệ rừng, trồng rừng chắn cát - 60% người dân chưa có kinh nghiệm trong việc trồng, chăm sóc 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn được giống cây rừng phù hợp - 70% Người dân có ý thức tham gia vào việc bảo vệ rừng, trồng rừng chắn cát - 40% người dân có kinh nghiệm trong việc trồng, chăm sóc 		
	Đức Bó 2	299	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 17ha diện tích rừng nằm trên núi cao dễ ngã đổ - Không có hệ thống cảnh báo cháy rừng - Rừng cây keo lá trầm thân mềm, dễ gãy khi còn non - Đường đi lại, vận chuyển khi 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 12 ha rừng mới trồng (keo lá trầm) - 138ha diện tích rừng trồng keo lá trầm, bạch đàn, dương liễu, thông dầu, thành rừng 90% - Trồng rừng thu nhập 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ cháy rừng - Nguy cơ rừng chậm phát triển khi nắng hạn - 117 ha 	<p>Trung bình:</p> <p>dùng cơ giới khắc phục đường đi lại, đang xây dựng</p>

		<p>thu hoạch gặp khó khăn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rừng trồng thưa dễ ngã đổ - Mật độ rừng thưa và khai thác không theo quy hoạch - Diện tích rừng của hộ dân ít, thu nhập thấp, ít quan tâm chăm sóc - Chưa có các biển cảnh báo cháy rừng 	<p>cao (3-5 năm có thể thu nhập)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí đầu tư không cao, chỉ có chăm sóc, không bón phân 	<p>rừng trên cao có nguy cơ ngã đổ khi có bão</p>	<p>thang cảnh báo cháy rừng, chăm sóc, bón cây non</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 4 hộ chưa được cấp sổ quyền sở hữu - Chưa phát triển các loại hình sinh kế trong việc trồng rừng - Chưa thành lập các nhóm sinh kế - Chưa có biện pháp xử lý đối với cá nhân chặt phá rừng 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nhà máy dăm Hòa Hưng chuyên thu mua nguyên liệu chế biến giấy - 41 hộ được cấp sổ quyền sở hữu - Rừng do người dân quản lý - Đang xây dựng mức thang cảnh báo cháy rừng - Kiểm lâm có hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc cây rừng - 30% phụ nữ tham gia vào các hoạt động chăm sóc cây, thu hoạch - 70% nam tham gia bảo vệ rừng, trồng rừng 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 45% hộ dân chưa được tập huấn về bảo vệ rừng - Vai trò nòng cốt của phụ nữ trong công tác tuyên truyền chưa đề cập đến - Phụ nữ chưa được tham gia vào việc quyết định tiến trình trồng rừng - 30% Người dân chưa có ý thức tham gia vào việc bảo vệ rừng, trồng rừng chắn cát - 60% người dân chưa có kinh nghiệm trong việc trồng, chăm sóc 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đào hố dưới gốc cây non bón phân để thu hoạch sớm - Rừng được phát bờ ranh cản lửa - Chọn được giống cây rừng phù hợp - 70% Người dân có ý thức tham gia vào việc bảo vệ rừng, trồng rừng chắn cát - 40% người dân có kinh nghiệm trong việc trồng, chăm sóc 		
Thuận An	462	Không có rừng			
Đông Hải	290	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cây còn nhỏ bị ngập lâu ngày chết yếu - Mật độ rừng thưa và khai thác không theo quy hoạch - Diện tích rừng của hộ dân ít, 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1ha rừng ngập mặn mới trồng 7 tháng (rừng của Phòng Nông nghiệp) - Rừng trồng phù hợp đất đai khí hậu, thổ nhưỡng 	0,3 ha cây con ngập lâu ngày chết yếu	Cao: tỷ lệ cây chết yếu cao, mật độ rừng thưa, chưa phát

		<p>thu nhập thấp, ít quan tâm chăm sóc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có các biển cảnh báo cháy rừng 	<p>(bần, mắ, đước)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại cây có khả năng chịu ngập lâu 		<p>triển các mô hình sinh kế trong trồng rừng</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đất chưa được cấp sổ quyền sử dụng đất - 15,6ha diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng - Chưa phát triển các loại hình sinh kế trong việc trồng rừng - Chưa thành lập các nhóm sinh kế - Chưa có biện pháp xử lý đối với cá nhân chặt phá rừng 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao khoán rừng cho 02 hộ - Rừng nằm vị trí sát đường giao thông - Các loại hình sinh kế là đánh bắt tôm cá - Kiểm lâm có hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc cây rừng - 30% phụ nữ tham gia vào các hoạt động chăm sóc cây, thu hoạch - 70% nam tham gia bảo vệ rừng, trồng rừng 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vai trò nòng cốt của phụ nữ trong công tác tuyên truyền chưa đề cập đến - Phụ nữ chưa được tham gia vào việc quyết định tiến trình trồng rừng - 30% Người dân chưa có ý thức tham gia vào việc bảo vệ rừng, trồng rừng chắn cát - 60% người dân chưa có kinh nghiệm trong việc trồng, chăm sóc 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân dân có kinh nghiệm chăm sóc bảo vệ - Rừng có trụ bê tông rào dây thép gai xung quanh, chống trâu bò phá - Chọn được giống cây rừng phù hợp - 70% Người dân có ý thức tham gia vào việc bảo vệ rừng, trồng rừng chắn cát - 40% người dân có kinh nghiệm trong việc trồng, chăm sóc 		
Lý Trà	318	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 ha rừng nằm vùng trũng thấp bị ngập thối rễ chết - Vận chuyển khó khăn, không có đường đi - Tỷ lệ thu hoạch cây giảm - Chưa có các biển cảnh báo cháy rừng 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50ha diện tích rừng trồng keo lá tram, bạch đàn, dương liễu, thông dầu, thành rừng 90% - Có 4,5 ha rừng mới trồng (keo lá tram), người dân tự trồng - 2 ha rừng gần thu hoạch 	<ul style="list-style-type: none"> - Sản lượng thu hoạch rừng giảm - Nguy cơ cháy rừng 	<p>Cao:</p> <p>Người dân chưa có ý thức bảo vệ rừng, chưa biết kỹ thuật trồng rừng, tỷ lệ cây chết cao, mật độ rừng thưa, chưa phát triển các mô hình</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% hộ dân có rừng chưa cấp sổ đất - Chưa phát triển các loại hình sinh kế trong việc trồng rừng - Chưa thành lập các nhóm sinh kế - Chưa có biện pháp xử lý đối 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thương lái đến mua dễ dàng - Nguồn thu nhập từ trồng cao - Kiểm lâm có hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc cây rừng 		

		<p>với cá nhân chặt phá rừng</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30% phụ nữ tham gia vào các hoạt động chăm sóc cây, thu hoạch - 70% nam tham gia bảo vệ rừng, trồng rừng 		sinh kế trong trồng rừng	
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vai trò nòng cốt của phụ nữ trong công tác tuyên truyền chưa đề cập đến - Phụ nữ chưa được tham gia vào việc quyết định tiến trình trồng rừng - 30% Người dân chưa có ý thức tham gia vào việc bảo vệ rừng, trồng rừng chắn cát - 60% người dân chưa có kinh nghiệm trong việc trồng, chăm sóc 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn được giống cây rừng phù hợp - 70% Người dân có ý thức tham gia vào việc bảo vệ rừng, trồng rừng chắn cát - 40% người dân có kinh nghiệm trong việc trồng, chăm sóc 		
An Lương	252	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 4 ha rừng trồng ở vùng cao - Cây đổ ngã, vận chuyển khó khăn, không có đường đi - Mật độ rừng thưa và khai thác không theo quy hoạch - Diện tích rừng của hộ dân ít, thu nhập thấp, ít quan tâm chăm sóc - Chưa có các biển cảnh báo cháy rừng 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 61 ha diện tích rừng trồng keo lá tràm, bạch đàn, dương liễu, thông dầu, thành rừng 90% - Thu nhập đạt năng suất cao 	<p>-Trâu bò thả ăn tự do làm 2,5 ha cây mới trồng bị ngã</p> <p>- 1,5 chưa đến thời gian thu hoạch nhưng bị ngã đổ</p>	<p>Cao: Do người dân chưa có ý bảo vệ rừng, chưa có kỹ thuật trồng rừng, tỷ lệ cây chết yếu cao, mật độ rừng thưa, chưa phát triển các mô hình sinh kế trong trồng rừng</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% hộ dân có rừng nhưng chưa cấp sổ đất - Chưa phát triển các loại hình sinh kế trong việc trồng rừng - Chưa thành lập các nhóm sinh kế - Chưa có biện pháp xử lý đối với cá nhân chặt phá rừng 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thương lái mua dễ dàng - Kiểm lâm có hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc cây rừng - 30% phụ nữ tham gia vào các hoạt động chăm sóc cây, thu hoạch - 70% nam tham gia bảo vệ rừng, trồng rừng 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vai trò nòng cốt của phụ nữ trong công tác tuyên truyền chưa đề cập đến - Phụ nữ chưa được tham gia vào việc quyết định tiến trình trồng rừng - 30% Người dân chưa có ý 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% có ý thức bảo vệ và chăm sóc tốt rừng trồng - Chọn được giống cây rừng phù hợp - 70% Người dân có ý thức tham gia vào việc 		

		thức tham gia vào việc bảo vệ rừng, trồng rừng chắn cát - 60% người dân chưa có kinh nghiệm trong việc trồng, chăm sóc	bảo vệ rừng, trồng rừng chắn cát	
--	--	---	----------------------------------	--

9. Trồng trọt

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, Ngập lụt	Đức Bó 1	405	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa chết, giảm năng suất - Hoa màu hư hỏng, mất trắng - Dịch bệnh và sâu hại thường xuyên xảy ra - Thiếu giống chuẩn để gieo sạ - Chưa phát hiện dịch bệnh kịp thời 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60ha diện tích trồng lúa - 82 ha hoa màu - 28 ha cây hàng năm - Thiết bị máy móc hiện đại: có 04 máy gặt, 3 máy cày, 5 xe đầu kéo - Hệ thống kênh mương tưới được nâng cấp - Có nguồn nước đập Phú Ninh quanh năm 	<ul style="list-style-type: none"> - 2ha lúa bị thiếu nước, quần cây - 0,5 ha hoa màu bị chết yểu - 1ha sản bị ngập nước, thối củ - 1,5 ha ngô bị ngập nước sục gốc 	<p>Cao: Người dân chưa áp dụng KHKT vào sản xuất, nhà nước chưa có cơ chế chính sách hỗ trợ cho người dân trong sử dụng các mô hình công nghiệp cao trong SX, người dân chưa được tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chưa thực hiện đúng theo lịch thời vụ, chưa áp dụng KHKT vào trồng trọt</p>
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá cả đầu ra nông sản bấp - Mua phân giá cao nợ, khi bán giá thấp, chi phí đầu vào cho sản xuất tăng, thương lái ép giá bênh - Chưa có đầu ra - 50% nữ tham gia trồng lúa và hoa màu 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 45% tỷ lệ nữ tham gia trồng lúa - 87% hộ tham gia trồng lúa - Hỗ trợ kinh phí bơm nước chống hạn 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40% người dân chưa được tập huấn kỹ thuật trồng trọt - Chính quyền còn hạn chế trong công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất - Chính quyền chưa quy hoạch khắc phục diện tích đất hoang hóa 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân được tập huấn kỹ thuật trồng trọt - Người dân cần cù chịu khó, sản xuất hết diện tích đất sẵn có - Người dân chủ động chuyên đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với thổ nhưỡng địa phương - Thực hiện xanh nhà hơn già đồng, thu hoạch sớm 		
	Đức Bó 2	299	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa và hoa màu nằm vùng ven sông - Kênh mương nội đồng bằng đất phục vụ tưới tiêu 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 45ha diện tích trồng lúa - 82 ha hoa màu - 23 ha cây hàng năm - 15 ha đồn điền đổi thửa. - 	<ul style="list-style-type: none"> - 30 ha lúa, 8 ha hoa màu nằm dọc ven sông dễ bị 	<p>Cao: người dân chưa được tập huấn kỹ thuật trồng trọt,</p>

			<p>Có hệ thống kênh tưới Phú Ninh đảm bảo nguồn tưới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hệ thống đập ngăn xả lũ kịp thời (đập Bá Thắng) 	ngập úng	chưa thực hiện đúng theo lịch thời vụ, chưa áp dụng KHKT vào trồng trọt
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân, giống, thuốc mua ngoài không đảm bảo chất lượng - Chính quyền còn hạn chế trong công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất - Chính quyền chưa quy hoạch khắc phục diện tích đất hoang hóa 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% hộ tham gia trồng lúa - 48% tỷ lệ nữ tham gia trồng lúa - Nhà nước hỗ trợ cho người dân mua 02 máy gặt đập liên hợp và 03 máy cày lớn, 02 máy cày nhỏ - Bố trí lịch thời vụ gieo sạ phù hợp - Cơ cấu giống ngắn ngày 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40% người dân chưa được tập huấn kỹ thuật trồng trọt - Người dân chưa thực hiện đúng theo lịch thời vụ - Thiếu kinh nghiệm diệt chuột - 70% hộ dân chưa áp dụng KHKT vào trồng trọt 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân đã qua lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt - Nhiều hộ đầu tư giống chịu nước - Người dân chủ động chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với thổ nhưỡng địa phương - Người dân cần cù chịu khó, sản xuất hết diện tích đất sẵn có - 30% hộ dân áp dụng KHKT vào trồng trọt - Thực hiện xanh nhà hơn già đồng, thu hoạch sớm 		
Thuận An	462	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50% hộ dân có đất trồng trọt nằm trong khu vực trũng thấp - Đồng lúa nằm ở tuyến cuối kênh - Kênh Đập Lân chưa có cống tiêu nước 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70ha diện tích trồng lúa - 109ha hoa màu - 31ha cây hàng năm 	- 50 ha lúa ngập úng, 5ha hoa màu bị ngập mặn	Cao: Người dân chưa áp dụng KHKT vào sản xuất
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền còn hạn chế trong công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất - Chính quyền chưa quy hoạch khắc phục diện tích đất hoang hóa 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% hộ tham gia trồng lúa - 52% tỷ lệ nữ tham gia trồng lúa - Bố trí lịch thời vụ gieo sạ phù hợp - Cơ cấu giống ngắn ngày 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40% người dân chưa được tập 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân đã qua 		

		<p>huấn kỹ thuật trồng trọt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân chưa thực hiện đúng theo lịch thời vụ - Thiếu kinh nghiệm diệt chuột - 70% hộ dân chưa áp dụng KHKT vào trồng trọt 	<p>lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiều hộ đầu tư giống chịu nước - Người dân chủ động chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với thổ nhưỡng địa phương - Người dân cần cù chịu khó, sản xuất hết diện tích đất sẵn có - 30% hộ dân áp dụng KHKT vào trồng trọt - Thực hiện xanh nhà hơn già đồng, thu hoạch sớm 		
Đông Hải	290	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa nằm vùng thấp trũng, tiêu nước khi ngập lụt chậm nước bên ngoài cao hơn bờ - Có 1,5km kênh mương đất, hư hỏng, xuống cấp - Lúa gần thu hoạch thường bị ngập lụt, thu hoạch thất thoát, giảm năng suất - Chưa có đường giao thông nội đồng 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80ha diện tích trồng lúa - 18ha hoa màu - 10ha cây hàng năm - Có 02 cống xả nước lớn, tiêu úng kiên cố 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm năng suất và chất lượng lúa - Thu nhập của người dân giảm 	<p>Cao: người dân chưa được tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chưa thực hiện đúng theo lịch thời vụ, chưa áp dụng KHKT vào trồng trọt</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cánh đầu chưa dòn điền đổi thửa - Lực lượng lao động yếu, thiếu do làm cty ở xa - Chính quyền còn hạn chế trong công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất - Chính quyền chưa quy hoạch khắc phục diện tích đất hoang hóa 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% hộ tham gia trồng lúa - 45% tỷ lệ nữ tham gia trồng lúa - Bố trí lịch thời vụ gieo sạ phù hợp - Cơ cấu giống ngắn ngày 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% người dân chưa có kinh nghiệm sản xuất trồng lúa - 60% người dân chưa được tập huấn kỹ thuật trồng trọt - Người dân chưa thực hiện đúng theo lịch thời vụ - Thiếu kinh nghiệm diệt chuột - 70% hộ dân chưa áp dụng KHKT vào trồng trọt 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - SX và thu hoạch hầu hết dùng bằng máy - 80% người dân có kinh nghiệm chăm sóc và bảo vệ, khắc phục cây lúa sau khi nước rút - 40% người dân được tập huấn kỹ thuật trồng trọt - 30% hộ dân áp dụng KHKT vào trồng trọt - Thực hiện xanh nhà hơn già đồng, thu hoạch sớm 		
Lý Trà	318	<p>*VC:</p>	<p>*VC:</p>	4 ha lúa	Cao: người

		<ul style="list-style-type: none"> - Vùng trũng ngập lụt - 2 ha hoa màu nằm dọc bờ sông - Kênh mương nội đồng đất, xuống cấp - 2 ha lúa chết, nhiễm mặn - 1 ha hoa màu bị khô, thiếu nước 	<ul style="list-style-type: none"> - 35ha diện tích trồng lúa - 9ha hoa màu - 20ha cây hàng năm - Kênh mương thủy lợi đảm bảo nước tưới đảm bảo - Nạo vét 200m kênh mương 	ngập lụt	dân chưa được tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chưa thực hiện đúng theo lịch thời vụ, chưa áp dụng KHKT vào trồng trọt
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền còn hạn chế trong công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất - Chính quyền chưa quy hoạch khắc phục diện tích đất hoang hóa 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 68% hộ tham gia trồng lúa - 45% tỷ lệ nữ tham gia trồng lúa - Chính quyền hỗ trợ nâng cấp 250 m kênh mương - Bố trí lịch thời vụ gieo sạ phù hợp - Cơ cấu giống ngắn ngày 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40% người dân chưa được tập huấn kỹ thuật trồng trọt - Người dân chưa thực hiện đúng theo lịch thời vụ - Thiếu kinh nghiệm diệt chuột - 70% hộ dân chưa áp dụng KHKT vào trồng trọt 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân tập huấn nông nghiệp - 30% hộ dân áp dụng KHKT vào trồng trọt - Thực hiện xanh nhà hơn già đồng, thu hoạch sớm 		
An Lương	252	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 6 ha lúa vụ hè thu ở vùng trũng bị ngập úng không thu hoạch được tỷ lệ 60% - Sản 3 ha bị thối củ, hư hỏng 80% 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 41ha diện tích trồng lúa - 12ha hoa màu - 7ha cây hàng năm - Kênh mương thủy lợi và nước tưới đảm bảo sản xuất - Máy cày 3 cái 	<ul style="list-style-type: none"> - Lúa chết, giảm năng suất 40% - 2 ha lúa ngập lụt 	<p>Ca: người dân chưa được tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chưa thực hiện đúng theo lịch thời vụ, chưa áp dụng KHKT vào trồng trọt</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu đầu tư giống nguyên chuẩn - Chính quyền còn hạn chế trong công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất - Chính quyền chưa quy hoạch khắc phục diện tích đất hoang hóa 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% hộ tham gia trồng lúa - 43% tỷ lệ nữ tham gia trồng lúa - Người dân chủ động chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với thổ nhưỡng địa phương - Bố trí lịch thời vụ gieo sạ phù hợp - Cơ cấu giống ngắn ngày 		

		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40% người dân chưa được tập huấn kỹ thuật trồng trọt - Người dân chưa thực hiện đúng theo lịch thời vụ - Thiếu kinh nghiệm diệt chuột - 30% hộ dân chưa áp dụng KHKT vào trồng trọt 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân được tập huấn kỹ thuật trồng trọt - 70% hộ dân áp dụng KHKT vào trồng trọt - Thực hiện xanh nhà hơn già đồng, thu hoạch sớm 	
--	--	--	---	--

10. Chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, Ngập lụt	Đức Bó 1	405	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% hộ chăn nuôi mảnh mún, nhỏ lẻ chưa quan tâm chăm sóc - Dịch bệnh tai xanh, cúm, tụ huyết trùng thường xuyên xảy ra - 80% hộ chăn nuôi không có chuồng trại, thả rong - Gia súc gia cầm chết trôi - Chăn nuôi GSGC trong khu vực dân cư 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 348 con gia súc, 2.950 con gia cầm - Chăn nuôi gia cầm ngành chủ lực của thôn 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ dịch bệnh GSGC - Ô nhiễm môi trường 	<p>Cao: hộ dân chưa được tập huấn về chăn nuôi, chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung, chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi, chưa có ý thức trong vệ sinh chuồng trại, không tiêm phòng cho GSGC</p>
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá cả bấp bênh, không chủ động được đầu ra - Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung - Sản phẩm đầu ra tiêu thụ bấp bênh - 10% hộ phụ nữ đơn thân là hộ nghèo 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% nữ tham gia chăn nuôi - 50% hộ chăn nuôi - Tuyên truyền cho người dân di dời GSGC lên vùng cao - Vận động người dân sửa chữa lại chuồng trại 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% hộ chăn nuôi GSGC không tiêm phòng - 70% hộ dân chưa được tập huấn về chăn nuôi, chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung - 40% hộ chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi - 30% người dân chưa có ý thức trong vệ sinh chuồng trại 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% hộ thường xuyên tiêm phòng cho GSGC - 15% hộ có kinh nghiệm về chăn nuôi - Tận dụng nguồn thức ăn sẵn có - Nguồn lao động nhàn rỗi - 30% hộ dân được tập huấn về chăn nuôi, chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung - 60% hộ áp dụng KHKT vào chăn nuôi 		

				- 70% người dân có ý thức trong vệ sinh chuồng trại	
Đức Bó 2	299	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 65% chuồng trại còn tạm bợ - Chưa có hệ thống thu gom chất thải của gia súc gia cầm - Chăn nuôi GSGC trong khu vực dân cư - Dịch bệnh tai xanh, cúm, tụ huyết trùng thường xuyên xảy ra 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 895 con gia súc, 2.230 con gia cầm - Chăn nuôi gia cầm ngành chủ lực của thôn 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ dịch bệnh GSGC - Ô nhiễm môi trường 	<p>Cao: hộ dân chưa được tập huấn về chăn nuôi, chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung, chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi, chưa có ý thức trong vệ sinh chuồng trại, không tiêm phòng cho GSGC</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung - Sản phẩm đầu ra tiêu thụ bấp bênh - 10% hộ phụ nữ đơn thân là hộ nghèo 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% nữ tham gia chăn nuôi - 29% hộ chăn nuôi - Có đầu ra cho sản phẩm - Tuyên truyền cho người dân di dời GSGC lên vùng cao - Vận động người dân sửa chữa lại chuồng trại 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% hộ chăn nuôi GSGC không tiêm phòng - 70% hộ dân chưa được tập huấn về chăn nuôi, chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung - 40% hộ chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi - 30% người dân chưa có ý thức trong vệ sinh chuồng trại 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10% hộ thường xuyên tiêm phòng cho GSGC - 15% hộ có kinh nghiệm về chăn nuôi - Tận dụng nguồn thức ăn sẵn có - Nguồn lao động nhàn rỗi - 30% hộ dân được tập huấn về chăn nuôi, chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung - 60% hộ áp dụng KHKT vào chăn nuôi - 70% người dân có ý thức trong vệ sinh chuồng trại 		
Thuận An	462	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trang trại gà nằm ở vùng trũng thấp (2 trang trại) - Chuồng trâu bò chưa bảo đảm (25 con) - Hơn 3000 con vịt nằm ở vùng ven sông - Chăn nuôi GSGC trong khu vực dân cư - Dịch bệnh tai xanh, cúm, tụ huyết trùng, lở mồm long móng thường xuyên xảy ra 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 14 con gia súc, 3.354 con gia cầm - Chăn nuôi gia cầm ngành chủ lực của thôn 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ dịch bệnh GSGC - Ô nhiễm môi trường 	<p>Cao: hộ dân chưa được tập huấn về chăn nuôi, chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung, chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi, chưa có ý</p>
		<p>*TCXH:</p>	<p>*TCXH:</p>		

		<ul style="list-style-type: none"> - Có 4 hộ chăn nuôi lợn thuộc vùng thấp - Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung - Sản phẩm đầu ra tiêu thụ bấp bênh - 10% hộ phụ nữ đơn thân là hộ nghèo 	<ul style="list-style-type: none"> - 65% nữ tham gia chăn nuôi - 15% hộ chăn nuôi - Tuyên truyền cho người dân di dời GSGC lên vùng cao - Vận động người dân sửa chữa lại chuồng trại 		<p>thức trong vệ sinh chuồng trại, không tiêm phòng cho GSGC</p>
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% hộ dân chưa được tập huấn về chăn nuôi, chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung - 40% hộ chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi - 30% người dân chưa có ý thức trong vệ sinh chuồng trại - 85% hộ dân không tiêm phòng cho GSGC 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 15% hộ thường xuyên tiêm phòng cho GSGC - 15% hộ có kinh nghiệm về chăn nuôi - Tận dụng nguồn thức ăn sẵn có - Nguồn lao động nhàn rỗi - 30% hộ dân được tập huấn về chăn nuôi, chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung - 60% hộ áp dụng KHKT vào chăn nuôi - 70% người dân có ý thức trong vệ sinh chuồng trại 		
Đông Hải	290	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50% chuồng trại tạm bợ - 100% hộ không có hệ thống chứa và xử lý chất thải - Chăn nuôi GSGC trong khu vực dân cư - Dịch bệnh tai xanh, cúm, tụ huyết trùng, lở mồm long móng thường xuyên xảy ra - GCGC chết, trôi 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 160 con gia súc, 3.890 con gia cầm - 50% hộ chăn nuôi có chuồng trại kiên cố, nằm vùng cao - Chăn nuôi gia cầm ngành chủ lực của thôn 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ dịch bệnh GSGC - Ô nhiễm môi trường 	<p>Thấp: có kế hoạch bán GSGC đủ tuổi xuất chuồng, chỉ để lại con giống và con con</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung - Sản phẩm đầu ra tiêu thụ bấp bênh - 10% hộ phụ nữ đơn thân là hộ nghèo 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 43% hộ chăn nuôi - 70% nữ tham gia chăn nuôi - Tuyên truyền cho người dân di dời GSGC lên vùng cao - Vận động người dân sửa chữa lại chuồng trại 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% hộ dân chưa được tập huấn về chăn nuôi, chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung - 40% hộ chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi - 30% người dân chưa có ý thức trong vệ sinh chuồng trại 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 15% hộ thường xuyên tiêm phòng cho GSGC - 15% hộ có kinh nghiệm về chăn nuôi - Tận dụng nguồn thức ăn sẵn có - Nguồn lao động nhàn rỗi 		

		<ul style="list-style-type: none"> - 85% hộ dân không tiêm phòng cho GSGC 	<ul style="list-style-type: none"> - 30% hộ dân được tập huấn về chăn nuôi, chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung - 60% hộ áp dụng KHKT vào chăn nuôi - 70% người dân có ý thức trong vệ sinh chuồng trại 		
Lý Trà	318	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% hộ dân chăn nuôi chưa có hầm xử lý nước thải - 20% chuồng trại chăn nuôi không kiên cố - Chăn nuôi GSGC trong khu vực dân cư - GSGC chết 250 con gia súc, 890 con gia cầm - Dịch bệnh tai xanh, cúm, tụ huyết trùng, lở mồm long móng thường xuyên xảy ra 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 351 con gia súc, 1,652 con gia cầm - Chăn nuôi gia cầm ngành chủ lực của thôn 	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ dịch bệnh GSGC - Ô nhiễm môi trường 	<p>Cao: hộ dân chưa được tập huấn về chăn nuôi, chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung, chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi, chưa có ý thức trong vệ sinh chuồng trại, không tiêm phòng cho GSGC</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% hộ dân chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung - Chưa có chăn nuôi theo mô hình trang trại - 8% hộ phụ nữ đơn thân là hộ nghèo 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thú y xã thường xuyên tiêm phòng cho GSGC - 26% hộ chăn nuôi - 56% nữ tham gia chăn nuôi - Tuyên truyền cho người dân di dời GSGC lên vùng cao - Vận động người dân sửa chữa lại chuồng trại 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch bệnh xảy ra thường xuyên như lở mồm long móng, tai xanh - 70% hộ dân chưa được tập huấn về chăn nuôi, chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung - 40% hộ chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi - 30% người dân chưa có ý thức trong vệ sinh chuồng trại - 90% hộ dân không tiêm phòng cho GSGC 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10% hộ dân tiêm phòng cho GSGC - Tận dụng nguồn thức ăn sẵn có - Nguồn lao động nhàn rỗi - 30% hộ dân được tập huấn về chăn nuôi, chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung - 60% hộ áp dụng KHKT vào chăn nuôi - 70% người dân có ý thức trong vệ sinh chuồng trại 		
An Lương	252	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 41 hộ chuồng trại tạm bợ - 20% hộ dân chăn nuôi chưa có hầm xử lý nước thải - Chăn nuôi GSGC trong khu vực dân cư 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 210 con gia súc, 1.532 con gia cầm - Chăn nuôi gia cầm ngành chủ lực của thôn 	<ul style="list-style-type: none"> Dịch bệnh gia súc gia cầm Ô nhiễm môi trường 	<p>Cao: hộ dân chưa được tập huấn về chăn nuôi, chăn nuôi</p>

			<ul style="list-style-type: none"> - GSGC chết, trôi - Dịch bệnh tai xanh, cúm, tụ huyết trùng, lở mồm long móng thường xuyên xảy ra 			<p>nhỏ lẻ, không tập trung, chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi, chưa có ý thức trong vệ sinh chuồng trại, không tiêm phòng cho GSGC</p>
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá cả bấp bênh, không chủ động được đầu ra - Không có Đội dự phòng - 5% hộ phụ nữ đơn thân là hộ nghèo 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 19% hộ chăn nuôi - 60% nữ tham gia chăn nuôi - Tuyên truyền cho người dân di dời GSGC lên vùng cao - Vận động người dân sửa chữa lại chuồng trại 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% hộ dân chưa được tập huấn về chăn nuôi, chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung - 40% hộ chưa áp dụng KHKT vào chăn nuôi - 30% người dân chưa có ý thức trong vệ sinh chuồng trại - 90% hộ dân không tiêm phòng cho GSGC 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10% hộ dân tiêm phòng cho GSGC - Tận dụng nguồn thức ăn sẵn có như: sắn, ngô - Nguồn lao động nhàn rỗi - 30% hộ dân được tập huấn về chăn nuôi, chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung - 60% hộ áp dụng KHKT vào chăn nuôi - 70% người dân có ý thức trong vệ sinh chuồng trại 		

11. Thủy sản

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, Ngập lụt	Đức Bó 1	405	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn nước nuôi tôm không đảm bảo, độ mặn thấp, dễ bị ô nhiễm - Bờ ao không kiên cố, nằm sát ruộng sản xuất ảnh hưởng thuốc trừ sâu - Thiếu đầu tư thiết bị trong nuôi trồng - 60% diện tích ao hồ bị bỏ hoang - Con giống không đảm bảo nguồn gốc - Dịch bệnh xảy ra thường xuyên: đốm trắng, đen mang 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1,2 ha diện tích nuôi tôm nước lợ - Có đầu tư máy móc 	<ul style="list-style-type: none"> - Năng suất thấp - Thua lỗ trong nuôi trồng - Diện tích ao hồ bị bỏ hoang 	<p>Cao: bờ ao không kiên cố, nước không đảm bảo, nhiễm độc cao, chưa áp dụng KT vào chăn nuôi</p>

		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung - Chưa quy hoạch vùng chuyên canh - Giống và thức ăn mua không rõ nguồn gốc 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 8% tỷ lệ nữ tham gia NTTS - Vận động nhân dân đắp đê vững chắc - Sản phẩm tiêu thụ tại chỗ 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% hộ chưa áp dụng KT vào chăn nuôi - Nuôi quản canh, không theo lịch thời vụ, dễ xảy ra dịch bệnh - 30% hộ chưa biết cách xử lý nguồn nước đảm bảo cho tôm phát triển 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% hộ biết cách xử lý nguồn nước đảm bảo cho tôm phát triển - 40% hộ áp dụng KT vào chăn nuôi - Vệ sinh khử vôi ao nuôi 		
Đức Bó 2	299	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bờ bao ao bằng đất, không kiên cố - Nguồn nước nuôi tôm không đảm bảo, độ mặn thấp, dễ bị ô nhiễm - Con giống không đảm bảo nguồn gốc - Dịch bệnh xảy ra thường xuyên: đốm trắng, đen mang 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 ha diện tích nuôi cá nước ngọt - 5.200m² ao nuôi cá - Ao nuôi gần nhà - Đầu tư máy sục khí 	<ul style="list-style-type: none"> - Bờ ao vỡ - Cá trôi, chết 	<p>Cao: bờ ao không kiên cố, giống trôi nổi, chưa áp dụng KT vào chăn nuôi</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giống và thức ăn mua không rõ nguồn gốc - Chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung - Chưa quy hoạch vùng chuyên canh 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3% hộ nuôi cá - 9% tỷ lệ nữ nuôi cá - Sản phẩm tiêu thụ tại chỗ - Vận động nhân dân đắp đê vững chắc 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% hộ chưa áp dụng KT vào chăn nuôi - 60% hộ dân thiếu kiến thức về nuôi trồng thủy sản - Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chưa đúng quy định 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều tiết nước sạch cho cá phát triển - 20% hộ áp dụng KTKT vào chăn nuôi - 40% hộ dân có kiến thức về nuôi trồng thủy sản - Vệ sinh khử vôi ao nuôi 		
Thuận An	462	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bao đê xuống cấp, không có lưới rào - Hệ thống tiêu nước không đảm bảo - Bờ bao ao bằng đất, không kiên cố - Nguồn nước nuôi tôm không đảm bảo, độ mặn thấp, dễ bị ô 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 ha diện tích nuôi tôm nước lợ - Có đầu tư máy móc 	<ul style="list-style-type: none"> - Lở đập 10 tấn tôm bị trôi 	<p>Cao: bờ ao không đảm bảo, đầu tư tôm giống cao, số lượng lớn</p>

		<p>nhiễm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Con giống không đảm bảo nguồn gốc - Dịch bệnh xảy ra thường xuyên: đốm trắng, đen mang 			
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 4% hộ có đập tôm gần sông - Chưa có Cty cung cấp con giống trên địa bàn xã - Chưa quy hoạch vùng chuyên canh - Chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung - Giống và thức ăn mua không rõ nguồn gốc 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 5% hộ nuôi tôm nước lợ - 10% tỷ lệ nữ nuôi tôm - Vận động nhân dân đắp đê vững chắc - Sản phẩm tiêu thụ tại chỗ 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn nước nuôi chưa qua xử lý - 80% hộ dân thiếu kiến thức về nuôi trồng thủy sản - Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chưa đúng quy định 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% hộ có kiến thức về nuôi trồng thủy sản - 80% hộ dân có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản - Vệ sinh khử vôi ao nuôi 		
Đông Hải	290	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50ha ao hồ chưa có bờ kiên cố - Vùng nuôi trồng trũng thấp dễ bị ngập - Bờ bao ao bằng đất, không kiên cố - Nguồn nước nuôi tôm không đảm bảo, độ mặn thấp, dễ bị ô nhiễm - Con giống không đảm bảo nguồn gốc - Dịch bệnh xảy ra thường xuyên: đốm trắng, đen mang 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 8h diện tích nuôi tôm - 50% hồ nuôi có đầu tư máy sục khí - 50% có máy móc điện 3 pha 	<ul style="list-style-type: none"> - Bờ ao dễ bị vỡ - Tôm trôi, mất trắng - Mất vốn SX, đời sống khó khăn - Dịch bệnh ở tôm phát sinh 	<p>Cao:</p> <p>vùng trũng thấp, ao tôm chưa kiên cố, nguồn nước chưa xử lý, con giống chưa đảm bảo</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc con giống và thức ăn không đảm bảo - Chưa có Cty cung cấp con giống trên địa bàn xã - Chưa quy hoạch vùng chuyên canh - Chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10% tỷ lệ nữ nuôi tôm - Vận động nhân dân đắp đê vững chắc - Sản phẩm tiêu thụ tại chỗ 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn nước nuôi chưa qua xử lý - 80% hộ dân thiếu kiến thức về nuôi trồng thủy sản - Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% hộ có kiến thức về nuôi trồng thủy sản - 80% hộ dân có kinh nghiệm nuôi trồng thủy sản - Vệ sinh khử vôi ao nuôi 		

		chưa đúng quy định			
Lý Trà	318	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30% diện tích ao nuôi tôm chưa kiên cố - Dịch bệnh xảy ra thường xuyên: đốm trắng, đen mang - Nguồn nước nuôi tôm không đảm bảo, độ mặn thấp, dễ bị ô nhiễm - Con giống không đảm bảo nguồn gốc 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 26 ha diện tích nuôi tôm - Có xử lý máy sục khí - Có điện 3 pha để chạy máy 	Tôm chết, cuốn trôi	Cao: Chăn nuôi chưa đúng thời vụ, không có kiến thức về NTTS, bờ ao không kiên cố
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không quy hoạch vùng nuôi tập trung, còn nuôi nhỏ lẻ - Giá cả còn bấp bênh, đầu ra sản phẩm chưa đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định về ATVSTP - Chưa có Cty cung cấp con giống trên địa bàn xã - Giống và thức ăn mua không rõ nguồn gốc 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10% tỷ lệ nữ nuôi tôm - Vận động nhân dân đắp đê vững chắc - Sản phẩm tiêu thụ tại chỗ 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không tuân thủ theo lịch thời vụ - 50% người dân không có kiến thức về nuôi trồng thủy sản - Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chưa đúng quy định 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50% người dân có kiến thức về nuôi trồng thủy sản - Vệ sinh khử vôi ao nuôi 		
An Lương	252	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3 ha nuôi trồng thủy sản, 2 ha tôm bị chết trôi - Bờ ao chưa kiên cố - Dịch bệnh xảy ra thường xuyên: đốm trắng, đen mang - Nguồn nước nuôi tôm không đảm bảo, độ mặn thấp, dễ bị ô nhiễm 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 8 ha diện tích nuôi tôm - Đầu tư máy hút nước, máy sục khí 	- Bờ ao bị vỡ, hư hỏng mất trắng số lượng tôm đã nuôi	Cao: Chăn nuôi chưa đúng thời vụ, không có kiến thức về NTTS, bờ ao không kiên cố
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa quy hoạch vùng chuyên canh - Chưa có Cty cung cấp con giống trên địa bàn xã - Chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung - Giống và thức ăn mua không rõ nguồn gốc 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 5% nữ tham gia nuôi tôm - Vận động nhân dân đắp đê vững chắc - Sản phẩm tiêu thụ tại chỗ 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% hộ biết cách xử lý 		

		<p>chưa đúng quy định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu kỹ năng chăm sóc - 30% hộ chưa biết cách xử lý nguồn nước đảm bảo cho tôm phát triển 	<p>nguồn nước đảm bảo cho tôm phát triển</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh khử vôi ao nuôi 	
--	--	---	--	--

12. Du lịch : không

13. Buôn bán và dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, Ngập lụt	Đức Bó 1	405	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lượng hàng dự trữ rất ít - Giao thông đi lại khó khăn, tắc trở - Hàng hóa ngập ướt, hư hỏng - Vận chuyển hàng hóa khó khăn - Lều quán không kiên cố 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lương thực dự trữ từ 3-5 ngày - Sử dụng mặt bằng của hộ dân để buôn bán 	<ul style="list-style-type: none"> - Hàng hóa ngập ướt - Thu nhập thấp - Thiếu hàng hóa cung cấp kịp thời cho người dân 	Cao: thu nhập chính từ buôn bán, thiếu vốn kinh doanh, thu nhập thấp
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ buôn bán nhỏ lẻ (4 hộ) - Thiếu vốn kinh doanh - Giá bán không ổn định, người mua nhiều sự lựa chọn - Thiếu nhân lực để di chuyển hàng hóa khi ngập lụt - Nhiều quán bán, người mua ít 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 9% hộ buôn bán tập hóa, lương thực thực phẩm - Có 01 cơ sở bán vật liệu xây dựng đáp ứng vật tư sau thiên tai - 85% nữ tham gia buôn bán 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có kỹ năng bán hàng - Cạnh tranh nhiều với các quán khác 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có mối quan hệ tốt với khách hàng - Kê kích các hàng hóa lên cao 		
	Đức Bó 2	299	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng hóa chưa được đa dạng - Chưa có kho dự trữ hàng - Hàng hóa ngập ướt, hư hỏng - Vận chuyển hàng hóa khó khăn - Lều quán không kiên cố 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 9% hộ buôn bán tập hóa, lương thực thực phẩm - Có 01 cơ sở bán vật liệu xây dựng đáp ứng vật tư sau thiên tai 	<ul style="list-style-type: none"> - Lều quán dễ bị sập - Hàng hóa hư hỏng - Lỗ vốn kinh doanh 	
<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 6% hộ kinh doanh nhỏ lẻ (tập hóa, ăn uống nhỏ lẻ, tạm bợ) - Chưa có kiểm tra ATTP - Cơ sở bán vật tư nông nghiệp 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 0,7% hộ kinh doanh vật tư nông nghiệp - 90% nữ tham gia - Cung cấp hàng hóa quanh năm 	Cao: thiếu vốn đầu tư kinh doanh, hàng hóa dễ hư hỏng, không có nơi dự trữ				

		<p>tự pháp chưa được cấp phép</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn vốn đầu tư kinh doanh thiếu 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số hộ đầu tư hàng hóa đa dạng đáp ứng nhu cầu thị trường - Có đại lý giao hàng tận nơi 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có kỹ năng bán hàng - Cạnh tranh nhiều với các quán khác - Chưa kiểm tra được các hàng hóa hết hạn sử dụng 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tập huấn ATTP cho các hộ dân - Có mối quan hệ tốt với khách hàng - Kê kích các hàng hóa lên cao 		
Thuận An	462	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng hóa chưa được đa dạng - Chưa có kho dự trữ hàng - Hàng hóa ngập ướt, hư hỏng - Vận chuyển hàng hóa khó khăn - Lều quán không kiên cố 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 6% hộ buôn bán tập hóa, lương thực thực phẩm - Có 01 cơ sở bán vật liệu xây dựng đáp ứng vật tư sau thiên tai - 8 hộ có thu nhập chính từ kinh doanh nhỏ lẻ 	Lều, quán sập, tốc mái Hàng hóa ẩm ướt, hư hỏng	Cao: thu nhập chính từ buôn bán, thiếu vốn kinh doanh, thu nhập thấp
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3,5% hộ kinh doanh buôn bán nhỏ lẻ - Nguồn vốn đầu tư kinh doanh thiếu 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1,2% hộ có đăng ký kinh doanh - 80% nữ tham gia - Vận động các chủ tập hóa xây dựng lại cơ sở hạ tầng 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có kỹ năng bán hàng - Cạnh tranh nhiều với các quán khác - Chưa kiểm tra được các hàng hóa hết hạn sử dụng 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tập huấn ATTP cho các hộ dân - Có mối quan hệ tốt với khách hàng - Kê kích các hàng hóa lên cao 		
Đông Hải	290	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lượng hàng dự trữ rất ít - Giao thông đi lại khó khăn - Hàng hóa ngập ướt, hư hỏng 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lương thực thực phẩm dự trữ từ 5-7 ngày - 10 hộ có thu nhập chính từ kinh doanh nhỏ lẻ - Tận dụng mặt bằng sẵn có tại gia đình 	<ul style="list-style-type: none"> - Hàng hóa ngập ướt - Thu nhập thấp - Thiếu hàng hóa cung cấp thời cho người dân 	Cao: thu nhập chính từ buôn bán, thiếu vốn kinh doanh, thu nhập thấp
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có các cơ sở buôn bán - 6,2% hộ kinh doanh buôn nhỏ lẻ (tập hóa, lương thực thực phẩm) - Thiếu vốn kinh doanh. 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 01 cơ sở kinh doanh vật liệu xây dựng - Cơ sở cung cấp vật liệu đáp ứng vật tư sau thiên tai 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có kỹ năng bán hàng - Cạnh tranh nhiều với các quán 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tập huấn ATTP cho các hộ dân 		

		<p>khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa kiểm tra được các hàng hóa hết hạn sử dụng 	<ul style="list-style-type: none"> - Có mối quan hệ tốt với khách hàng - Kê kích các hàng hóa lên cao 		
Lý Trà	318	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa đa dạng phong phú các mặt hàng - Không có kho lưu trữ hàng hóa 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng mặt bằng sẵn có tại gia đình - 9 hộ có thu nhập chính từ kinh doanh nhỏ lẻ 	<ul style="list-style-type: none"> - Hàng hóa hết hạn sử dụng - Không có vốn đầu tư kinh doanh - Thu nhập thấp 	<p>Cao: thu nhập chính từ buôn bán, thiếu vốn kinh doanh, thu nhập thấp</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3,46% hộ kinh doanh nhỏ lẻ - Chưa có đầu tư cao nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa - Nguồn vốn đầu tư còn thấp - Chưa mạnh dạn vay vốn đầu tư kinh doanh 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% nữ tham gia - 50% hộ kinh doanh nhỏ lẻ có đại lý cấp 1,2 để cung cấp hàng hóa - Ngân hàng chính sách hỗ trợ vay vốn để kinh doanh 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa kiểm tra được các hàng hóa hết hạn sử dụng - Không có kỹ năng bán hàng - Cạnh tranh nhiều với các quán khác 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kê kích hàng hóa lên cao trước khi có thiên tai xảy ra - Có mối quan hệ tốt với khách hàng 		
An Lương	252	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50% hộ kinh doanh có quán tạm bợ - Chưa đa dạng phong phú các mặt hàng - Hàng hóa ẩm ướt 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50% hộ có thu nhập chính từ kinh doanh nhỏ lẻ - Tận dụng mặt bằng sẵn có tại gia đình - 50% hộ có thu nhập chính từ kinh doanh 	<p>Thiếu hàng hóa cung cấp kịp thời cho dân</p>	<p>Cao: thu nhập chính từ buôn bán, thiếu vốn kinh doanh, thu nhập thấp</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10% hộ kinh doanh nhỏ lẻ - Thiếu vốn kinh doanh - Gián đoạn hoạt động kinh doanh - Giảm thu nhập 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80% nữ tham gia - Vận động các hộ buôn bán khắc phục sau thiên tai 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có kỹ năng bán hàng - Cạnh tranh nhiều với các quán khác - Chưa kiểm tra được các hàng hóa hết hạn sử dụng 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tập huấn ATTP cho các hộ dân - Có mối quan hệ tốt với khách hàng - Kê kích các hàng hóa lên cao 		

14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, Ngập lụt	Đức Bó 1	405	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1% hộ nghèo không có ti vi theo dõi thông tin thời tiết - 20% hộ dân ở vùng sâu vùng xa - Không có hệ thống cảnh báo sớm vùng nguy hiểm 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 04 cụm loa phát thanh đang hoạt động - 99% hộ có ti vi theo dõi thông tin thời tiết - 20% hộ dân có sử dụng Internet - Có 01 máy âm ly, 01 loa cầm tay 	Người dân thiếu thông tin, không chủ động phòng chống	Cao: các hộ vùng sâu vùng xa không nhận được thông tin kịp thời, chủ quan trong công tác phòng chống thiên tai
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có cán bộ truyền thanh, phân công cán bộ trong quân dân chính làm công tác thông tin - Chưa có nội dung tuyên truyền về PCTT 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên thông báo cho người dân trước khi thiên tai xảy ra - cán bộ trong quân dân chính làm công tác thông tin - Cán bộ truyền thanh duy trì ổn định 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 40% hộ dân không tiếp cận được thông tin truyền thông kênh địa phương - 80% hộ dân không sử dụng Internet 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% hộ dân tiếp cận được thông tin truyền thông kênh địa phương - 20% hộ dân sử dụng Internet 		
	Đức Bó 2	299	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống nhà máy xây đá phục vụ cho cao tốc quá tải dẫn đến thường xuyên cúp điện - Loa hư hỏng (6 cái) - Không có loa cầm tay - Thiếu hệ thống cảnh báo sớm - 10% hộ không có ti vi, điện thoại di động theo dõi thông tin thời tiết 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 3 cụm loa (9 cái) - 90% hộ có ti vi, điện thoại di động theo dõi thông tin thời tiết - Có 01 máy âm ly, 01 loa cầm tay 	- 03 cụm loa ít hoạt động - Người dân không tiếp cận được thông tin liên lạc khi có thiên tai xảy ra	Cao: Loa hư hỏng, mất điện, hệ thống song điện thoại di động không có, người dân khó tiếp cận thông tin PCTT
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có cán bộ truyền thanh, phân công cán bộ trong quân dân chính làm công tác thông tin - Chưa có nội dung tuyên truyền về PCTT 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên thông báo cho người dân trước khi thiên tai xảy ra - Cán bộ truyền thanh nhiệt tình 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 3% hộ dân không tiếp cận 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 12% hộ dân có sử dụng 		

		<p>được thông tin truyền thông kênh địa phương (người cao tuổi)</p> <ul style="list-style-type: none"> - 88% hộ dân có sử dụng Internet 	<p>Internet</p> <ul style="list-style-type: none"> - 97% hộ dân tiếp cận được thông tin truyền thông kênh địa phương 		
Thuận An	462	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10 cây trụ loa chưa được kiên cố - 5 % hộ chưa có ti vi, 80% chưa có điện thoại di động 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 4 trụ loa phát thanh - 95% hộ có ti vi, 80% hộ có điện thoại di động 	<ul style="list-style-type: none"> - 3 trụ bị gãy đè hư hỏng loa - Mất điện dài ngày dẫn đến người dân không tiếp cận thông tin 	<p>-Trung bình: Đã được chú trọng đầu tư</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có cán bộ truyền thanh, phân công cán bộ trong quân dân chính làm công tác thông tin - Chưa có nội dung tuyên truyền về PCTT 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền đầu tư thay các trụ loa lâu năm - Thường xuyên thông báo cho người dân trước khi thiên tai xảy ra - Cán bộ truyền thanh xã nhiệt tình 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% hộ dân có sử dụng Internet - 40% hộ dân chưa tiếp cận được thông tin PCTT 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10% hộ dân có sử dụng Internet - 60% hộ tiếp nhận được thông tin về PCTT - Người dân tiếp cận được nhiều nguồn thông tin 		
Đông Hải	290	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loa thường xuyên hư hỏng - Không có hệ thống cảnh báo sớm vùng nguy hiểm 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 5 cụm loa (20 cái loa) - 95 hộ có ti vi, 100% có điện thoại di động 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống loa hư hỏng, tuyên truyền chưa thường xuyên - Người dân nghe thông tin PCTT chưa kịp thời 	<p>Cao: loa hư hỏng, tuyên truyền chưa thường xuyên</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có cán bộ truyền thanh, phân công cán bộ trong quân dân chính làm công tác thông tin - Chưa có nội dung tuyên truyền về PCTT 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ truyền thanh xã nhiệt tình - Thường xuyên thông báo cho người dân trước khi thiên tai xảy ra - Cán bộ truyền thanh xã nhiệt tình 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% hộ dân có sử dụng Internet - 40% hộ dân chưa tiếp cận được thông tin PCTT 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10% hộ dân có sử dụng Internet - 60% hộ tiếp nhận được thông tin về PCTT - Người dân tiếp cận được nhiều nguồn thông tin 		
Lý Trà	318	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu các cảnh báo nguy hiểm - 5% hộ chưa có ti vi - 10% hộ chưa có điện thoại di 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 95 hộ có ti vi nghe tin tức - 90% hộ có điện thoại di động 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống loa hư hỏng - Người 	<p>Cao: loa hư hỏng, tuyên truyền</p>

		<p>động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống loa truyền thanh nhiều sóng, nghe thông tin khó 		<p>dân nghe thông tin PCTT chưa kịp thời</p>	<p>chưa thường xuyên</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 30% nhóm đối tượng DBTT nghe được thông tin - Hệ thống truyền thanh chưa phủ kín thôn - Công tác thông tin chưa thường xuyên - Không có cán bộ truyền thanh, phân công cán bộ trong quân dân chính làm công tác thông tin - Chưa có nội dung tuyên truyền về PCTT 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin cho người về cấp độ bão kịp thời - Cán bộ truyền thanh xã nhiệt tình - Thường xuyên thông báo cho người dân trước khi thiên tai xảy ra 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nước ngập vùng bị ảnh hưởng mất điện, người dân không tiếp nhận được thông tin - 90% hộ dân có sử dụng Internet - 40% hộ dân chưa tiếp cận được thông tin PCTT 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% hộ tiếp nhận được thông tin về PCTT - 10% hộ có Internet, kết nối 3G-4G - Người dân tiếp cận được nhiều nguồn thông tin 		
	An Lương	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống loa 2 cái, hư hỏng xuống cấp 2 cái - Thiếu phương tiện cảnh báo 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ có tỉ lệ 90%, có điện thoại 85% 	<p>Người dân thiếu thông tin, không chủ động phòng chống</p>	<p>Trung bình:</p> <p>Thông tin tuyên truyền chưa được tốt</p>
	252	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 20% nhóm đối tượng DBTT nghe được thông tin - Hệ thống truyền thanh chưa phủ kín thôn - Công tác thông tin chưa thường xuyên - Không có cán bộ truyền thanh, phân công cán bộ trong quân dân chính làm công tác thông tin - Chưa có nội dung tuyên truyền về PCTT 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên thông báo cho người dân trước khi thiên tai xảy ra - Thông tin cho người về cấp độ bão kịp thời - Cán bộ truyền thanh xã nhiệt tình 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% hộ dân có sử dụng Internet - 40% hộ dân chưa tiếp cận được thông tin PCTT 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10% hộ có Internet, kết nối 3G-4G - Người dân tiếp cận được nhiều nguồn thông tin - 60% hộ tiếp nhận được thông tin về PCTT 		

15. Phòng chống thiên tai/TUĐDKH

Loại hình Thiên tai/ĐDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTĐBTT	Năng lực PCTT TUĐDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/ĐDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, Ngập lụt	Đức Bó 1	405	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện CHCN chưa đảm bảo, hư hỏng và thiếu - Thiếu bảo hộ lao động khi làm nhiệm vụ - Thiếu các biển cảnh báo vùng nguy hiểm - Chưa có điểm sơ tán an toàn với bão, ngập lụt 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung dụng máy nổ dự phòng, lều bạt, xe tải của người dân - Sử dụng các nhà dân vùng an toàn làm điểm sơ tán 	<ul style="list-style-type: none"> - Đội TN XK nguy cơ tai nạn khi làm nhiệm vụ - Nguy cơ đuối nước 	<p>Cao : chưa có chính sách bảo hộ cho lực lượng CHCN khi làm nhiệm vụ, thiếu kiến thức PCTT, sơ cấp cứu</p>
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội XK chưa được đào tạo - Thành viên trong đội xung kích thường xuyên thay đổi, triệu tập lực lượng không đủ do đi làm ăn xa - Chưa có chế độ khi đi làm nhiệm vụ - Không có kinh phí phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đội xung kích 15 người (4nữ) - Có KH, phân công nhiệm vụ - Hỗ trợ người dân chặn chống nhà cửa, di dời tài sản và hỗ trợ các hộ dễ bị tổn thương - Có sự chỉ đạo của BCH cấp trên - Thực hiện tốt phương châm 4 tại chỗ - Trung dụng các hộ kinh doanh mặt hàng nhu yếu phẩm cung cấp khi có thiên tai xảy ra 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội xung kích chưa được tập huấn đầy đủ qua các lớp - Chưa được tập huấn về SCC và PCTT - Chưa được diễn tập - 30% người dân chưa biết cách chặn chống nhà cửa trước thiên tai - 30% hộ gia đình chưa dự trữ lương, nước uống từ 4-5 ngày 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% người dân chủ động nguồn lương thực dự trữ trong thời gian bão, ngập lụt kéo dài 5-7 ngày - 70% người dân biết cách chặn chống nhà cửa trước thiên tai 		
Đức Bó 2	299	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện CHCN chưa được trang bị (xuong, ghe ...) - Thiếu bảo hộ lao động khi làm nhiệm vụ - Thiếu các biển cảnh báo vùng 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện tốt phương châm 4 tại chỗ - Thuê 3 ghe để sử dụng khi thiên tai xảy ra - Trung dụng máy nổ dự 	<ul style="list-style-type: none"> - Đội TN XK nguy cơ tai nạn khi làm nhiệm vụ - Nguy cơ 	<p>Cao : chưa có chính sách bảo hộ cho lực</p>	

		<p>nguy hiểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có điểm sơ tán an toàn với bão, ngập lụt 	<p>phòng, lều bạt, xe tải của người dân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các nhà dân vùng an toàn làm điểm sơ tán 	đuổi nước	<p>lượng CHCN khi làm nhiệm vụ, thiếu kiến thức PCTT, sơ cấp cứu</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội XK chưa được đào tạo, số lượng ít - Thành viên trong đội xung kích thường xuyên thay đổi, triệu tập lực lượng không đủ do đi làm ăn xa - Chưa có chế độ khi đi làm nhiệm vụ - Không có kinh phí phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đội xung kích 13 người (0 nữ) - Có KH, phân công nhiệm vụ - Hỗ trợ người dân chằng chống nhà cửa, di dời tài sản và hỗ trợ các hộ dễ bị tổn thương - Có sự chỉ đạo của BCH cấp trên - Trưng dụng các hộ kinh doanh mặt hàng nhu yếu phẩm cung cấp khi có thiên tai xảy ra 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội xung kích chưa được tập huấn đầy đủ qua các lớp - Chưa được tập huấn về SCC và PCTT - Chưa được diễn tập - 30% người dân chưa biết cách chằng chống nhà cửa trước thiên tai - 30% hộ gia đình chưa dự trữ lương, nước uống từ 4-5 ngày 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% người dân chủ động nguồn lương thực dự trữ trong thời gian bão, ngập lụt kéo dài 5-7 ngày - 70% người dân biết cách chằng chống nhà cửa trước thiên tai 		
Thuận An	462	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương tiện CHCN chưa được trang bị - Thiếu bảo hộ lao động khi làm nhiệm vụ - Thiếu các biển cảnh báo vùng nguy hiểm - Chưa có điểm sơ tán an toàn với bão, ngập lụt 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trưng dụng máy nổ dự phòng, lều bạt, xe tải của người dân - Sử dụng các nhà dân vùng an toàn làm điểm sơ tán 	<ul style="list-style-type: none"> - Đội TN XK nguy cơ tai nạn khi làm nhiệm vụ - Nguy cơ đuổi nước 	<p>Cao : chưa có chính sách bảo hộ cho lực lượng CHCN khi làm nhiệm vụ, thiếu kiến thức PCTT, sơ cấp cứu</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có chính sách bảo hộ khi thực hiện nhiệm vụ - Kinh phí đầu tư thấp, trang thiết bị cứu hộ cứu nạn thiếu - Chưa tổ chức diễn tập PCTT 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đội xung kích 16 người (7 nữ) - Vận động và hỗ trợ người dân chằng chống nhà cửa khi có thiên tai - Chính quyền đẩy mạnh công tác tập huấn cho đội xung kích - Trưng dụng các hộ kinh doanh mặt hàng nhu yếu phẩm cung cấp khi có thiên 		

			<p>tai xảy ra</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện tốt phương châm 4 tại chỗ - Tổ chức phòng chống thiên tai có kế hoạch và phương án sơ tán 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội xung kích chưa được tập huấn đầy đủ qua các lớp - Chưa được tập huấn về SCC và PCTT - Chưa được diễn tập - 30% người dân chưa biết cách phòng chống nhà cửa trước thiên tai - 10% hộ gia đình chưa dự trữ lương, nước uống từ 4-5 ngày 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân chủ động trong việc dự trữ nguồn lương thực và nước sinh hoạt - 70% người dân chưa biết cách phòng chống nhà cửa trước thiên tai 		
Đông Hải	290	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội Xung kích chưa có trang thiết bị CHCN - Thiếu bảo hộ lao động khi làm nhiệm vụ - Thiếu các biển cảnh báo vùng nguy hiểm - Chưa có điểm sơ tán an toàn với bão, ngập lụt 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung dụng máy nổ dự phòng, lều bạt, xe tải của người dân - Sử dụng các nhà dân vùng an toàn làm điểm sơ tán 	<ul style="list-style-type: none"> - Đội TN XK nguy cơ tai nạn khi làm nhiệm vụ - Nguy cơ đuối nước 	<p>Cao : chưa có chính sách bảo hộ cho lực lượng CHCN khi làm nhiệm vụ, thiếu kiến thức PCTT, sơ cấp cứu</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội XK chưa được đào tạo - Thành viên trong đội xung kích thường xuyên thay đổi, triệu tập lực lượng không đủ do đi làm ăn xa - Chưa có chế độ khi đi làm nhiệm vụ - Không có kinh phí phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đội xung kích 19 người (5 nữ) - Đa số là lực lượng thanh niên có sức khỏe tốt, biết bơi - Vận động và hỗ trợ người dân chằng chống nhà cửa khi có thiên tai - Chính quyền đẩy mạnh công tác tập huấn cho đội xung kích - Trung dụng các hộ kinh doanh mặt hàng nhu yếu phẩm cung cấp khi có thiên tai xảy ra 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa được tập huấn về SCC và PCTT - Chưa được diễn tập - 30% người dân chưa biết cách phòng chống nhà cửa trước thiên tai - 10% hộ gia đình chưa dự trữ lương, nước uống từ 4-5 ngày 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 70% người dân biết cách phòng chống nhà cửa trước thiên tai - 90% hộ gia đình dự trữ lương, nước uống từ 4-5 ngày 		

Lý Trà	318	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội Xung kích chưa có trang thiết bị CHCN - Thiếu bảo hộ lao động khi làm nhiệm vụ - Thiếu các biển cảnh báo vùng nguy hiểm - Chưa có điểm sơ tán an toàn với bão, ngập lụt 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung dụng máy nổ dự phòng, lều bạt, xe tải của người dân - Sử dụng các nhà dân vùng an toàn làm điểm sơ tán 	<ul style="list-style-type: none"> - Đội TN XK nguy cơ tai nạn khi làm nhiệm vụ - Nguy cơ đuối nước 	<p>Cao : chưa có chính sách bảo hộ cho lực lượng CHCN khi làm nhiệm vụ, thiếu kiến thức PCTT, sơ cấp cứu</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội XK chưa được đào tạo - Thành viên trong đội xung kích thường xuyên thay đổi, triệu tập lực lượng không đủ do đi làm ăn xa - Chưa có chế độ khi đi làm nhiệm vụ - Không có kinh phí phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đội xung kích 11 người (3 nữ) - Vận động và hỗ trợ người dân chằng chống nhà cửa khi có thiên tai - Chính quyền đẩy mạnh công tác tập huấn cho đội xung kích - Trung dụng các hộ kinh doanh mặt hàng nhu yếu phẩm cung cấp khi có thiên tai xảy ra - Thực hiện tốt phương châm 4 tại chỗ - Tổ chức phòng chống thiên tai có kế hoạch và phương án sơ tán 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa được tập huấn về SCC và PCTT - Chưa được diễn tập - 40% chưa biết cách chằng chống nhà cửa - 30% hộ gia đình dự trữ lương, nước uống từ 4-5 ngày - 30% hộ chủ quan trong việc chằng chống nhà và sơ tán 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân biết cách chằng chống nhà cửa trước thiên tai - 70% hộ gia đình dự trữ lương, nước uống từ 4-5 ngày 		
An Lương	252	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội xung kích thiếu phương tiện - Trang bị cứu hộ cứu nạn chưa đầy đủ - Thiếu bảo hộ lao động khi làm nhiệm vụ - Thiếu các biển cảnh báo vùng nguy hiểm - Chưa có điểm sơ tán an toàn với bão, ngập lụt 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung dụng máy nổ dự phòng, lều bạt, xe tải của người dân - Sử dụng các nhà dân vùng an toàn làm điểm sơ tán 	<ul style="list-style-type: none"> - Đội TN XK nguy cơ tai nạn khi làm nhiệm vụ - Nguy cơ đuối nước 	<p>Cao : chưa có chính sách bảo hộ cho lực lượng CHCN khi làm nhiệm vụ, thiếu kiến thức PCTT, sơ cấp cứu</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội XK chưa được đào tạo - Thành viên trong đội xung 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đội xung kích 12 người trong đó 4 nữ làm nhiệm vụ 		

		<p>kích thường xuyên thay đổi, triệu tập lực lượng không đủ do đi làm ăn xa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có chế độ khi đi làm nhiệm vụ - Không có kinh phí phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai 	<p>hậu cần, y tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận động và hỗ trợ người dân chằng chống nhà cửa khi có thiên tai - Chính quyền đẩy mạnh công tác tập huấn cho đội xung kích - Trưng dụng các hộ kinh doanh mặt hàng nhu yếu phẩm cung cấp khi có thiên tai xảy ra - Thực hiện tốt phương châm 4 tại chỗ - Tổ chức phòng chống thiên tai có kế hoạch và phương án sơ tán 		cứu
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa được tập huấn về SCC và PCTT - Chưa được diễn tập - 10% chưa biết cách chằng chống nhà cửa - 40% hộ gia đình dự trữ lương, nước uống từ 4-5 ngày - 30% hộ chủ quan trong việc chằng chống nhà và sơ tán 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90 hộ dân biết gia cố nhà cửa - 60 hộ có dự trữ lương thực phẩm thường xuyên - 28 hộ có kinh nghiệm phòng chống thiên tai 		

16. Giới trong PCTT và BDKH

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão, Ngập	Đức Bó 1	405	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có trang bị bảo hộ khi thực hiện nhiệm vụ 	<p>*VC:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ đuối nước - Không 	Cao: tỷ lệ không biết bơi

lực			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bận việc gia đình, chăm sóc con nhỏ, thời gian ham gia ít - Rào cản từ người chồng không hỗ trợ cho phụ nữ có thời gian rảnh tham gia - Chưa mạnh dạn tham gia vào công tác PCTT 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 03 nữ tham gia đội xung kích - Nữ tham gia vào công tác hậu cần, y tế, dọn dẹp sau thiên tai - Vận động nhân dân sơ tán khi có thông báo - Rà soát, thu thập thông tin các hộ bị ảnh hưởng để có cơ sở hỗ trợ - Chính quyền quan tâm cơ cấu nữ tham gia vào công tác PCTT 	dám tiếp cận công việc khi phân công	cao, chưa mạnh dạn tham gia vào công tác PCTT
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu kỹ năng bơi - Chưa được tập huấn về PCTT và sơ cấp cứu - 25% phụ nữ cho rằng công tác PCTT là của nam giới 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Động viên, an ủi những hộ bị thiệt hại - Vận động con em đến trường - Hỗ trợ người dân kê khai thiệt hại (nếu có) 		
	Đức Bó 2	299	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có trang bị bảo hộ khi thực hiện nhiệm vụ 	<p>*VC:</p>	Nhu cầu của nữ giới trong công tác PCTT chưa đáp ứng	Cao: Không có nữ tham gia vào công tác PCTT, chính quyền chưa quan tâm, chưa nắm nhu cầu của nữ giới trong công tác PCTT khi thiên tai xảy ra
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có nữ tham gia vào đội XK thôn - Công tác hậu cần không ai phục vụ (nam làm) - Chính quyền chưa quan tâm cơ cấu nữ tham gia vào công tác PCTT 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có lòng ghép tuyên truyền cho chị em phụ nữ trong các cuộc họp thôn - Vận động nhân dân sơ tán khi có thông báo - Rà soát, thu thập thông tin các hộ bị ảnh hưởng để có cơ sở hỗ trợ - Chính quyền quan tâm cơ cấu nữ tham gia vào công tác PCTT 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu kỹ năng bơi - Chưa được tập huấn về PCTT và sơ cấp cứu - 25% phụ nữ cho rằng công tác PCTT là của nam giới 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Động viên, an ủi những hộ bị thiệt hại - Vận động con em đến trường - Hỗ trợ người dân kê khai thiệt hại (nếu có) 		
	Thuận An	462	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có trang bị bảo hộ khi thực hiện nhiệm vụ 	<p>*VC:</p>	Nguy cơ xảy ra tai nạn trong lúc làm nhiệm vụ	Cao: tỷ lệ chưa biết bơi cao, vẫn chưa
<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần lớn nữ còn rụt rè, chưa mạnh dạn tham gia vào công tác 			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 7 nữ tham gia vào đội xung kích. 			

		<p>PCTT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ gia đình nữ là người cao tuổi và phụ nữ chăm sóc trẻ nhỏ cao - Phụ nữ bị rào cản về vấn đề xã hội, người chồng gây khó khăn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động nữ tích cực tham gia vào các công tác hậu cần, kinh tế, dọn dẹp vệ sinh sau thiên tai. - Tuyên truyền thông tin cho người dân và vận động người dân sơ tán khi có thiên tai. - Tích cực vận động, an ủi người bị thiệt hại sau thiên tai và vận động đưa con em đến trường. - Chính quyền quan tâm cơ cấu thêm nữ tham gia PCTT 		<p>tích cực tham gia công tác PCTT</p>
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu kỹ năng bơi - Chưa được tập huấn về PCTT và sơ cấp cứu - 25% phụ nữ cho rằng công tác PCTT là của nam giới 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Động viên, an ủi những hộ bị thiệt hại - Vận động con em đến trường - Hỗ trợ người dân kê khai thiệt hại (nếu có) 		
Đông Hải	290	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có trang bị bảo hộ khi thực hiện nhiệm vụ 	<p>*VC:</p>	<p>Nguy cơ xảy ra tai nạn trong lúc làm nhiệm vụ</p>	<p>Cao: chưa được tập huấn về SCC, PCTT</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bận việc gia đình, chăm sóc con nhỏ, thời gian ham gia ít - Rào cản từ người chồng không hỗ trợ cho phụ nữ có thời gian rảnh tham gia - Chưa mạnh dạn tham gia vào công tác PCTT 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 02 nữ tham gia vào đội XK thôn - Chính quyền quan tâm cơ cấu nữ tham gia vào công tác PCTT - Vận động nữ tích cực tham gia vào các công tác hậu cần, kinh tế, dọn dẹp vệ sinh sau thiên tai. - Tuyên truyền thông tin cho người dân và vận động người dân sơ tán khi có thiên tai. 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu kỹ năng bơi - Chưa được tập huấn về PCTT và sơ cấp cứu - 25% phụ nữ cho rằng công tác PCTT là của nam giới 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Động viên, an ủi những hộ bị thiệt hại - Vận động con em đến trường - Hỗ trợ người dân kê khai thiệt hại (nếu có) 		
Lý Trà	318	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa được trang bị bảo hộ trong công tác PCTT 	<p>*VC:</p>	<p>Nguy cơ xảy ra tai nạn trong lúc làm nhiệm vụ</p>	<p>Cao: chưa được tập huấn về SCC,</p>
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bận việc gia đình, chăm sóc 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 02 nữ tham gia vào đội 		

			<p>con nhỏ, thời gian tham gia ít</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rào cản từ người chồng không hỗ trợ cho phụ nữ có thời gian rảnh tham gia - Chưa mạnh dạn tham gia vào công tác PCTT 	<p>XK thôn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền quan tâm cơ cấu nữ tham gia vào công tác PCTT - Vận động nữ tích cực tham gia vào các công tác hậu cần, kinh tế, dọn dẹp vệ sinh sau thiên tai. - Tuyên truyền thông tin cho người dân và vận động người dân sơ tán khi có thiên tai. 		PCTT
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu kỹ năng bơi - Chưa được tập huấn về PCTT và sơ cấp cứu - 25% phụ nữ cho rằng công tác PCTT là của nam giới 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Động viên, an ủi những hộ bị thiệt hại - Vận động con em đến trường - Hỗ trợ người dân kê khai thiệt hại (nếu có) 		
	An Lương	252	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa được trang bị bảo hộ trong công tác PCTT 	<p>*VC:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ đuối nước - Không giám sát tiếp cận với công việc 	<p>Cao: tỷ lệ không biết bơi cao, chưa mạnh dạn tham gia vào công tác PCTT</p>
<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bận việc gia đình, chăm sóc con nhỏ, thời gian tham gia ít - Rào cản từ người chồng không hỗ trợ cho phụ nữ có thời gian rảnh tham gia - 25% phụ nữ cho rằng công tác PCTT là của nam giới - Chưa mạnh dạn tham gia vào công tác PCTT 			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền quan tâm cơ cấu nữ tham gia vào công tác PCTT - Vận động nữ tích cực tham gia vào các công tác hậu cần, kinh tế, dọn dẹp vệ sinh sau thiên tai. - Tuyên truyền thông tin cho người dân và vận động người dân sơ tán khi có thiên tai 			
<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu kỹ năng bơi - Chưa được tập huấn về PCTT và sơ cấp cứu - 25% phụ nữ cho rằng công tác PCTT là của nam giới 			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Động viên, an ủi những hộ bị thiệt hại - Vận động con em đến trường - Hỗ trợ người dân kê khai thiệt hại (nếu có) 			

17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

Loại hình Thiên tai/BĐ KH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Bão, Ngập lụt	Đức Bó 1	405	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu công cụ sản xuất - Thiếu vốn sản xuất - Một số diện tích đất sản xuất nằm trong vùng trũng, thấp - Chuồng trại chăn nuôi không đảm bảo 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa, gia cầm là tiềm năng phát triển của thôn - Diện tích đất sản xuất rộng, màu mỡ - Gần kênh mương, nguồn nước tưới thuận lợi - Đưa cơ giới hóa vào sản xuất, sạ theo hàng, lúa năng suất cao 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu vốn sản xuất - Thiếu đầu tư mua giống thuần chuẩn 	<p>Cao:</p> <p>không có vốn đầu tư, chưa áp dụng KHKT, sản xuất không trung, không theo lịch cơ cấu giống</p>
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu nhập thấp, không đảm bảo đời sống - Chính quyền địa phương không chỉ đạo triệt để khi sản xuất 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 95% hộ sản xuất nông nghiệp - Tập trung đồn điền đổi thửa theo định hướng nông thôn mới - Địa phương hỗ trợ cho nông dân mua phân trả chậm 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng KHKT vào sản xuất, chăn nuôi - Nhân dân sử dụng giống lúa thịt để sản xuất nên năng suất không cao - Người dân không tuân thủ theo cơ cấu giống lịch thời vụ 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng nguồn phân gia súc gia cầm sẵn có - Sử dụng công lao động nhàn rỗi - Tận dụng nguồn thức ăn sẵn có để chăn nuôi 		
	Đức Bó 2	299	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 8% diện tích lúa phụ thuộc nước trời - Thiếu công cụ sản xuất - Thiếu vốn sản xuất - Một số diện tích đất sản xuất nằm trong vùng trũng, thấp - Chuồng trại chăn nuôi không đảm bảo 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa, gia cầm là tiềm năng phát triển của thôn - Nông nghiệp đảm bảo đời sống cho người dân - Diện tích đất sản xuất rộng, màu mỡ - Gần sông, có phù sa bồi đắp 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu vốn sản xuất - Thiếu đầu tư mua giống thuần chuẩn 	<p>Cao:</p> <p>không có vốn đầu tư, chưa áp dụng KHKT, sản xuất không trung, không theo lịch cơ cấu giống</p>
			<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền địa phương không chỉ đạo triệt để khi sản xuất - Hộ dân chưa đồng thuận đồn điền đổi thửa theo định hướng nông thôn mới 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 85% hộ sản xuất nông nghiệp - Tập trung đồn điền đổi thửa theo định hướng nông thôn mới - Địa phương hỗ trợ cho nông dân mua phân trả chậm 		
			<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng KHKT vào sản xuất 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng nguồn phân gia súc gia cầm sẵn có 		

		<ul style="list-style-type: none"> - Nhân dân sử dụng giống lúa thịt để sản xuất nên năng suất không cao - Người dân không tuân thủ theo cơ cấu giống lịch thời vụ 	<ul style="list-style-type: none"> - Đưa cơ giới hóa vào sản xuất, sạ theo hàng, lúa năng suất cao - Sử dụng công lao động nhàn rỗi - Tận dụng nguồn thức ăn sẵn có để chăn nuôi 		
Thuận An	462	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu công cụ sản xuất - Thiếu vốn sản xuất - 100% diện tích đất sản xuất nằm trong vùng trũng, thấp - Chuồng trại chăn nuôi không đảm bảo 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa, gia cầm là tiềm năng phát triển của thôn - Gần kênh mương, nguồn nước tưới thuận lợi 	Dịch bệnh nuôi trồng thủy sản và trồng lúa - Đầu ra sản phẩm bấp bênh, thương ép giá.	<p>Cao:</p> nằm trong vùng ngập lụt, thương ép giá
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ dân chưa đồng thuận dồn điền đổi thửa theo định hướng nông thôn mới - Chính quyền địa phương không chỉ đạo triệt để khi sản xuất 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 80 hộ nuôi trồng thủy sản, 120 Tận dụng nguồn phân gia súc gia cầm sẵn có - Địa phương hỗ trợ cho nông dân mua phân trả chậm - Chính quyền địa phương chỉ đạo sản xuất thời vụ cho dân 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng KHKT vào sản xuất - Nhân dân sử dụng giống lúa thịt để sản xuất nên năng suất không cao 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân tuân thủ theo cơ cấu giống lịch thời vụ - Sử dụng công lao động nhàn rỗi - Tận dụng nguồn thức ăn sẵn có để chăn nuôi 		
Đông Hải	290	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu công cụ sản xuất - Thiếu vốn sản xuất - Một số diện tích đất sản xuất nằm trong vùng trũng, thấp - Chuồng trại chăn nuôi không đảm bảo 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa, gia cầm là tiềm năng phát triển của thôn - Gần kênh mương, nguồn nước tưới thuận lợi 	- Thiếu vốn sản xuất - Thiếu đầu tư mua giống thuần chuẩn	<p>Cao:</p> không có vốn đầu tư, chưa áp dụng KHKT, sản xuất không trung, không theo lịch cơ cấu giống
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ dân chưa đồng thuận dồn điền đổi thửa theo định hướng nông thôn mới - Chính quyền địa phương không chỉ đạo triệt để khi sản xuất - Chuồng trại chăn nuôi không đảm bảo 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% hộ dân làm nông nghiệp - Địa phương hỗ trợ cho nông dân mua phân trả chậm - Chính quyền địa phương chỉ đạo sản xuất thời vụ cho dân 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng KHKT vào sản xuất 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng nguồn phân gia súc gia cầm sẵn có 		

		<ul style="list-style-type: none"> - Nhân dân sử dụng giống lúa thịt để sản xuất nên năng suất không cao - Người dân không tuân thủ theo cơ cấu giống lịch thời vụ 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng công lao động nhàn rỗi - Tận dụng nguồn thức ăn sẵn có để chăn nuôi 		
Lý Trà	318	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu công cụ sản xuất - Thiếu vốn sản xuất - Một số diện tích đất sản xuất nằm trong vùng trũng, thấp - Chuồng trại chăn nuôi không đảm bảo 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa, gia cầm là tiềm năng phát triển của thôn - Gần kênh mương, nguồn nước tưới thuận lợi 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu vốn sản xuất - Thiếu đầu tư mua giống thuần chuẩn 	<p>Cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> không có vốn đầu tư, chưa áp dụng KHKT, sản xuất không trung, không theo lịch cơ cấu giống
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ dân chưa đồng thuận đôn điền đổi thửa theo định hướng nông thôn mới - Chính quyền địa phương không chỉ đạo triệt để khi sản xuất 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% hộ dân làm nông nghiệp - Địa phương hỗ trợ cho nông dân mua phân trả chậm - Chính quyền địa phương chỉ đạo sản xuất thời vụ cho dân 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng KHKT vào sản xuất - Nhân dân sử dụng giống lúa thịt để sản xuất nên năng suất không cao - Người dân không tuân thủ theo cơ cấu giống lịch thời vụ 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng nguồn phân gia súc gia cầm sẵn có - Sử dụng công lao động nhàn rỗi - Tận dụng nguồn thức ăn sẵn có để chăn nuôi 		
An Lương	252	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu công cụ sản xuất - Thiếu vốn sản xuất - Một số diện tích đất sản xuất nằm trong vùng trũng, thấp - Chuồng trại chăn nuôi không đảm bảo 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lúa, gia cầm là tiềm năng phát triển của thôn - Gần kênh mương, nguồn nước tưới thuận lợi 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu vốn sản xuất - Thiếu đầu tư mua giống thuần chuẩn 	<p>Cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> không có vốn đầu tư, chưa áp dụng KHKT, sản xuất không trung, không theo lịch cơ cấu giống
		<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ dân chưa đồng thuận đôn điền đổi thửa theo định hướng nông thôn mới - Chính quyền địa phương không chỉ đạo triệt để khi sản xuất 	<p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 90% hộ dân làm nông nghiệp - Địa phương hỗ trợ cho nông dân mua phân trả chậm - Chính quyền địa phương chỉ đạo sản xuất thời vụ cho dân 		
		<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa áp dụng KHKT vào sản xuất - Nhân dân sử dụng giống lúa thịt để sản xuất nên năng suất không 	<p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng nguồn phân gia súc gia cầm sẵn có - Sử dụng công lao động nhàn rỗi 		

		cao - Người dân không tuân thủ theo cơ cấu giống lịch thời vụ	- Tận dụng nguồn thức ăn sẵn có để chăn nuôi	
--	--	--	--	--

D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

Thứ tự vấn đề ưu tiên(*)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	TTDBTD	Nguyên nhân	Giải pháp (tách biệt giải pháp cho Nam/Nữ nếu được)
1	Người chết, bị thương	<p>Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đuối nước - Không biết bơi - Sơ tán di dời không kịp <p>*Tổ chức xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức di dời sơ tán chưa kịp thời - Tổ chức thông báo vận động di dời chưa được quan tâm đúng mức - KH sơ tán chưa đảm bảo an toàn <p>*Ý thức kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý thức người dân còn chủ quan trong mùa mưa bão 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu kỹ năng bơi lội - Một số hộ chủ quan trong việc di dời - Sống tại vùng trũng thấp dễ bị ngập lụt, chủ yếu ở thôn Đông Hải - Sống ở xa vùng di dời - Thiếu kiến thức PCTT 	<p>* Phi công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật bổ sung KH phương án sơ tán di dời dân - Tập huấn PCTT đặc biệt là đối tượng DBTT - Tăng cường công tác tuyên truyền trong địa bàn xã (cần có thêm các tuyên truyền viên về PCTT tại xã) - Cần có kế hoạch và phương án di dời dân và có các chế tài đặc biệt nếu hộ dân không chịu di dời - Tập huấn bơi lội cho trẻ em học sinh <p>* Công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận động hộ dân trang bị áo phao
2	Nhà bị tốc mái, sập	<p>* Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà xây dựng chưa kiên cố, làm bằng vật tư kém, không bền chắc - Địa hình ở vùng trũng thấp, vùng thường xuyên tâm bão đi qua <p>*Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hộ nghèo neo đơn, thiếu nhân lực hỗ trợ <p>*Ý thức kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tâm lý nhân dân còn chủ quan trong ứng phó với bão lụt 	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân còn chủ quan trong việc chặn chống nhà cửa - Ban PCTT của xã chưa hỗ trợ nhân lực cũng như kỹ thuật hỗ trợ những hộ neo đơn trong việc chặn chống nhà cửa - Người dân thiếu kiến thức về nhà xây nhà chống bão và ngập lụt - Thiếu kỹ thuật chặn chống nhà cửa 	<p>* Phi công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn kỹ năng chặn chống nhà cửa - Tăng cường tuyên truyền chặn chống nhà cửa trước mùa mưa bão - Tập huấn kỹ thuật xây nhà an toàn với bão và ngập lụt cho bà con trong xã <p>* Công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây nhà an toàn với bão, ngập lụt
3	Kênh mương thủy lợi bị sạt lở, hư hỏng (kênh N293,	<p>*Vật chất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kênh mương chưa được kiên cố - Nước chảy xiết 	<ul style="list-style-type: none"> - Kênh mương làm bằng đất, xây dựng lâu năm, xuống cấp - Lượng mưa lớn trong 	<p>* Phi công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Ban giám sát cộng đồng cho mỗi công trình có sự tham gia của đại

	kênh N28)	<ul style="list-style-type: none"> - Kênh mương chưa được nạo vét và tu bổ thường xuyên *Tổ chức xã hội - Huy động xã hội công trình gặp nhiều khó khăn - Chưa thành lập các ban giám sát công trình có sự tham gia của cộng đồng. - Giám sát công trình chất lượng chưa đảm bảo *Ý thức kinh nghiệm - Người dân thiếu kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi 	<p>một thời điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền và người dân chưa đầu tư để nạo vét kênh mương - Ý thức của người dân trong việc duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi thấp - Chất lượng công trình chưa đảm bảo 	<p>diện người dân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền cho người dân về kiến thức bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi - Vận động người dân nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy * Công trình: - Nâng cấp kênh mương nội đồng tuyến kênh N293, N28 - Nạo vét và tu bổ kênh mương
4	Hạ tầng cộng đồng bị hư hỏng	<ul style="list-style-type: none"> *Vật chất: - Trụ điện ngã, đổ - Giao thông sạt lở đi lại khó khăn vào mùa mưa bão - Hệ thống điện chưa phủ kín *Tổ chức xã hội: - Huy động xã hội công trình gặp nhiều khó khăn - Chưa thành lập các ban giám sát công trình có sự tham gia của cộng đồng. - Giám sát công trình chất lượng chưa đảm bảo *Ý thức kinh nghiệm - Ý thức người dân trong việc tu bổ đường sau mùa mưa bão còn thấp - Người dân thiếu kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiều trụ điện làm bằng gỗ, tre (từ đường vào nhà dân), dây điện lâu năm, cũ mục - Một số tuyến đường giao thông làm bằng đất, chưa kiên cố hóa - Chính quyền chưa huy động được người dân tham gia tu bổ đường giao thông - Một số hộ sống xa khu dân cư chưa có hệ thống điện 	<ul style="list-style-type: none"> * Phi công trình: - Vận động các hộ dân thay mới các trụ điện và dây dẫn vào các hộ dân - Vận động người dân duy tu và bảo dưỡng các công trình công cộng - Tuyên truyền cho người dân kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng * Công trình: - Nâng cấp, kiên cố hóa các tuyến đường giao thông bằng đất. - Kiên nghị với Cty điện lực nâng cấp, thay mới các trụ ệ tong, đường dây và phủ kín hệ thống điện cho các hộ dân xa khu dân cư
5	Thủy sản chết, trôi	<ul style="list-style-type: none"> *Vật chất: - Nước tràn qua bờ ao nuôi tôm thấp trũng - Ao nuôi tôm chưa kiên cố - Nước ở vùng nuôi tôm có nguy cơ bị ô nhiễm - Độ mặn cao vào mùa nắng dẫn đến tôm thiếu oxy - Giống không rõ nguồn gốc và chưa đảm bảo 	<ul style="list-style-type: none"> - Đê bao xây dựng lâu năm, xuống cấp - Kè bao quanh các ao nuôi chưa kiên cố hóa và thấp - Vùng nuôi tôm thấp trũng - Chưa xử lý được nguồn nước bị ô nhiễm - Người dân thiếu kiến thức và kỹ thuật xử lý 	<ul style="list-style-type: none"> * Phi công trình: - Tập huấn kỹ thuật nuôi tôm và đặc biệt kỹ thuật xử lý nguồn nước - Tuyên truyền và vận động người dân nuôi tôm đúng theo quy hoạch và mùa vụ, thu hoạch trước mùa mưa bão - Tìm kiếm các cơ sở và hợp đồng cung cấp giống tôm có chất lượng

		<p>*Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa hình tổ nhóm liên kết trong NTTS - Chính quyền chưa quyết liệt trong việc vận động người NTTS tuân theo quy trình nuôi và xử lý nước thải từ ao tôm - Quản lý giữa hoạt động nông nghiệp và NTTS chưa được tốt <p>Ý thức kinh nghiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý thức người dân chưa tốt trong việc thải nước từ ao nuôi - Kinh nghiệm trong xử lý nước thải từ NTTS chưa tốt - Kiến thức về sử dụng thuốc kháng sinh và kỹ thuật chăm sóc chưa cao - Chưa nắm bắt và áp dụng KHKT vào NTTS 	<p>nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân nuôi tự phát và không theo mùa vụ nuôi - Thiếu cơ sở bán giống tôm đạt chất lượng - Nhiệt độ quá cao vào mùa nắng nóng 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường sục khí, bổ sung thức ăn giải nhiệt - Liên doanh các cơ sở cung cấp tôm giống tại địa phương <p>* Công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp và tu bổ các diện tích, ao hồ nuôi tôm - Trang bị máy sục khí - Xây dựng đê bao ngăn mặn (4km)
6	Lúa, hoa mùa ngập úng	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50ha lúa và 10 ha hoa mùa nằm ở vùng nguy cơ hạn hán - 60ha lúa, 40ha hoa mùa nằm ở vùng nguy cơ ngập úng cao - Kênh mương bằng đất, xây dựng lâu năm <p>*Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân chưa liên kết trong sản xuất - HTX hoạt động chưa mạnh - Xây dựng cánh đồng tập <p>* Ý thức kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân chưa có kinh nghiệm trong chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng - Thiếu giống ngắn ngày 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa có hệ thống thủy lợi ở vùng đất màu - Kênh mương thủy lợi chưa kiên cố hóa - Chưa có hệ thống tiêu úng - Mùa mưa bão đến sớm 	<p>* Phi công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ kinh phí bơm nước - Chuyển đổi cơ cấu cây trồng - Chủ động thu hoạch sớm - Chuyển đổi cơ cấu cây trồng ngắn ngày - Tăng cường hệ thống bơm tiêu úng - Điều chỉnh lịch mùa vụ <p>* Công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nạo vét kênh mương - Nâng cấp và xây dựng mới hệ thống thủy lợi dẫn nước đến vùng trồng màu
7	Gia súc gia cầm chết	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gia súc gia cầm sơ tán không kịp thời - Dịch bệnh ở gia súc gia cầm - Nước thải gia súc gia 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuồng trại còn tạm bợ, chăn nuôi nhỏ lẻ - Gia súc gia cầm chưa tiêm vắc xin - Chưa có hệ thống xử 	<p>* Phi công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận động hộ chăn nuôi vệ sinh chuồng trại sau mùa lụt bão - Tập huấn và nâng cao nhận thức cho người dân

		<p>cầm thái trực tiếp ra môi trường</p> <p>*Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền tiêm phòng vacxin cho các hộ chăn nuôi chưa thường xuyên <p>*Ý thức kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Còn chủ quan trong việc tiêm phòng cho GSGC - Vệ sinh chuồng trại chưa đảm bảo 	<p>lý nước thái chăn nuôi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu thuốc xử lý chuồng trại sau ngập lụt dài ngày 	<p>trong việc tiêm phòng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền cho người dân di dời gia súc gia cầm lên vùng cao trước khi có thiên tai xảy ra <p>* Công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp, sửa chữa chuồng trại chăn nuôi
8	<p>Phương tiện CHCN chưa đảm bảo</p>	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng các trụ sở thôn để sơ tán người dân - Thiếu áo phao, phao cứu sinh - Loa cầm tay hư hỏng - Chưa có máy cắt tỉa cành cây phát quang cây ngã đổ <p>*Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các hoạt động của ban PCTT chưa được đầu tư đúng mức - Chưa có sự phối kết hợp giữa đội xung kích và Ban PCTT tại xã <p>*Ý thức kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân chưa có ý thức cao trong việc tự trang bị các phương tiện CNCH cho gia đình như áo phao, phao cứu sinh, ghe thuyền, còn chủ quan - Chưa làm tốt công tác bảo quản, duy tu các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn 	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa có nhà tránh trú bão cho thôn và xã - Các thôn chưa được cấp phát loa cầm tay cho thôn - Chưa có chính sách hỗ trợ và bảo hộ cho đội xung kích và ban PCTT 	<p>*Phi công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất có chính sách hỗ trợ cho đội xung kích và Ban PCTT - Hỗ trợ phương tiện cứu nạn cứu hộ cho các thôn - Thành lập các đội XK thôn, cơ cấu nữ tham gia và chỉ đạo đồng bộ - Xây dựng phương án PCTT đồng bộ <p>*Công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ phương tiện cho đội CHCN - Xây nhà tránh trú bão, ngập lụt an toàn cho các thôn, xã
9	<p>Ô nhiễm môi trường, nguồn nước</p>	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nằm vùng trũng thấp ngập lụt - Chất thải từ NTTS và chăn nuôi thải ra - Dòng sông bị vùi lấp không chảy - Thiếu nước sạch, không đủ để uống 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có ao xử lý chất thải, hút nước từ biển - Chất thải tồn dư trong sản xuất nông nghiệp và khu dân cư - Người dân lấn chiếm lòng sông 	<p>*Phi công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xử phạt hành chính nếu người dân vi phạm - Tuyên truyền người dân nạo vét lòng sông thông thoáng nước chảy - Tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân về bảo vệ môi trường

		<p>*Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu tổ nhóm tuyên truyền về vệ sinh môi trường - Công tá tuyên truyền VSMT chưa thường xuyên <p>*Ý thức kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý thức người dân chưa cao trong bảo vệ môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền xã chưa chú trọng tuyên truyền, một số dân chưa thực hiện hiệu quả 	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động người dân nối đường ống nước <p>*Công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng ao xử lý nước thải trong nuôi trồng thủy sản - Nâng cấp và kiên cố chuồng trại chăn nuôi - Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt cho người dân
--	--	---	--	---

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành/lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp (****)	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến
				Ngắn hạn (thời thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên 2 năm)	
An toàn với người dân và cộng đồng	- Nâng cao năng lực PCTT cho chính quyền và người dân	6 thôn	<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn kỹ năng PCTT cho người dân - Thông tin tuyên truyền nội dung PCTT trên đài truyền thanh cho người dân 	X		80% nhà nước, 20% người dân
	- Xây dựng nhà an toàn với bão và ngập lụt	Thôn Đông Hải (80 hộ dân thường xuyên ngập lụt)	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát địa điểm - Xây dựng phương án - Tìm nguồn kinh phí - Thiết kế - Thực hiện xây dựng - Giám sát 	X		80% nhà nước, 20% người dân
	- Xây nhà văn hóa đa năng	- 6 thôn	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát địa điểm - Xây dựng phương án - Tìm nguồn kinh phí - Thiết kế - Thực hiện xây dựng - Giám sát 		X	90% nhà nước, 10% đối ứng
Hạ tầng cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp và kiên cố các tuyến đường giao thông - Nâng cấp đê bao ngăn mặn 10km - Nâng cao nhận thức cho người dân trong việc duy tu, 	5 thôn với 7km (Thuận An, Đông Hải, Lý Trà, An Lương, Đức Bó 1)	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát các tuyến đê - Xây dựng phương án nâng cấp và kiên cố - Tìm nguồn kinh phí - Thực hiện xây dựng - Thành lập Ban Giám sát cộng đồng - Tuyên truyền cho 		X	80% nhà nước, 20% người dân

	bảo dưỡng các công trình cộng đồng		người dân về kiến thức kỹ bảo dưỡng, duy tu công trình công cộng			
Công trình thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp các tuyến kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất (kênh N2931, N2932, N2933) - Nâng cấp 3 công ngăn mặn - Nâng cấp 4 công tiêu - Nâng cao nhận thức cho người dân trong việc duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi 	6 thôn	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát các tuyến kênh mương - Xây dựng phương án nâng cấp và kiên cố - Tìm nguồn kinh phí - Thực hiện xây dựng - Thành lập Ban Giám sát cộng đồng - Tuyên truyền cho người dân về kiến thức kỹ bảo dưỡng, duy tu công trình thủy lợi 		X	80% nhà nước, 20% người dân
Nhà ở	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ xây dựng nhà an toàn với bão, ngập lụt - Nâng cao nhận thức cho người dân về chặn chống nhà cửa 	6 thôn Nhóm đối tượng DBTT, vùng không an toàn	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát địa điểm - Xây dựng phương án - Tìm nguồn kinh phí - Thiết kế - Lựa chọn đối tượng - Hướng dẫn nhà mẫu - Thực hiện xây dựng - Giám sát - Tập huấn PCTT cho người dân - Vận động người dân xây nhà an toàn với bão, ngập lụt 	X		80% nhà nước, 20% người dân
Nước sạch vệ sinh môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống nước sạch - Nâng cao nhận thức cho người dân về nước sạch-VSMT 	6 thôn	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát, xác định hệ thống đường ống nối với đường ống chính khu công nghiệp - Xây dựng kế hoạch triển khai đưa nước về người dân - Tuyên truyền cho người dân về nước sạch VSMT - Vận động người dân tham gia đấu nối ống nước 	X		70% nhà nước, 30% người dân
Y tế và quản lý dịch bệnh	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở thuốc xử lý nguồn nước trong và sau khi thiên tai - Nâng cao nhận thức cho người dân về sức khỏe- 	6 thôn	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kế hoạch hỗ trợ - Thực hiện và giám sát 	X		70% nhà nước, 30% người dân

	VSMT					
Giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kiên cố hóa 2 cơ sở trường mẫu giáo - Nâng cao kỹ năng PCTT, sơ cấp cứu cho trẻ em, học sinh 	<p>Đông Hải Đức Bô 2</p> <p>Học sinh tại các trường</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng phương án - Tìm nguồn kinh phí - Thiết kế - Thực hiện xây dựng - Giám sát - Tổ chức các lớp học bơi, an toàn đuối nước cho trẻ em và học sinh - Lồng ghép chương trình PCTT vào trong trường học 	X		<p>90% nhà nước, 10% đối ứng</p> <p>70% nhà nước, 30% người dân</p>
Rừng ngập mặn	<ul style="list-style-type: none"> - Trồng mới và chăm sóc rừng ngập mặn -Tái tạo nguồn lợi thủy sản 	Thuận An Đông Hải	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát diện tích trồng mới - Quy hoạch diện tích trồng - Hỗ trợ ươm cây giống mới - Tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc, bảo vệ rừng ngập mặn - Hỗ trợ trao sinh kế cho người dân vùng ngập mặn - Thành lập các nhóm mô hình sinh kế 	X		60% nhà nước, 40% người dân
Trồng trọt	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ chuyển đổi cây trồng phù hợp với đất chua mặn - Nâng cao kiến thức và kỹ thuật chăn nuôi 	50 ha tại Đông Hải	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát diện tích đất chua mặn - Quy hoạch diện tích trồng - Thử nghiệm các giống cây trồng mới - Tập huấn kỹ thuật - Vận động người dân chuyển đổi - Tìm kiếm thị trường đầu ra cho sản phẩm cây trồng mới 	X		60% nhà nước, 40% người dân
Chăn nuôi	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ chuyển đổi giống vật nuôi theo hướng lai hóa đàn gia súc gia cầm - Nâng cao kiến thức và kỹ thuật chăn nuôi 	6 thôn	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp chuồng trại - Tập huấn kỹ thuật - Hỗ trợ giống - Vận động người dân chuyển đổi - Tìm kiếm thị trường đầu ra cho sản phẩm 	X		60% nhà nước, 40% người dân

<p>Thủy sản</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao kiến thức và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản - Hỗ trợ giống nuôi chất lượng cao - Xây dựng hệ thống xử lý nước thải NTTS 	<p>4 thôn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn kỹ thuật nuôi, xử lý nguồn nước và thiết kế ao nuôi - Tìm kiếm nguồn cung cấp giống có uy tín - Khảo sát diện tích nuôi - Quy hoạch diện tích NTTS - Thiết kế hệ thống xử lý nước thải NTTS - Vận động người NTTS tuân thủ theo quy trình xử lý nước - Thực hiện xây dựng - Giám sát và quản lý thực hiện đưa vào vận hành hệ thống xử lý nước thải NTTS 	<p>X</p>	<p>90% nhà nước, đối ứng 10%</p>
<p>Buôn bán và ngành nghề dịch vụ khác</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các siêu thị mini 	<p>Đông Hải (trung tâm xã)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát địa điểm - Xây dựng phương án - Tìm nguồn kinh phí - Thiết kế - Thực hiện xây dựng - Giám sát 	<p>X</p>	<p>90% nhà nước, đối ứng 10%</p>
<p>Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm ở vùng thường xuyên ngập lụt cao - Nâng cấp các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn 	<p>Đông Hải Thuận An</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ trang thiết bị như loa tay để thông báo khi mất điện 	<p>X</p>	<p>90% nhà nước, đối ứng 10%</p>
<p>Phòng chống thiên tai và TUBĐKH</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao kiến thức về PCTT và tìm kiếm cứu nạn cho lực lượng xung kích 	<p>6 thôn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn kỹ thuật PCTT và TKCN - Tổ chức thường xuyên các đợt diễn tập PCTT - Trang bị phương tiện PCTT tại xã (6 loa, áo phao, máy phát điện, đồ bảo hộ) 	<p>X</p>	<p>90% nhà nước, đối ứng 10%</p>
<p>Lĩnh vực bình đẳng giới</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức và kiến thức PCTT, sơ cấp cứu cho phụ nữ - Tăng cường cơ cấu nữ trong lực lượng xung kích - Hỗ trợ tạo sinh kế cho phụ nữ trong vùng ngập lụt và 	<p>6 thôn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn và tuyên truyền kiến thức và kỹ năng PCTT cho phụ nữ trong xã - Tổ chức các lớp dạy bơi cho phụ nữ và các trẻ em gái - Tổ chức các lớp học nghề cho phụ nữ - Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp 	<p>X</p>	<p>60% nhà nước, 40% người dân</p>

	bão thường xuyên					
--	------------------	--	--	--	--	--

3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã

- Xã Tam Anh Bắc là xã bãi ngang ven, xã được hưởng lợi hưởng trình 257 của Chính phủ, hàng năm Chính phủ có hỗ trợ đầu tư kinh phí và xã tiết kiệm từ nguồn ngân sách của địa phương để nâng cấp sửa chữa các công trình cơ sở hạ tầng, tuy nhiên đến năm 2017 xã không được hưởng chương trình này nữa.
- Người dân còn chủ quan trong công tác PCTT, lo giữ tài sản không chịu di dời.
- Rừng ngập mặn cần phải được tái tạo bảo vệ nguồn lợi thủy sản, các dự án trước có triển khai thực hiện chưa mang tính bền vững

4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã

- Báo cáo kết quả đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trong thời gian 8 ngày mang tính toàn diện trên các lĩnh vực của xã

- Đề nghị dự án quan tâm hỗ trợ đầu tư trồng rừng ngập mặn, xây nhà an toàn đối với bão, ngập lụt, nhà đa năng, nâng cao nhận thức cho người dân về công tác PCTT nhằm giảm bớt thiệt hại về người và tài sản cho người dân
- Cấp trên quan tâm xem xét hỗ trợ kinh phí xây dựng các công trình thủy lợi, công cộng giúp địa phương giảm nhẹ RRTT
- Chính quyền sẽ lồng ghép kết quả đánh giá vào KH phát triển kinh tế xã hội và KH PCTT của xã.

Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Hải

Phụ lục

1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá

TT	Họ tên (Nam/Nữ)	Đơn vị	Số điện thoại
1	Nguyễn Ngọc Hải	Nam PCT UBND xã-Trưởng nhóm	01225041648

2	Phan Thị Mỹ Hạnh	Nữ	CC VP Thống kê	0963012199
3	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	VP UBND xã	0981313056
4	Huỳnh Thị Xuân Trang	Nữ	CB giảm nghèo	0967421423
5	Phan Thị Thanh Thủy	Nữ	CT Hội CTĐ xã	0905712536
6	Nguyễn Đình Kỳ	Nam	VHTT xã	0935147304
7	Trần Sỹ Nam	Nam	CT Hội Nông Dân	01287186443
9	Doãn Thị Hiệp	Nữ	PCT Hội Nông Dân	0935147304
10	Võ Văn Trung	Nam	PCT Hội CCB	

2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

Công cụ 2: LỊCH SỬ THIÊN TAI

Năm/Tháng	Thiên tai	Đặc điểm/xu hướng TT	Khu vực thiệt hại	Thiệt hại	Tại sao	Đã làm gì để ứng phó
9/2009	Bão	Sức gió mạnh cấp 9-10, giật cấp 11-12 Ngập sâu 2-3 m, thời gian ngập 5-7 ngày	Toàn xã	<p>*ATCD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 2 người chết (01 nữ, 1 nam) - Người già và trẻ em không có nơi để sơ tán - Trẻ em đuối nước - 80 nhà sập, tóc mái - 4,5km đường bê tông và 1,7km đường đất bị sạt lở - Có nhà văn hóa thôn bán kiên cố - 200m dây điện đứt, 2 trụ điện ngã - 0,43km đường liên thôn bằng đất thường xuyên sạt lở đi lại khó khăn - 3,95km đường đất nội đồng - Dây điện chằng chịt - Nhà VH thôn xây dựng lâu năm - Không có chợ - Thiết bị vui chơi ở sân vận động thể thao ngã gãy - Địa bàn thấp trũng, đường nội đồng bằng đất thường xuyên bị ngập lụt 	<p>*VC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa có điểm để sơ tán người già và trẻ em - Trong các khu dân cư thấp trũng chưa có nhiều nhà cao tầng để người dân có thể sơ tán - Chưa có nhà tránh trú bão, lụt của cộng đồng - 95% hộ dân không có áo phao <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 53% nhóm đối tượng dễ bị tổn thương - 22% người không biết bơi - 4% hộ nghèo, 0,7% hộ cận nghèo - 19% hộ có phụ nữ làm chủ hộ - Thiếu lực lượng hỗ trợ di dời nhóm đối tượng DBTT <p>*NT/KN:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tận dụng nhà dân vùng an toàn để sơ tán - 10% hộ dân có áo phao - 30% hộ biết bơi - 48% hộ dân có kiến thức PCTT - 80% người dân có kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai - 70% người dân có kiến thức chặn chống nhà cửa - Huy động người dân tu sửa đường - 90% hộ dân có kiến thức chặn chống nhà cửa - 95% người dân bỏ rác đúng nơi quy định

			<ul style="list-style-type: none"> - 1,5km kênh mương nội đồng bằng đất - Công tiêu nhỏ không thoát được nước - 5km đê bán kiên cố chưa được bê tông hóa - Có 01 hồ chưa kiên cố <p>*SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 18 ha rừng bị ngã đổ, tróc gốc - 2 ha lúa ngập, mất trắng - 18 ha nuôi tôm bị trôi, chết - 2,5ha hoa màu ngập, hư hỏng - 431 gia súc gia cầm chết, trôi <p>*VSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% hộ dân chưa phân loại rác thải - Dịch bệnh phát sinh như tiêu chảy, ngoài da, phụ khoa - 50% hộ dân chưa tham gia đóng phí rác thải - 50% giếng khoan xuống cấp, 10 giếng đào xây dựng lâu năm - Nhiều hộ dân nằm trong vùng trũng thấp - 95% người dân có nhà vệ sinh tự hoại 	<ul style="list-style-type: none"> - 20% người dân chưa có kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai - 25% người dân chưa có kiến thức chặn chống nhà cửa - 22% người dân không biết bơi 	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên tuyên truyền cho người dân về VSMT - 50% người dân được tập huấn về cách xử lý nước - 30% hộ dự trữ nước - 80% người dân có ý thức khám sức khỏe định kỳ - Học sinh cấp 2 trở lên đều biết bơi 	
2016 và 11/2017	Ngập lụt	Ngập sâu 2-3 m, thời gian ngập 5-7 ngày	06 thôn	<p>*ATCD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 người chết (nữ) - Đuối nước - Không biết bơi - Sơ tán di dời không kịp - Thiếu kỹ năng bơi lội - Một số hộ chủ quan trong việc di dời - Sống tại vùng trũng thấp dễ bị ngập lụt, chủ yếu ở thôn Đông Hải - Sống ở xa vùng di dời <p>*SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 51 con gà, 4 lợn, 200 vịt chết trôi - 60% hộ chăn nuôi mất mát, nhỏ lẻ chưa quan tâm chăm sóc - Dịch bệnh tai xanh, cúm, tụ huyết trùng thường xuyên xảy ra - 80% hộ chăn nuôi không có chuồng trại, thả rong - Gia súc gia cầm chết trôi 	<p>*Vật chất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 50ha lúa và 10 ha hoa mùa nằm ở vùng nguy cơ hạn hán - 60ha lúa, 40ha hoa mùa nằm ở vùng nguy cơ ngập úng cao - Kênh mương bằng đất, xây dựng lâu năm <p>*Tổ chức xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dân chưa liên kết trong sản xuất - HTX hoạt động chưa mạnh - Xây dựng cánh đồng tập - 45% tỷ lệ nữ tham gia trồng lúa - 87% hộ tham gia trồng lúa - Hỗ trợ kinh phí bơm nước chống hạn - 60% nữ tham gia chăn nuôi - 50% hộ chăn nuôi - Giải quyết công nhân rồi 	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân đã qua lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt - Nhiều hộ đầu tư giống chịu nước - Người dân chủ động chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với thổ nhưỡng địa phương - Người dân cần cù chịu khó, sản xuất hết diện tích đất sẵn có

		<ul style="list-style-type: none"> - 80 ha tôm, cá bị trôi, mất trắng - 7 ha hoa màu ngập úng, hư hỏng - 416 con gia súc gia cầm chết, trôi - Năng suất thấp - Thua lỗ trong nuôi trồng - Diện tích ao hồ bị bỏ hoang - Nguồn nước nuôi tôm không đảm bảo, độ mặn thấp, dễ bị ô nhiễm - Bờ ao không kiên cố, nằm sát ruộng sản xuất ảnh hưởng thuốc trừ sâu - Thiếu đầu tư thiết bị trong nuôi trồng - 60% diện tích ao hồ bị bỏ hoang <p>*VSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch bệnh đau mắt đỏ, ngoài da, phụ khoa, sốt xuất huyết, viêm đường hô hấp, tay chân miệng - Thiếu nước sinh hoạt, nước bị nhiễm phèn - Xác súc vật chết trôi vút bờ bãi - 30% hộ chưa có nhà vệ sinh - Dịch bệnh đau mắt đỏ, ngoài da, phụ khoa, sốt xuất huyết, viêm đường hô hấp, tay chân miệng - 5% người dân chưa tham gia BHYT - Cán bộ y tế thôn bản ít (01 người), số dân thôn đông - Cán bộ y tế kiêm nhiệm - Chưa quản lý được dịch bệnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo nguồn thu nhập cho người dân- Có hệ thống nước sạch của Cty cấp thoát nước Quảng Nam - 30% hộ dự trữ nước sạch trước mùa mưa lũ -10% hộ dân sử dụng nước sạch - Có bể nước công cộng phục vụ 70 hộ dân - 85% hộ dân dùng giếng khoan - 15% hộ dân dùng giếng đào - 95% hộ có NVS tự hoại - 70 hộ dân được tập huấn và cấp thuốc xử lý nước bị nhiễm bẩn và phèn - 100% hộ dân dự trữ nước bình từ 5-7 ngày - Có 01 cán bộ y tế thôn, được đào tạo theo quy định <p>* Ý thức kinh nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu điện - 60% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu đường và cống - 90% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu trụ sở UBND và NVH thôn - Người dân chưa có kinh nghiệm trong chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng - Thiếu giống ngắn ngày - 60% hộ dân có ý thức nộp phí môi trường theo quy định - 70% người dân ý thức bảo vệ môi trường
--	--	--	--

**BẢNG TỔNG HỢP RỦI RO THIÊN TAI XÃ TAM ANH BẮC
(Đức Bó 1, 2, Thuận An, Đông Hải, Lý Trà, An Lương)**

Thiên Tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực phòng, chống thiên tai	Rủi ro
Bão , Ngập lụt	Sức gió mạnh cấp 9-10, giạt cấp 11-	ATCD: - Người chết (01 nữ, 1 nam)	*VC: - Có 04 cụm loa phát thanh	- Nguy cơ người chết, bị thương

	<p>12</p> <p>Ngập sâu 2-3 m, thời gian ngập 5-7 ngày</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Người già và trẻ em không có nơi để sơ tán - Chưa có điểm để sơ tán người già và trẻ em - Trong các khu dân cư thấp trũng chưa có nhiều nhà cao tầng để người dân có thể sơ tán - Chưa có nhà tránh trú bão, lụt của cộng đồng - 95% hộ dân không có áo phao - Nhà sập, tốc mái - Đường giao thông bằng đất bị sạt lở, thường xuyên bị ngập - Nhà văn hóa thôn xây dựng lâu năm - Dây điện chằng chịt đứt, trụ điện ngã - Không có chợ - Thiếu bị vui chơi ở sân vận động thể thao ngã gãy - Cổng tiêu nhỏ không thoát được nước - Đê chưa bê tông hóa - Hồ chưa kiên cố <p>*SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tôm, cá bị trôi, mất trắng - Hoa màu ngập úng, hư hỏng - Gia súc gia cầm chết, trôi - 60% diện tích ao hồ bị bỏ hoang - Nguồn nước nuôi tôm không đảm bảo, độ mặn thấp, dễ bị ô nhiễm - Bờ ao không kiên cố, nằm sát ruộng sản xuất ảnh hưởng thuốc trừ sâu - Thiếu đầu tư thiết bị trong nuôi trồng - Rừng bị ngã đổ, tróc gốc - Lúa ngập, mất trắng - 65% chuồng trại còn tạm bợ - Chưa có hệ thống thu gom chất thải của gia súc gia cầm - Thiếu nước sinh hoạt, nước nhiễm phèn <p>*VSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu nước sinh hoạt, nước bị nhiễm phèn - Xác súc vật chết trôi vớt bờ bãi - 30% hộ chưa có nhà vệ sinh - Dịch bệnh đau mắt đỏ, ngoài da, phụ khoa, sốt xuất huyết, viêm đường hô hấp, tay chân miệng - 5% người dân chưa tham gia BHYT - Cán bộ y tế thôn bản ít (01 người), số dân thôn đông - Cán bộ y tế kiêm nhiệm - Chưa quản lý được dịch bệnh 	<p>đang hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - 99% hộ có ti vi theo dõi thông tin thời tiết - 20% hộ dân có sử dụng Internet - Có 01 máy âm ly, 01 loa cầm tay - 1 ha diện tích nuôi cá nước ngọt - 5.200m2 ao nuôi cá - Ao nuôi gần nhà - Đầu tư máy sục khí - 156 hộ dùng giếng đào, 96 hộ dùng giếng khoan - Có thùng chứa rác công cộng từng khu vực - Có 04 hộ chăn nuôi heo có hầm bioga - Đa số các hộ có hầm chứa phân và nước thải chăn nuôi - 98% hộ sử dụng NVS tự hoại <p>*TCXH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 45% tỷ lệ nữ tham gia trồng lúa - 87% hộ tham gia trồng lúa - Hỗ trợ kinh phí bơm nước chống hạn - 60% nữ tham gia chăn nuôi - 50% hộ chăn nuôi - Giải quyết công nhân rỗi - Tạo nguồn thu nhập - Có đội thu gom rác thường xuyên tuần 2 lần <p>*NT/KN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 60% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu điện - 60% người dân chưa có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu đường và cống - 90% người dân có kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu trụ sở UBND và NVH thôn - 60% hộ dân có ý thức nộp phí môi trường theo quy định - 70% người dân ý thức bảo vệ môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà sập, tốc mái - CSHT hư hỏng - Nhà sập, tốc mái - Thiếu phương tiện CHCN - Dịch bệnh GSGC - Ô nhiễm môi trường, nguồn nước - Thủy sản chết, trôi
--	--	--	---	---

3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá

Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai⁵

Khái niệm

Đánh giá rủi ro là “Một phương pháp xác định bản chất và mức độ rủi ro bằng cách phân tích các thiên tai có thể xảy ra và đánh giá các điều kiện hiện tại của tình trạng dễ bị tổn thương mà có thể gây hại cho con người, tài sản, các dịch vụ, các hoạt động sinh kế và môi trường trong khu vực nguy hiểm.” (UNISDR, 2009 và dự thảo Thuật ngữ 2016).

Giới thiệu Nội dung cơ bản trong đánh giá rủi ro thiên tai, khí hậu

A. Các loại hình thiên tai phổ biến và tần suất, cường độ



- Dạng và loại hình thiên tai, thời tiết cực đoan tại xã
- Các đặc điểm trong quá khứ, tần suất và cường độ thiên tai xảy ra
- Xu hướng biến đổi khí hậu và thiên tai trong tương lai của xã

B. Người dân, cơ sở vật chất và sinh kế trong các vùng thiên tai của xã (Exposures)



- Phân bố dân cư và cơ sở vật chất, sinh kế của xã theo không gian/địa bàn thiên tai

C. Tình trạng dễ tổn thương và năng lực của người dân, cơ sở vật chất và sinh kế



- Hiện trạng và đặc điểm dân cư, cơ sở vật chất và sinh kế
- Nguyên nhân, năng lực, điểm mạnh yếu của dân cư, cơ sở vật chất, và sinh kế tại các vùng thiên tai trong xã

D. Mức độ Rủi ro với thiên tai và khí hậu của người dân, cơ sở vật chất và sinh kế tại xã



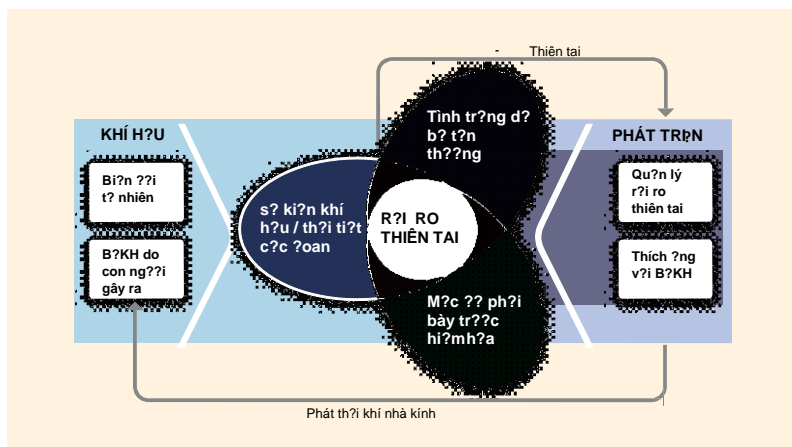
- Đánh giá, phân lớp các rủi ro thiên tai khí hậu và mức độ rủi ro cho từng ngành/lĩnh vực theo nhu cầu
- Có thể bản đồ hóa các lớp thông tin đánh giá dựa trên kết quả của xã

Việc đánh giá rủi ro thiên tai⁶ bao gồm nhận định và phân tích các nội dung liên quan đến:

⁵ Nguồn tham khảo: Dự thảo hướng dẫn của UNDP-Bộ NN&PTNT – Tài liệu kỹ thuật về Quản lý rủi ro thiên tai và Thích ứng với Biến đổi khí hậu)

- (i) nhận định đặc điểm của các hiện tượng thiên tai như vị trí, tần suất, cấp độ, cường độ và xác suất xảy ra;
- (ii) phân tích mức độ bị phơi bày của người và sự vật với các hiện tượng thiên tai;
- (iii) phân tích điều kiện dễ bị tổn thương của người và sự vật với các hiện tượng thiên tai đó ở mọi góc độ xã hội, y tế, kinh tế, môi trường;
- (iv) đánh giá hiệu quả năng lực sẵn có hoặc các năng lực thay thế (dự phòng) để có thể đối phó với các tình huống thiên tai khác nhau⁷ ;

Việc đưa ra định nghĩa hay khái niệm về đánh giá rủi ro thiên tai chỉ mang tính tương đối và còn chưa hoàn toàn nhất quán về cách tiếp cận và phương pháp⁸. Bản thân công tác quản lý rủi ro thiên tai cũng còn khá mới so với các lĩnh vực phát triển khác trên toàn cầu (khoảng từ đầu những năm 1990). Tại các quốc gia, việc quản lý rủi ro thiên tai trong những thập kỷ trước kia đa phần tập trung nhiều vào các công tác ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai hơn là coi đây là một mặt của vấn đề phát triển.



Đánh giá rủi ro thiên tai có thể được thực hiện ở các quy mô khác nhau (toàn cầu, quốc gia, tỉnh, thành phố/thị trấn, huyện, xã, thôn) và có thể được thực hiện cho các lĩnh vực khác nhau.

Nội dung đánh giá

Có bốn nội dung đánh giá rủi ro phải đề cập tới, đó là:

Đánh giá Thiên tai⁹: nhận biết những thiên tai nào gây ảnh hưởng tới cộng đồng, mô tả bản chất và diễn biến của mỗi thiên tai trên khía cạnh tần suất, cường độ, xuất hiện theo mùa, vị trí, dấu hiệu cảnh báo, khả năng cảnh báo sớm và hiểu biết chung của mọi người về thiên tai.

Về bản chất, thiên tai có thể chia làm hai loại: (i) các hiện tượng thiên tai tự nhiên như lũ, bão, hạn hán và

⁶ Các hoạt động này cũng còn được gọi là quá trình phân tích rủi ro (Dự thảo Sổ tay thuật ngữ về rủi ro thiên tai, 2016)

⁷ Trong nhiều trường hợp, người ta coi năng lực là điều kiện đối ngược của tình trạng dễ bị tổn thương. Vì vậy, trên thực tế có nhiều phương pháp đánh giá không tách biệt đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương ra khỏi việc phân tích đánh giá năng lực.

⁸ Hiện nay UNISDR đang tiến hành tổng hợp sổ tay thuật ngữ mới trong công tác giảm rủi ro thiên tai

(http://www.preventionweb.net/files/47136_workingtextonterminology.pdf). Việc đưa ra định nghĩa về đánh giá rủi ro thiên tai về bản chất chỉ mang tính tương đối. Dựa vào mục đích đánh giá khác nhau, việc đánh giá RRTT sẽ có cách tiếp cận và phương pháp khác nhau chứ không cố định ở một số quy tắc nhất định.

⁹ Trong bài viết tác giả dùng từ Hiểm họa – Hazard, là một khái niệm dành cho các nhà nghiên cứu, để dễ hiểu và đồng nhất với các chương khác, ban biên tập chuyển thành thuật ngữ “Thiên tai”.

động đất có khả năng gây ra các ảnh hưởng tiêu cực đến người và tài sản; và các hiện tượng thiên tai do các quy trình quá trình hoạt động sản xuất của con người gây ra như quá trình đô thị hóa, suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu, v.v. Các quy trình/quá trình này hiện nay ngày càng diễn biến phức tạp và khó tách biệt về mặt bản chất của hiện tượng là do tự nhiên hay con người gây ra.

Thiên tai khác nhau về mức độ, quy mô, tần suất và thường được phân loại theo các nguyên nhân gây ra thiên tai khác nhau như địa lý, thủy văn, khí tượng và khí hậu.

Các kiến thức về thiên tai thường có thể thu thập từ các nguồn như:

- Các kinh nghiệm truyền thống, bản địa và kiến thức địa phương
- Các báo cáo nghiên cứu đánh giá khoa học kỹ thuật
- Các báo cáo theo dõi giám sát về dịch vụ khí tượng thủy văn
- Các mô hình khí tượng thủy văn, mô hình phân loại phân vùng thiên tai.

Đánh giá mức độ phơi bày trước thiên tai (Exposure): nhận biết mức độ hiện diện của con người và tài sản (như sinh kế, các dịch vụ môi trường và các nguồn tài nguyên, cơ sở hạ tầng, các tài sản kinh tế, xã hội và văn hóa v.v.) (chỉnh sửa từ SREX, Chương 2).

Các kiến thức về mức độ phơi bày thường có thể thu thập từ các kết quả điều tra dân số, ảnh vệ tinh, dữ liệu GIS, các báo cáo quy hoạch kế hoạch và các kinh nghiệm lịch sử về các sự kiện thiên tai. v.v. Các thông tin này thường được thể hiện dưới dạng bản đồ, bao gồm:

- Bản đồ phân bố theo không gian (địa phương, vùng.v.v) và thời gian (ngày/tháng/năm) về người và cơ sở hạ tầng, ví dụ: bản đồ hệ sinh thái, cơ sở hạ tầng, bản đồ sử dụng đất, bản đồ hành chính và dân số, v.v.
- Bản đồ phân vùng thiên tai lũ, bão, hạn hán v.v. theo không gian và thời gian

Mức độ phơi bày trước thiên tai chỉ là một điều kiện cần nhưng không phải là đủ để quyết định khả năng chịu rủi ro thiên tai. Quy mô về tần suất, thời gian và không gian phơi bày trước thiên tai cũng rất quan trọng. Cùng sinh sống tại vùng lũ lụt, nhưng khả năng rủi ro với hộ dân ở vùng cao và vùng trũng là khác nhau hay nói cách khác, mức độ chịu ảnh hưởng của lũ lụt của hộ dân ở khu vực ở cùng trũng sẽ cao hơn hộ dân ở vùng cao. Nếu một người chỉ đến một nơi bị nào đó bị bão, mức độ phơi bày trước bão của người đó tăng lên. Nếu người đó phải liên tục di chuyển trong vùng lũ, họ sẽ có nguy cơ cao gặp nhiều rủi ro lũ lụt. Ngược lại, nếu được cảnh báo sớm và những người dân được sơ tán kịp thời, mức độ phơi bày trước thiên tai của họ giảm đi (IPCC, 2012 trang 237).

Ví dụ, để đối phó với cơn bão Damrey (cơn bão số 7 năm 2005), Huyện Hậu Lộc (tỉnh Thanh Hóa) đã di dời được 29.000 dân trong vòng 3 ngày trước bão (từ ngày 24 đến ngày 26/9/2005) lên các nhà kiên cố cao tầng trong thôn, trường học và khu hành chính ở trên thị trấn (JANI, 2011 trang 26). Tương tự như vậy, việc di dời 60.000 dân (khoảng 16.000 hộ gia đình) kịp thời ở tỉnh Quảng Nam trước cơn bão số 9 (bão Ketsana) cuối tháng 9 năm 2009 đã giảm thiểu mức thiệt hại về người và tài sản của nhân dân và chính quyền (JANI, 2011 trang 28).

Đánh giá Tình trạng dễ bị tổn thương (Vulnerability): là việc nhận biết các điều kiện tự nhiên, xã hội, kinh tế và môi trường hoặc các đặc điểm của các quá trình/quy trình hoạt động sản xuất của con người, mà vì các điều kiện/đặc điểm đó có khả năng làm tăng nguy cơ một cá nhân và/hoặc cộng đồng phải chịu tác động đến các thiên tai khác nhau (UNISDR, 2004; Dự thảo Thuật ngữ 2016).

Các nguồn thông tin kiến thức chủ yếu liên quan đến tình trạng dễ bị tổn thương thường được thu thập từ:

- Các kiến thức địa phương, kinh nghiệm bản địa
- Các chỉ số kinh tế xã hội của địa phương, chính quyền
- Các báo cáo đánh giá phân tích kinh tế, tài chính, báo cáo xã hội học (nhân chủng, dân tộc, văn hóa, hệ chính trị, v.v)

Việc đánh giá này nhằm nhận biết ai, cái gì chịu rủi ro đối với mỗi loại thiên tai và tại sao chúng có rủi ro (phân tích nguyên nhân căn bản). Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương sẽ giúp nhận biết được đâu là các cá nhân, hộ gia đình, các nhóm dân cư, tài sản và hoạt động sản xuất dễ chịu ảnh hưởng nhất từ thiên tai nào đó. Ví dụ: mặc dù cùng có nguy cơ thiên tai và mức độ phơi bày trước thiên tai như nhau, nhưng hộ nghèo thường sẽ dễ bị tác động tiêu cực của thiên tai hơn các hộ dân có điều kiện sống trung bình và khá giả.

Đánh giá tình trạng tổn thương là một trong hai điều kiện đủ để có thể xác định xem một cá nhân hay cộng đồng đang ở trên một địa bàn nhất định có bị tác động của thiên tai hay không. Ví dụ: Một hộ nông dân mà sinh kế chính của gia đình là nông nghiệp (dễ bị tổn thương với các điều kiện khí hậu, sinh kế phụ thuộc vào thời tiết), và sống ở vùng thường xuyên có lũ thì nhiều khả năng sẽ thường xuyên xảy ra mất mùa đói kém do lũ.

Trong thực tế, việc đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương là việc tập hợp nhiều điều kiện và đặc điểm có yếu tố bất lợi của một cá nhân hoặc một cộng đồng trong việc đối phó với thiên tai trên nhiều góc độ (tự nhiên, xã hội, kinh tế, môi trường, và quá trình/quy trình khác nhau). Một hộ dân càng có nhiều điều kiện dễ bị tổn thương thì sẽ càng dễ có nguy cơ bị tổn thất với các thiên tai.

Đánh giá Năng lực (Capacity): là khái niệm để chỉ quá trình nhận biết và xác định các nguồn lực và năng lực của con người hoặc của cộng đồng nhằm phòng tránh, ứng phó và phục hồi từ những tác động của các thiên tai. Năng lực ở đây được hiểu bao gồm việc kiểm soát và quản lý các nguồn lực tài chính, tài nguyên thiên nhiên, các kiến thức, kinh nghiệm và chuyên môn trong việc quản lý tổ chức quy hoạch tại địa phương để quản lý, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và tăng cường khả năng chống chịu.

Việc đánh giá năng lực cũng được hiểu là quá trình tổng hợp các nguồn lực, điểm mạnh và đặc tính sẵn có trong từng cá nhân, cộng đồng, xã hội và tổ chức có thể được sử dụng nhằm giảm các rủi ro do một thiên tai nhất định gây ra. Năng lực có tính động và thay đổi tùy theo hoàn cảnh cụ thể. Việc đánh giá năng lực cũng được coi là điều kiện đủ thứ hai để xác định mức độ rủi ro thiên tai của cá nhân hoặc cộng đồng.

Lưu ý: Trong đánh giá rủi ro thiên tai, năng lực là khái niệm trái ngược với điều kiện dễ bị tổn thương. Năng lực dùng để chỉ các điểm mạnh/đặc điểm tích cực của người dân có thể thực hiện để đối phó với thiên tai. Tình trạng dễ bị tổn thương dùng để chỉ các điểm yếu/các điểm hạn chế mà người dân tại địa phương đang gặp phải khiến họ không thể giải quyết được các tác động tiêu cực trong hoàn cảnh thiên tai. Với mỗi cá nhân và cộng đồng khác nhau, năng lực cũng như tình trạng dễ bị tổn thương của họ là khác nhau.

Như vậy, đánh giá mức độ rủi ro thiên tai (Risk) là quá trình tổng hợp các đánh giá về thiên tai, mức độ phơi bày, các điều kiện dễ bị tổn thương và năng lực của cá nhân hoặc cộng đồng để đưa ra các nhận định, ước lượng về mức độ nguy cơ tổn thất mà thiên tai có thể gây ra về mặt kinh tế, xã hội, tự nhiên hay môi trường.

Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai là thước đo và phân loại các rủi ro thiên tai mà cá nhân, cộng đồng hay một hệ thống phải đối mặt. Đây là cơ sở cho kế hoạch giảm thiểu rủi ro của cộng đồng và các cơ quan nhà nước ở các cấp. Hiểu được rủi ro thiên tai, người ra có thể thiết lập thứ tự ưu tiên ở địa phương cho các hoạt động và phát triển cộng đồng sao cho các rủi ro và các chương trình khắc phục hậu quả có thể được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên của người dân để nắm được kiến thức ở địa phương và đảm bảo rằng các kế hoạch QLRRTT phù hợp với các vấn đề ở địa phương.